

UBND TỈNH NINH BÌNH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ  
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ**

**NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÁC SẢN PHẨM CỦA  
GOOGLE WORKSPACE FOR EDUCATION VÀO  
VIỆC SỐ HÓA NGUỒN HỌC LIỆU HỌC PHẦN  
TIẾNG ANH 3 THÀNH WEBSITE HỖ TRỢ HỌC TẬP  
CHO SINH VIÊN TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ**

**Chủ nhiệm: TS. PHẠM ĐỨC THUẬN**

**Đơn vị: KHOA NGOẠI NGỮ - CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

**NINH BÌNH, 2023**

UBND TỈNH NINH BÌNH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ  
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

NGHIÊN CỨU ỨNG DỤNG CÁC SẢN PHẨM CỦA  
GOOGLE WORKSPACE FOR EDUCATION VÀO VIỆC  
SỐ HÓA NGUỒN HỌC LIỆU HỌC PHẦN TIẾNG ANH 3  
THÀNH WEBSITE HỖ TRỢ HỌC TẬP CHO SINH VIÊN  
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

Chủ nhiệm: TS. PHẠM ĐỨC THUẬN  
Đơn vị: KHOA NGOẠI NGỮ - CÔNG NGHỆ THÔNG TIN  
Thành viên: ThS. ĐÀO SỸ NHIÊN  
ThS. NGUYỄN THỊ HỒNG TUYẾN  
ThS. NGUYỄN THỊ MIỀN  
ThS. TRẦN THỊ HUYỀN PHƯƠNG

Xác nhận của Chủ tịch HĐ nghiệm thu

Chủ nhiệm nhiệm vụ

Đồng Thị Thu

Phạm Đức Thuận

NINH BÌNH, 2023

# MỤC LỤC

MỤC LỤC .....	i
DANH MỤC BẢNG .....	iii
DANH MỤC HÌNH .....	iv
THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU.....	v
MỞ ĐẦU.....	1
1. Tổng quan tình hình nghiên cứu .....	1
1.1. Các nghiên cứu quốc tế về các công cụ Google.....	1
1.2. Các nghiên cứu trong nước về các công cụ Google .....	6
1.3. Các nghiên cứu ứng dụng các công cụ Google tại Trường Đại học Hoa Lư.....	7
1.4. Kết luận .....	9
2. Tính cấp thiết của đề tài.....	10
3. Mục tiêu nghiên cứu .....	11
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu .....	12
5. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu .....	12
NỘI DUNG NGHIÊN CỨU.....	13
Chương 1 .....	13
CƠ SỞ LÝ LUẬN.....	13
1.1. CÁC CÔNG CỤ TRONG GOOGLE WORKSPACE FOR EDUCATION.....	13
1.2. TỔNG QUAN HỌC PHẦN TIẾNG ANH 3 TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ .....	18
Chương 2 .....	22
ỨNG DỤNG CÁC CÔNG CỤ GOOGLE XÂY DỰNG WEBSITE.....	22
2.1. TỔNG QUAN VỀ BỐI CẢNH NGHIÊN CỨU VÀ KHÁCH THỂ NGHIÊN CỨU.....	22
2.2. XÂY DỰNG WEBSITE .....	22
2.3. THỬ NGHIỆM SỬ DỤNG WEBSITE .....	26
Chương 3 .....	28
KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN VỀ WEBSITE .....	28
3.1. CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ .....	28
3.2. TRÌNH BÀY VÀ GIẢI THÍCH KẾT QUẢ KHẢO SÁT.....	28
3.3. KẾT QUẢ KHẢO SÁT.....	29
KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ.....	41
1. KẾT LUẬN .....	41
1.1. Kết quả nghiên cứu.....	41
1.2. Tồn tại – hạn chế.....	43
2. KIẾN NGHỊ .....	44
2.1. Đối với Nhà trường.....	44
2.2. Đối với giảng viên .....	44

<b>DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA NHÓM TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG ĐỀ TÀI.....</b>	<b>46</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO.....</b>	<b>47</b>
<b>PHỤ LỤC .....</b>	<b>49</b>
<b>BẢNG CÂU HỎI KHẢO SÁT .....</b>	<b>49</b>
<b>VOCABULARY LISTS .....</b>	<b>50</b>

## **DANH MỤC BẢNG**

Bảng 1.1: Nội dung kiến thức ngữ pháp, đọc, và nghe trong học phần tiếng Anh 3 .....	20
Bảng 2.1: Khách thể nghiên cứu .....	22
Bảng 2.2: Tổng hợp kết quả làm bài tập .....	27
Bảng 3.1: Tổng hợp kết quả thống kê trị số trung bình từ SPSS .....	38

## DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1: Tài khoản trên GWE kèm theo một số biểu tượng ứng dụng.....	14
Hình 1.2: Google Drive trong GWE .....	15
Hình 1.3: Google Sites trong GWE.....	16
Hình 1.4: Google Forms trong GWE.....	17
Hình 1.5: Google Sheets trong GWE.....	17
Hình 1.6: Google Docs trong GWE .....	18
Hình 1.1: Giao diện trang Home của website .....	25
Hình 2.2: Giao diện Unit 06 của website .....	25
Hình 2.2: Kết quả làm bài Unit 05 .....	26
Hình 3.1: Kết quả trả lời câu hỏi khảo sát số 1 .....	29
Hình 3.2: Kết quả trả lời câu hỏi khảo sát số 2 .....	30
Hình 3.3: Kết quả trả lời câu hỏi khảo sát số 3 .....	30
Hình 2.4: Kết quả trả lời câu hỏi khảo sát số 4 .....	31
Hình 2.5: Kết quả trả lời câu hỏi khảo sát số 5 .....	32
Hình 2.6: Kết quả trả lời câu hỏi khảo sát số 6 .....	32
Hình 2.7: Kết quả trả lời câu hỏi khảo sát số 7 .....	33
Hình 2.8: Kết quả trả lời câu hỏi khảo sát số 8 .....	34
Hình 2.9: Kết quả trả lời câu hỏi khảo sát số 9 .....	34
Hình 2.10: Kết quả trả lời câu hỏi khảo sát số 10 .....	35
Hình 2.11: Kết quả trả lời câu hỏi khảo sát số 11 .....	35
Hình 2.12: Kết quả trả lời câu hỏi khảo sát số 12 .....	36
Hình 2.13: Kết quả trả lời câu hỏi khảo sát số 13 .....	37
Hình 2.14: Kết quả trả lời câu hỏi khảo sát số 14 .....	37

## THÔNG TIN KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ này nghiên cứu ứng dụng các sản phẩm của Google Workspace for Education vào việc số hóa nguồn học liệu học phần tiếng Anh 3 thành website hỗ trợ học tập cho sinh viên tại Trường Đại học Hoa Lư. Nhiệm vụ nghiên cứu tập trung vào 3 mục tiêu cụ thể là: (1) xây dựng Website hỗ trợ học tập, (2) đánh giá tính khả thi khi xây dựng website, và (3) tìm hiểu quan điểm đánh giá của sinh viên về website. Phân tích tổng quan tình hình nghiên cứu cho thấy bối cảnh giảng dạy tiếng Anh tại Trường Đại học Hoa Lư chưa có nhiều nghiên cứu ứng dụng các công cụ của Google vào số hoá nguồn học liệu nhằm hỗ trợ sinh viên trong quá trình học tập tiếng Anh. Do đó, nghiên cứu này có đóng góp cả về mặt lý thuyết và thực tiễn phục vụ thiết thực công tác dạy và học tiếng Anh tại Trường, đồng thời đáp ứng nhu cầu thời đại chuyên đổi số trong giảng dạy đại học. Kết quả nghiên cứu cho thấy, nhóm nghiên cứu đã hoàn thành các mục tiêu đã đề ra. Thứ nhất, nhóm đã xây dựng thành công website hỗ trợ học tập với các nội dung căn bản về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp, bài luyện tập, tài liệu video và audio. Thứ hai, việc xây dựng website dựa trên các công cụ của Google là khả thi. Và cuối cùng là, sinh viên có phản hồi tích cực với website, sử dụng các nội dung học tập, và tham gia làm bài tập trên website.

# MỞ ĐẦU

## 1. Tổng quan tình hình nghiên cứu

### 1.1. Các nghiên cứu quốc tế về các công cụ Google

Trong một thập kỷ gần đây, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác giảng dạy tiếng Anh trong môi trường đại học phát triển nở rộ. Các nghiên cứu ứng dụng các công cụ của Google vào thực tế giảng dạy được ghi nhận tính đa dạng và phong phú. Tính đến nay đã có nhiều bài báo kết hợp nghiên cứu lý thuyết gắn liền với ứng dụng vào thực tế đã chứng minh tính khả thi, tính hiệu quả và được người dạy và người học đón nhận tích cực.

Google Workspace for Education là gói công cụ điện toán đám mây Google phát triển dành cho giáo dục. Các cơ sở đào tạo đủ điều kiện sẽ được sử dụng miễn phí các sản phẩm trong gói căn bản – Fundamentals. Trước đây, các gói dành cho giáo dục còn có tên gọi là G Suite. Hiện nay, một số sản phẩm cốt lõi trong gói Google Workspace for Education Fundamentals bao gồm: Google Drive, Google Classroom, Google Forms, Google Sites, Google Slides, Google Docs, Google Sheets, Google Meet, Google Calendar, Google Keep.

Trên bình diện quốc tế, các nghiên cứu ứng dụng các sản phẩm của Google được thực hiện tại nhiều quốc gia khác nhau như Nga, Séc, Palestine, Ukraine, UAE, Indonesia, Philippines, Thái Lan.

Nhóm tác giả Batrova và cộng sự (2019) trình bày kinh nghiệm và kết quả nâng cao năng lực CNTT-TT của giáo viên dạy tiếng Anh tại chức đã tham gia đào tạo nghề nâng cao tại cơ sở của Đại học Liên bang Kazan, Liên bang Nga, năm 2015-2017. Kết quả khảo sát giữa các giáo viên cho thấy Google Suite như Gmail và Google Drive đã được sử dụng rộng rãi. Thực hiện các dự án nhóm của các giáo viên EFL tại chức về tiếng Anh đã được phê duyệt rằng mỗi người trong số họ đã sẵn sàng để sử dụng thêm Google Suite (Google Tài liệu, Biểu mẫu, Google Sites, v.v.) và công nghệ dự án cho công việc cộng tác trong quá trình giáo dục. Nhờ đó, học sinh được hình thành và phát triển năng lực giao tiếp ngoại



ngữ, sử dụng tiếng Anh như một phương tiện thu thập thông tin, hứng thú nâng cao trình độ tiếng Anh đã đạt được.

Trong bối cảnh giảng dạy tiếng Anh tại đảo Síp, tác giả Contantinou (2018) thực hiện một nghiên cứu tại Trung tâm Ngôn ngữ Đại học Công nghệ Cộng hòa Síp, trong bối cảnh hai khóa học tiếng Anh cho mục đích học thuật (EAP) kết hợp dành cho sinh viên năm thứ nhất của Khoa Khoa học Nông nghiệp, Công nghệ Sinh học và Khoa học Thực phẩm và Thương mại, Tài chính và Vận chuyển, dựa trên các phương pháp tiếp cận kiến tạo xã hội với các yếu tố của chủ nghĩa kết nối và phương pháp giảng dạy lấy sinh viên làm trung tâm. Nghiên cứu nhằm thu thập dữ liệu về quan điểm của sinh viên về mức độ dễ sử dụng của các công cụ G Suite for Education, những khó khăn gặp phải trong quá trình sử dụng và hiệu quả của chúng trong quá trình dạy và học. Dữ liệu được thu thập thông qua một bảng câu hỏi trực tuyến, bao gồm thang đo Likert và các câu hỏi mở, được cung cấp cho sinh viên vào cuối học kỳ. Các phát hiện cho thấy rằng sinh viên đánh giá rất tích cực việc sử dụng các công cụ G Suite cho giáo dục trong các khóa học EAP của họ, cả về mức độ dễ sử dụng và hiệu quả trong quá trình học tập và giảng dạy, chỉ gặp phải những khó khăn nhỏ trong quá trình sử dụng.

Tại Ukraine, tác giả Kovalenko (2019) tiến hành nghiên cứu ứng dụng các sản phẩm của Google trong giảng dạy tiếng Anh Thương mại. Tác giả phân tích các tính năng chính của Google Apps Education Edition và các dịch vụ chính của Google giúp tìm hiểu, cải thiện kỹ năng hệ thống và đóng góp vào sự phát triển nghề nghiệp của các nhà kinh tế trong tương lai. Tác giả kết luận rằng việc sử dụng chuyên nghiệp các sản phẩm công nghệ thông tin của Google bởi tất cả các thành viên của cộng đồng giáo dục là quá trình tạo cơ hội nâng cao mức độ hoạt động nhận thức của sinh viên – các nhà kinh tế tương lai và có thể trở thành động lực mạnh mẽ cũng như công cụ hỗ trợ và thúc đẩy quá trình đào tạo lấy con người làm trung tâm và tự hoàn thiện của học sinh. Ngoài ra, nó đã được phân tích cách học tiếng Anh Thương mại với sự trợ giúp của các ứng dụng đang chạy trên Hệ điều hành di động Android và IOS. Để làm cho việc học trở thành một hoạt động linh hoạt hơn, tác giả đề xuất sinh viên nên sử dụng tất cả các cơ hội kỹ

thuật và khung thời gian, với sự trợ giúp của các ứng dụng, họ sẽ có thể học từ vựng chuyên nghiệp và cải thiện kỹ năng ngữ pháp bất cứ lúc nào và ở đâu. Ngoài ra còn có một loạt các trò chơi ứng dụng khác nhau.

Tại UAE, hai tác giả Ishtaiwa-Dweikat và Aburezeq (2016) tiến hành nghiên cứu có tựa đề “The use of Google apps to support teaching and learning: A UAE case study” (Sử dụng các ứng dụng của Google để hỗ trợ dạy và học tại UAE). Nghiên cứu này được thiết kế để kiểm tra trình độ, cách sử dụng và nhận thức của giáo viên trước khi nhập ngữ về những lợi ích và rào cản đối với việc sử dụng Google Apps để hỗ trợ các hoạt động dạy và học của họ. Các phương pháp định lượng và định tính đã được sử dụng. Kết quả cho thấy gần hai phần ba (63%) số người tham gia là người dùng Google Apps cấp cao hoặc chuyên gia trong khi gần một phần tư (24%) báo cáo rằng họ có kinh nghiệm trung bình và 13% báo cáo có kinh nghiệm kém. Nhóm tác giả cũng nhận thấy rằng những người tham gia sử dụng Google Apps nhiều nhất cho mục đích liên lạc, sao lưu và chia sẻ dữ liệu cũng như truy cập tài liệu giảng dạy. Các phát hiện cũng tiết lộ rằng những người tham gia coi Google Apps là một công cụ có giá trị để cải thiện việc dạy và học. Tuy nhiên, việc sử dụng Google Apps của họ bị cản trở bởi một số rào cản, chẳng hạn như thiếu khả năng tiếp cận công nghệ đáng tin cậy, khối lượng công việc ngày càng tăng, thiếu kỹ năng cộng tác, gian lận và đạo văn cũng như thiếu kỹ năng tích hợp.

Trong việc giảng dạy tiếng Anh như một ngoại ngữ tại Palestine, tác giả Khalil (2018) cho rằng nhiều trường học của Palestine dựa vào các phương pháp tiếp cận truyền thống đối với ngữ pháp. Các quy tắc ngữ pháp được dạy cho học sinh trực tiếp từ sách giáo khoa và đối lại, học sinh được yêu cầu hoàn thành một số hoạt động trong sách bài tập để thể hiện sự hiểu biết và ứng dụng của mình đối với các quy tắc đó. Thiếu sự tiếp xúc của học sinh với các công cụ học tập công nghệ và việc áp dụng phương pháp lớp học đảo ngược trong giảng dạy. Dựa trên lập luận đó, tác giả thực hiện nghiên cứu như một nỗ lực để khơi gợi phản ứng của sinh viên trước khi sử dụng Ứng dụng Google cụ thể là Google Tài liệu - Google Docs (một ứng dụng dựa trên web cho phép viết, chỉnh sửa và lưu trữ tài

liệu trực tuyến) và Google Lớp học – Google Classroom (một dịch vụ web cung cấp cho phép giáo viên tạo, chia sẻ và đánh giá các bài tập trong môi trường không cần giấy tờ) trong khóa học ngữ pháp của họ và sau khi làm như vậy nhằm mục đích tìm hiểu tính hiệu quả của các ứng dụng đó trong việc xây dựng môi trường học tập hợp tác và tuân thủ các nguyên tắc của lớp học đảo ngược. Dữ liệu được lấy từ sáu sinh viên đại học EFL tham gia khóa học Ngữ pháp I tại Đại học Palestine Ahliya ở Bethlehem thông qua bảng câu hỏi trước và sau cũng như một cuộc phỏng vấn bán cấu trúc. Các phát hiện của nghiên cứu cho thấy rằng theo các sinh viên, Ứng dụng Google giúp thiết lập môi trường học tập hợp tác vì chúng hỗ trợ tương tác giữa giáo viên với sinh viên và sinh viên với sinh viên và phần lớn những người tham gia thích sử dụng các ứng dụng như vậy cho các khóa học trong tương lai vì điều đó họ có thể hưởng lợi từ sự sẵn có của phản hồi bằng văn bản của giáo viên và khả năng truy cập dễ dàng vào tài liệu khóa học.

Tại Ghana, tác giả Awuah (2015) khẳng định tương lai của giáo dục đại học có thể sẽ được thúc đẩy bởi sự sẵn sàng thích ứng và phát triển với việc sử dụng công nghệ trong giảng dạy, học tập và nghiên cứu. Google Apps for Education (GAFE) là một giải pháp điện toán đám mây mạnh mẽ phù hợp với sinh viên bất kể vị trí, thời gian hoặc loại thiết bị đang được sử dụng của họ. GAFE được hàng ngàn trường phổ thông và đại học trên toàn thế giới sử dụng để tận dụng hiệu quả các công cụ cộng tác dành cho sinh viên và khoa, với mục tiêu chính là nâng cao chất lượng dạy và học. Đặc biệt, các công cụ GAFE cho phép người dùng làm việc cùng nhau ảo trên các tài liệu, bản trình bày và dự án trên đám mây. GAFE được sử dụng để phát triển các trang web khóa học, như một phần bổ sung cho hướng dẫn lớp học truyền thống, với mục đích cung cấp bài tập cho học sinh. Tác giả đã thực hiện nghiên cứu với một nhóm sinh viên khoa học máy tính từ Đại học Ghana đã được khảo sát để hiểu tác động của việc sử dụng GAFE đối với hiệu suất và sự hài lòng của họ. Nghiên cứu được thực hiện sau khi triển khai GAFE trong lớp trong học kỳ mùa thu năm 2013. Khi được hỏi liệu việc sử dụng trang web khóa học dựa trên GAFE có cải thiện hiệu suất của họ hay không, hơn 84% trả lời là "có". Ngoài ra, khoảng 91% người tham gia cho biết họ

hài lòng với các khóa học sử dụng GAFE hơn so với các khóa học sử dụng phương pháp giảng dạy truyền thống không sử dụng hoặc sử dụng vừa phải công nghệ, trong đó tỷ lệ nội dung được phân phối trực tuyến ít nhất; 9% còn lại cho biết họ hài lòng ở mức độ vừa phải. Nhìn chung, những người được hỏi hài lòng ở một mức độ nào đó.

Hai tác giả người Séc Váňová và Kahleová (2009) đã nghiên cứu các công cụ của Google phù hợp cho việc giảng dạy tiếng Anh. Trong nghiên cứu của mình, hai tác giả quyết định khám phá một nhóm các công cụ Internet được hợp nhất dưới một thương hiệu Google. Lý do mà hai tác giả tập trung vào các sản phẩm của Google là danh tiếng và uy tín trên toàn thế giới của nó và đặc biệt là cách tiếp cận thân thiện với người dùng của nó. Google cũng phát triển các ứng dụng mong muốn và tốt nhất dưới một tên, các công cụ được kết nối với nhau và việc trở thành thành viên của cộng đồng Google giúp đơn giản hóa việc khai thác tất cả các chương trình. Điều quan trọng cần nhấn mạnh ở điểm này là ngoài việc sẵn có, nhờ tính đơn giản, cho nhiều người dùng, các công cụ của Google còn được cung cấp miễn phí trên Internet, đây có thể là một tính năng hấp dẫn khác để khai thác chúng vì lý do giáo dục và điều này làm cho các ứng dụng này phù hợp với túi tiền của bất kỳ ai. Mục đích hai tác giả dự định đạt được là xác định càng nhiều ứng dụng đã được cung cấp cho người dùng càng tốt và nghĩ ra nhiều cách khác nhau để triển khai chúng vào các bài học tiếng Anh. Hơn nữa, nhóm tác giả đã thử nghiệm một số hoạt động trong các khóa học dành cho sinh viên học tiếng Anh và đã mô tả chi tiết về kế hoạch bài học, nhận xét và các ý tưởng khác nảy sinh từ việc thực hiện các ý tưởng trong các bài học thực tế. Cuối cùng nhưng không kém phần quan trọng, nhóm đã thực hiện một cuộc khảo sát đối với các sinh viên đã trải nghiệm các hoạt động thí điểm và nhóm nghiên cứu đã đưa phản hồi vào phần cuối cùng của mỗi phân tích công cụ. Nhóm kết luận rằng việc áp dụng bộ công cụ của Google vào giảng dạy đã mang lại những trải nghiệm hài lòng ở mức độ cao cho sinh viên trong việc học tiếng Anh và các nhà giáo dục hoàn toàn có thể áp dụng tùy vào bối cảnh giảng dạy của mình.

## 1.2. Các nghiên cứu trong nước về các công cụ Google

Tại Việt Nam, một số nghiên cứu về các sản phẩm của Google đã được thực hiện trong các năm gần đây.

Nhóm nghiên cứu Phan và các cộng sự (2018) đã nghiên cứu sử dụng ‘E-portfolio’ trên trang Google Sites như công cụ đánh giá quá trình học tập ngoài giờ học trên lớp nhằm giúp sinh viên phát triển tính tự chủ là mục tiêu nghiên cứu chính của nhóm tác giả. 101 sinh viên tham gia khóa học Phương pháp kiểm tra đánh giá tiếng Anh vào học kỳ hè năm 2015 và được chia thành 25 nhóm nhỏ tham gia tạo ‘E-portfolio’. Trong khóa học này, sinh viên phải soạn năm bài kiểm tra tiếng Anh đưa lên ‘E-portfolio’ sau khi học xong lý thuyết trên lớp. Công cụ thu thập dữ liệu bao gồm một bảng khảo sát có 30 tiêu chí nhằm tìm hiểu lợi ích của ‘E-portfolio’ và sinh viên tự đánh thiện chí làm việc độc lập của họ. Kết quả phân tích cho thấy ‘E-portfolio’ đã giúp sinh viên nâng cao một số phẩm chất cá nhân, nâng cao kiến thức chuyên môn và kỹ năng soạn bài thi tiếng Anh. Đặc biệt là ‘E-portfolio’ đã giúp sinh viên phát triển tính tự chủ thể hiện ở ý thức trách nhiệm và động lực. Kết quả đánh giá khả năng tự học của sinh viên dựa trên sản phẩm được lưu trên Google Sites cho thấy kỹ năng tạo ‘E-portfolio’ chỉ đạt mức trung bình khá và kỹ năng soạn bài kiểm tra đạt mức khá. Nhóm tác giả đề nghị giảng viên phụ trách môn học tiếp tục hình thức đánh giá này cho các khóa học tiếp theo và cần tìm giải pháp giúp các em cải thiện sự tự tin khi tự học ngoài giờ học chính khóa.

Tác giả Nguyễn Khánh Tài (2015) cũng thực hiện nghiên cứu “Sử dụng Google Sites thiết kế Website hỗ trợ dạy học”. Trong nghiên cứu, tác giả, với tư cách là một giáo viên về công nghệ thông tin đã mô tả chi tiết các bước thực hiện để xây dựng một Website. Kết luận cho nghiên cứu của mình, tác giả nhấn mạnh tính thực dụng và lợi ích của việc sử dụng Google Sites để thiết kế website đồng thời đề xuất rằng hiện nay, mạng internet hầu như đã được phủ sóng mọi nơi, kéo theo là ra đời rất nhiều thiết bị điện tử tiên tiến như điện thoại thông minh, máy tính bảng, máy tính xách tay, do đó việc học trực tuyến rất thuận lợi, có thể học

mọi lúc mọi nơi. Và vì vậy mỗi giáo viên bộ môn nên xây dựng một website để hỗ trợ việc dạy học, ngoài ra website còn là kênh quảng bá hình ảnh của giáo viên.

Nhóm tác giả Nguyen & Nguyen (2022) đã chọn Google Docs làm phương tiện để dạy viết. Các tác giả đã tiến hành một nghiên cứu điển hình để xác định mức độ hữu ích của Google Tài liệu trong việc phát triển khả năng viết và nêu bật những trở ngại mà nó gặp phải. Ngoài ra, nghiên cứu này tập trung vào việc điều tra thái độ của những người tham gia đối với Google Documents sau khi họ sử dụng nó cho khóa học viết trực tuyến của mình. Đối tượng tham gia trong nghiên cứu điển hình này là 45 sinh viên năm thứ nhất chuyên ngành tiếng Anh đăng ký vào lớp viết tại Học viện Báo chí và Tuyên truyền. Họ phải học khóa học truyền thống trong một tháng và khóa học tiếng Anh trực tuyến hai tháng vì đại dịch. Hai bảng câu hỏi khảo sát và đánh giá bài viết mẫu được sử dụng kết hợp với phỏng vấn bán cấu trúc để đánh giá khả năng của học viên có thể cải thiện được hay không và khảo sát thái độ tích cực của học viên sau khóa học. Kết quả cho thấy kết quả tích cực trong hiệu suất viết của sinh viên cũng như quan điểm lạc quan về việc sử dụng Google Docs.

### **1.3. Các nghiên cứu ứng dụng các công cụ Google tại Trường Đại học Hoa Lư**

Tại trường Đại học Hoa Lư, việc áp dụng các công cụ Google vào giảng dạy tiếng Anh, tại Trường Đại học Hoa Lư cũng đã có một số nghiên cứu được thực hiện. Đó là các nghiên cứu về Google Forms của tác giả Phạm Đức Thuận (2018); nhóm tác giả Dương Thị Ngọc Anh và cộng sự, (2019); nhóm tác giả Phạm Đức Thuận và cộng sự (2021); về bộ bốn công cụ Google Sites, Google Forms, Google Classroom và Google Meet của nhóm tác giả Phạm Đức Thuận và Nguyễn Thị Hồng Hạnh, (7/2023). Các nghiên cứu được đề cập đều chia sẻ kết quả nghiên cứu tích cực của việc áp dụng các sản phẩm của Google.

Năm 2018, tác giả Phạm Đức Thuận đã thực hiện nghiên cứu ứng dụng Google Forms vào giảng dạy tiếng Anh cho 30 sinh viên năm thứ 2 tại một lớp tiếng Anh 3 tại Trường Đại học Hoa Lư. Trong đó, Google Forms được sử dụng nhưng một công cụ tạo các bài tập luyện tập tiếng Anh giao cho sinh viên làm hàng tuần trong suốt 15 tuần học. Mục đích của nghiên cứu nhằm tìm hiểu tác

động của việc ứng dụng đối với sinh viên. Tác giả sử dụng hai công cụ thu thập dữ liệu là quan sát trên lớp và phỏng vấn. Kết quả cho thấy sinh viên hài lòng với việc ứng dụng. Đa số sinh viên ghi nhận việc ứng dụng Google Forms mang lại trải nghiệm học tập thú vị. Tuy nhiên cũng có một số sinh viên thể hiện sự quan tâm tới khả năng gian lận của sinh viên và khả năng quay cóp khi làm bài do Google Forms chưa đảm bảo được tính bảo mật cao.

Cũng trong bối cảnh nghiên cứu tại trường Đại học Hoa Lư, năm 2019, nhóm nghiên cứu Dương Thị Ngọc Anh và cộng sự đã thực hiện một nghiên cứu trên quy mô nhỏ ứng dụng Google Form vào giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên tại trường. Nghiên cứu được thực hiện trong một lớp tiếng Anh không chuyên ngữ có 34 sinh viên ở các chuyên ngành Kế toán, Du lịch, Sư phạm Tiểu học và Mầm Non. Những sinh viên này thuộc khóa D10 trong học phần tiếng Anh 3 sử dụng bộ giáo trình New English File – Intermediate. Nghiên cứu đã mô tả chi tiết quá trình ứng dụng các bài Google Forms vào dạy và học nhưng không đề cập đến quy trình tạo các bài Google Forms, không chỉ ra số lượng các bài Google Forms được sử dụng và nội dung kiến thức trong các bài cũng chưa được đề cập tới. Các tác giả đã kết luận việc sử dụng Google Forms vào giảng dạy tiếng Anh cho sinh viên đã mang lại những tác động tích cực. Sinh viên đã tích cực học tập hơn, hứng thú hơn, và chủ động hơn trong việc học. Đồng thời, nhóm tác giả cũng đề xuất việc ứng dụng Google Form trong giảng dạy tiếng Anh cần được ứng dụng rộng rãi và nghiên cứu hơn nữa.

Năm học 2021-2022, tác giả Phạm Đức Thuận và các cộng sự đã thực hiện một đề tài nghiên cứu ứng dụng Google Forms vào việc xây dựng hệ thống bài tập bổ trợ trong dạy học các học phần tiếng Anh tại Trường Đại học Hoa Lư. Kết quả, 108 bài tập bổ trợ trên nền tảng Google Forms được thiết kế trên ba nội dung kiến thức ngữ pháp, đọc, và nghe trong 12 đơn vị bài học của mỗi học phần tiếng Anh. Quy trình thiết kế thực hiện dựa trên bốn bước đã thiết lập cho việc xây dựng các bài tập thực nghiệm. Nghiên cứu khẳng định thêm những giá trị thực tiễn mà Google Forms mang lại như là một công cụ hỗ trợ học tập và giảng dạy nhất là trong môi trường giảng dạy tiếng Anh tại cấp độ đại học. Nghiên cứu cũng chỉ ra

rằng, khi làm các bài luyện tập Google Forms sinh viên tham gia nghiên cứu này đã cảm thấy yêu thích các hoạt động học tập và tham gia làm bài với tỷ lệ cao. Đồng thời sinh viên đề xuất chỉ nên khoảng 10 câu hỏi với mỗi bài luyện tập. Kết quả này có giá trị tham vấn quan trọng cho giảng viên trực tiếp sử dụng Google Forms để giảng dạy và soạn bài tập.

Gần đây, hai tác giả Phạm Đức Thuận và Nguyễn Thị Hồng Hạnh (7/2023) đã thực hiện nghiên cứu về mức độ tiếp nhận của sinh viên đối với việc ứng dụng bộ bốn công cụ Google (Google Sites, Google Meet, Google Classroom, và Google Forms) trong việc học tiếng Anh online. Nghiên cứu được thực hiện tại trong năm học 2021-2022 đối với 128 sinh viên các lớp tiếng Anh tại Trường Đại học Hoa Lư. Nghiên cứu sử dụng bảng câu hỏi khảo sát và phỏng vấn sâu với 11 sinh viên phục vụ thu thập dữ liệu. Kết quả chỉ ra rằng, sinh viên có khuynh hướng tiếp nhận tích cực với việc áp dụng bộ công cụ. Đồng thời, nghiên cứu cho thấy sinh viên nữ có quan điểm tích cực hơn sinh viên nam đối với mức độ dễ của các công cụ, và sinh viên năm thứ nhất có mức độ đồng tình cao hơn sinh viên năm thứ hai đối với hiệu năng của các công cụ trong việc tăng mức độ tham gia vào quá trình học tập.

#### **1.4. Kết luận**

Như vậy có thể thấy, trên thế giới nói chung và tại trường Đại học Hoa Lư nói riêng đã có những nghiên cứu ứng dụng các công cụ của Google vào giảng dạy tiếng Anh. Những nghiên cứu này đã chỉ ra những ưu điểm của các công cụ Google Forms vào quá trình giảng dạy tiếng Anh. Tuy nhiên, đặt trong bối cảnh tiến trình chuyển đổi số tại Việt Nam nói chung và trong Trường Đại học Hoa Lư nói riêng, cũng dễ nhận thấy rằng, số lượng các nghiên cứu tập trung vào khả năng chuyển đổi số của các công cụ công nghệ còn chưa nhiều. Cụ thể, việc ứng dụng công nghệ thông tin vào số hóa nguồn học hiệu, số hóa bài giảng, số hóa nội dung học tập và tiến trình học tập cho các học phần gần như chưa có và không hệ thống. Do đó, kết quả nghiên cứu của đề tài này hy vọng mang lại ý nghĩa về cả lý thuyết và thực tiễn. Thông qua quá trình ứng dụng các sản phẩm của Google (Google Sites, Google Forms, Google Sheets, và Google Drive) để xây dựng website hỗ



trợ học tập cho sinh viên trong việc học học phần tiếng Anh 3, nhóm nghiên cứu đánh giá tính khả thi của việc xây dựng website, đồng thời tìm hiểu quan điểm đánh giá của sinh viên đối với website. Trên cơ sở đó, nhóm nghiên cứu đưa ra kết luận về khả năng ứng dụng các sản phẩm Google để số hóa nguồn học liệu.

## **2. Tính cấp thiết của đề tài**

Ngày 03-06-2020, Thủ tướng Chính phủ ký Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt "Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030". Theo đó, chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục là một trong những ưu tiên hàng đầu. Cụ thể, tại điểm 2, mục VIII của quyết định, chỉ rõ hai nội dung cụ thể sau đây:

- Thứ nhất, phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hóa.

- Thứ 2, 100% các cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa, trong đó thử nghiệm chương trình đào tạo cho phép học sinh, sinh viên học trực tuyến tối thiểu 20% chương trình. Ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà và kiểm tra sự chuẩn bị của học sinh trước khi đến lớp học.

Ngày 25/1/2022, tại Quyết định số 131/QĐ-TTg, Thủ tướng phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong GDĐT giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”. Đề án xác định mục tiêu đến năm 2025 là: Đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với mỗi nhà giáo, mỗi người học.

Ngày 20/4/2021, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Ninh Bình ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TU về xây dựng chính quyền điện tử, chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Cụ thể, đến năm 2025, ưu tiên tập trung đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số ở một số lĩnh vực: Y tế, giáo dục – đào tạo, văn

hóa – thể thao, du lịch, giao thông vận tải, nông nghiệp, tài nguyên – môi trường, tài chính.

Tại trường Đại học Hoa Lư, đã có các hoạt động cụ thể hóa các nhiệm vụ được UBND tỉnh giao tại Kế hoạch phát triển chính quyền số, chuyển đổi số và đảm bảo an toàn thông tin mạng tỉnh Ninh Bình năm 2022. Ngày 15/4/2022, Trường Đại học Hoa Lư đã tổ chức hội nghị về chuyển đổi số trong giáo dục. Theo đó, trong thời gian tới, Nhà trường sẽ triển khai thực hiện kế hoạch chuyển đổi số để cụ thể hóa các nhiệm vụ được UBND Tỉnh giao; tận dụng tiến bộ khoa học và công nghệ thúc đẩy mạnh mẽ đổi mới sáng tạo của trường Đại học Hoa Lư.

Hiện tại, nguồn học liệu cho các học phần tiếng Anh tại trường Đại học vẫn sử dụng sách in trên giấy truyền thống. Tài nguyên học liệu số cho sinh viên học tập gần như chưa có.

Bên cạnh đó Google Workspace for Education cung cấp các giải pháp công nghệ điện toán đám mây với các gói phù hợp cho nhu cầu của các cơ sở giáo dục. Các sản phẩm của Google đã được minh chứng tính hiệu, quả tiện lợi, linh hoạt trong tất cả các hoạt động giáo dục từ quản lý, giảng dạy, tới kiểm tra đánh giá.

Do đó nhóm nghiên cứu quyết định lựa chọn thực hiện đề tài “Nghiên cứu ứng dụng các sản phẩm của Google Workspace for Education vào việc số hóa nguồn học liệu học phần tiếng Anh 3 thành website hỗ trợ học tập cho sinh viên tại Trường Đại học Hoa Lư”.

### **3. Mục tiêu nghiên cứu**

Nhiệm vụ khoa học tập trung giải quyết các mục tiêu sau:

- Xây dựng Website hỗ trợ học tập thông qua quá trình ứng dụng các công cụ của Google Workspace for Education.

- Đánh giá tính khả thi của việc số hóa học liệu học tập học phần tiếng Anh 3 thành website hỗ trợ học tập thông qua quá trình ứng dụng các công cụ của Google Workspace for Education.

- Tìm hiểu quan điểm của sinh viên về website hỗ trợ học tập áp dụng trong học phần

#### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

Đối tượng nghiên cứu: Các công cụ trong gói Google Workspace for Education (Google Drive, Google Sites, Google Forms, Google Docs, Google Sheets) phục vụ việc xây dựng một website học tập trong cho học phần tiếng Anh 3; Các nội dung (Ngữ pháp, ngữ âm, từ vựng, bài luyện tập bổ trợ) trong học phần tiếng Anh 3

Phạm vi nghiên cứu: Học phần tiếng Anh 3 tại trường Đại học Hoa Lư; Các công cụ của Google trong gói Google Workspace for Education Fundamentals: Google Drive, Google Sites, Google Forms, Google Docs, Google Sheets

#### **5. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu**

Trong quá trình nghiên cứu, đề tài sẽ sử dụng kết hợp một số phương pháp: phương pháp từ nghiên cứu lý thuyết đến ứng dụng vào thực tiễn, phương pháp thu thập, nghiên cứu tài liệu, phương pháp khảo sát, phương pháp thống kê, phân tích. Trong đó, mô hình TPACK (Technological Pedagogical Content Knowledge) được sử dụng như là khung lý thuyết cho cách tiếp cận của đề tài.

TPACK bao gồm 3 thành tố xác cần có để có thể giảng dạy hiệu quả với sự hỗ trợ của công nghệ thông tin (Phạm Đức Thuận, 2019). Ba thành tố đó là kiến thức về nội dung (CK – Content Knowledge), kiến thức về phương pháp sư phạm (PK – Pedagogical Knowledge) và kiến thức về công nghệ thông tin (TK – Technological Knowledge). Sự kết hợp của ba thành tố tạo nên tảng lý thuyết cho việc ứng dụng công nghệ vào giáo dục.

Trong nghiên cứu này, mô hình TPACK được áp dụng vào quá trình ứng dụng các công cụ Google vào số hóa học liệu học tập học phần tiếng Anh 3 thành website hỗ trợ học tập. Cụ thể, kiến thức về nội dung (CK) bao hàm nội dung kiến thức tiếng Anh về ngữ pháp, ngữ âm, đọc hiểu, và nghe trong học phần tiếng Anh 3; kiến thức về phương pháp sư phạm (PK) là giảng dạy trực tiếp trên lớp và bài tập về nhà; và kiến thức về công nghệ thông tin (TK) – là kiến thức về tính năng và cách sử dụng của các công cụ Google Drive, Google Forms, Google Sites, Google Docs, và Google Sheets.

# NỘI DUNG NGHIÊN CỨU

## Chương 1 CƠ SỞ LÝ LUẬN

### 1.1. CÁC CÔNG CỤ TRONG GOOGLE WORKSPACE FOR EDUCATION

#### 1.1.1. Giới thiệu tổng quan

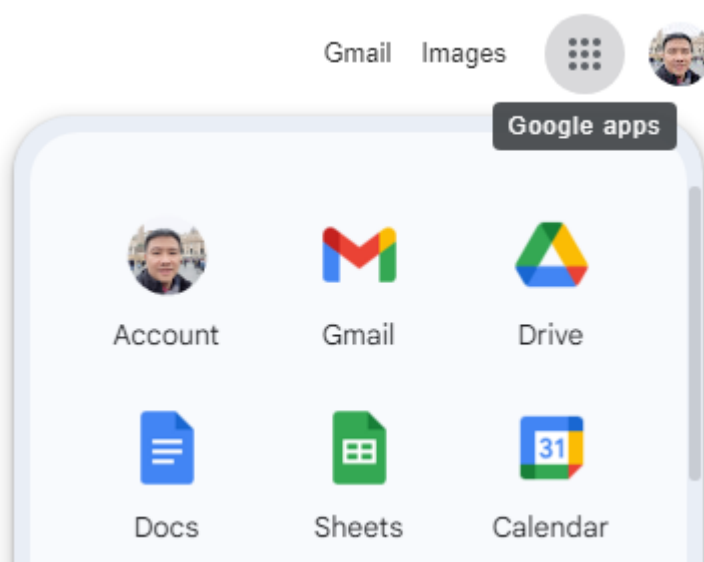
Năm 2006, Google đã giới thiệu một bộ công cụ có tên là Gmail cho tên miền của người dùng. Google Apps được giới thiệu cùng năm với phần mở rộng của bộ phần mềm. Sau đó, vào năm 2020, bộ ứng dụng này được đổi tên thành Google Workspace. Google phục vụ nhiều nhóm người dùng khác nhau và có ba nhóm mảng dịch vụ chủ yếu là doanh nghiệp, cá nhân, và giáo dục.

Google Workspace for Education (GWE) là một bộ công cụ và dịch vụ của Google được thiết kế riêng cho trường học và lớp học tại nhà. Sản phẩm này là dành cho tất cả các tổ chức giáo dục đủ điều kiện. GWE tập hợp các công nghệ và dịch vụ của Google được thiết kế để hỗ trợ cộng tác, đẩy nhanh quá trình giáo dục và duy trì môi trường học tập an toàn ở trường học cũng như học tại nhà. GWE cung cấp nhiều lựa chọn để đáp ứng các nhu cầu sử dụng. GWE bao gồm các phiên bản Fundamentals, Standard, Teaching and Learning Upgrade và Education Plus. Fundamentals là phiên bản duy nhất miễn phí. Standard bao gồm các công nghệ giống như Fundamentals. Tuy nhiên, phiên bản này cũng bao gồm các tùy chọn an toàn tinh vi hơn và kiểm soát hành chính mạnh mẽ hơn. Phiên bản Teaching and Learning Upgrade và Education Plus có thể được nâng cấp để cung cấp khả năng giao tiếp video mở rộng, tiện ích bổ sung cho Google Classroom cũng như các tính năng và công cụ khác.

Theo mô tả của Google, GWE là một bộ công cụ có thể giúp mở rộng khả năng tư duy phản biện, giao tiếp, cộng tác, sáng tạo, dễ sử dụng, đồng thời hỗ trợ các mục tiêu học tập của học viên. Những công cụ này miễn phí, không có quảng cáo, đáng tin cậy, an toàn, và được sử dụng rộng rãi bởi hàng triệu sinh viên trên khắp thế giới. Google Drive, Google Sites, Google Classroom, Google Meet,

Google Docs, Google Forms và Google Slides là một số công cụ cốt lõi được cung cấp cho bạn trong khuôn khổ cơ bản của GWE.

Tại Trường Đại học Hoa Lư, phiên bản Google Workspace for Education Fundamentals đang được sử dụng cho cán bộ, công nhân viên, và giảng viên của trường. Mỗi giảng viên, cán bộ, công nhân viên được cấp 1 tài khoản có đuôi tên miền theo website của nhà trường ([\\_\\_\\_\\_@hluv.edu.vn](mailto:____@hluv.edu.vn)) (Hình 1.1).



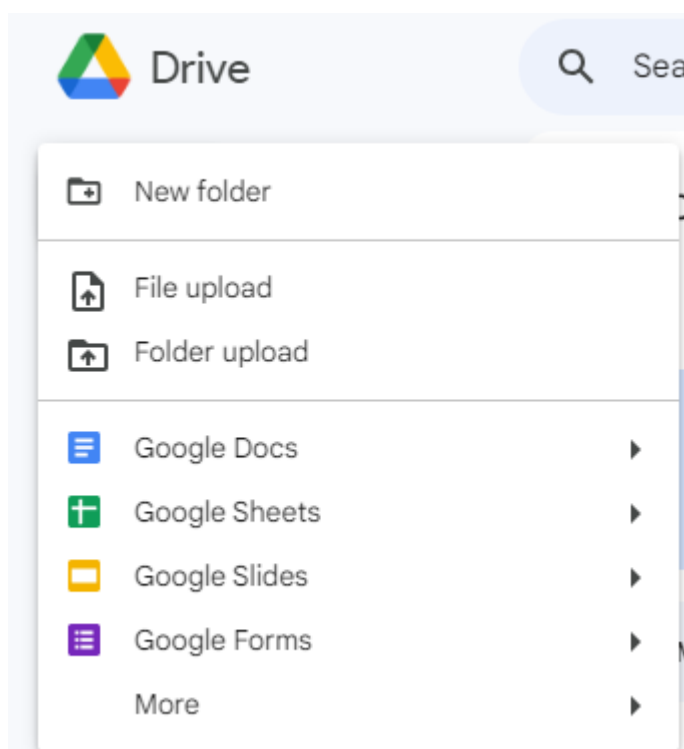
**Hình 1.1: Tài khoản trên GWE kèm theo một số biểu tượng ứng dụng**

### 1.1.2. Google Drive

Google Drive (Hình 1.2) được Google giới thiệu vào ngày 24/04/2012, đây là loại trang web lưu trữ tệp tin và được tích hợp 68 ngôn ngữ trên thế giới. Có thể nói, Google Drive hiện nay là một trong những dịch vụ lưu trữ dữ liệu phổ biến nhất hiện nay.

Google Drive là giải pháp lưu trữ dựa trên đám mây cho phép bạn lưu tệp trực tuyến và truy cập chúng ở mọi nơi bất kỳ từ máy tính bàn, laptop, máy tính bảng hay điện thoại di động. Google Drive cung cấp cho người dùng một không gian để tải lên và lưu trữ nhiều loại tệp khác nhau như tài liệu, ảnh, âm thanh và video. Ứng dụng này có thể đóng vai trò như một giải pháp sao lưu hoặc là một cách để giải phóng dung lượng trên thiết bị của bạn.

Google Drive là vị trí trung tâm nơi tất cả nội dung được lưu tự động và được xem từ mọi nơi. Google Docs, Google Sheets, Google Sites, Google Forms là các ứng dụng con bên trong Google Drive.

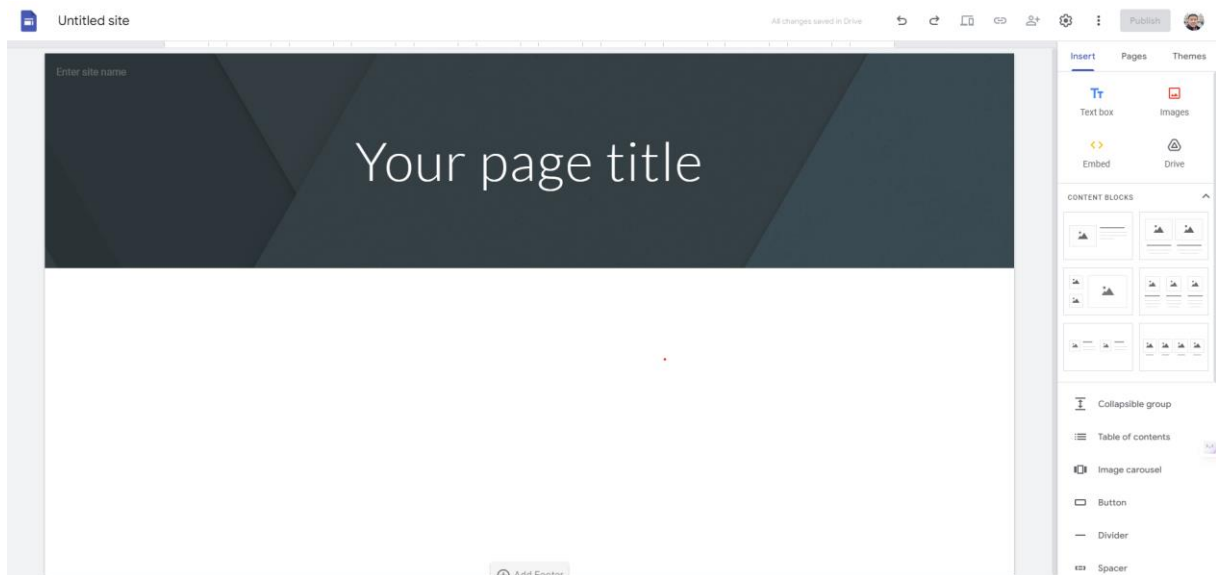


**Hình 1.2: Google Drive trong GWE**

### 1.1.3. Google Sites

Google Sites là một trình tạo trang web có giao diện và có cấu trúc dễ sử dụng. Người dùng có thể truy cập Google Sites bằng trình duyệt web, và có thể tạo, chỉnh sửa và chia sẻ tệp trực tuyến trong thời gian thực bằng các tính năng cộng tác của ứng dụng này. Đây là công cụ giúp phát huy tính sáng tạo của giáo viên. Giáo viên có thể tạo ra một website để số hóa nguồn tài liệu học tập cho người học dễ truy cập, thay cho nguồn tài liệu trên giấy truyền thống. Đồng thời, giáo viên cũng có thể giao bài tập tạo website cho học viên và cùng cộng tác với học viên trong các hoạt động tạo website. Google Sites rất thích hợp cho các dự án phát triển tính sáng tạo trong kỹ năng viết.

Để tạo một website trên Google Sites (Hình 1.3), người dùng chỉ cần thực hiện các thao tác như sau: Vào Google Sites > Nhấn vào biểu tượng Dấu cộng (+) > Nhập tên trang web > Nhập tiêu đề > Chèn thêm hình ảnh, văn bản > Vào Cài đặt, chọn tạo Logo cho trang > Để thêm trang nhấn vào biểu tượng Dấu cộng > Thêm trang con nhấn vào biểu tượng Ba dấu chấm, chọn mục Thêm trang con > Thêm giao diện > Thêm văn bản ở cuối trang > Vào mục Công bố (Publish) để xuất bản trang > Tạo địa chỉ trang web.



**Hình 1.3: Google Sites trong GWE**

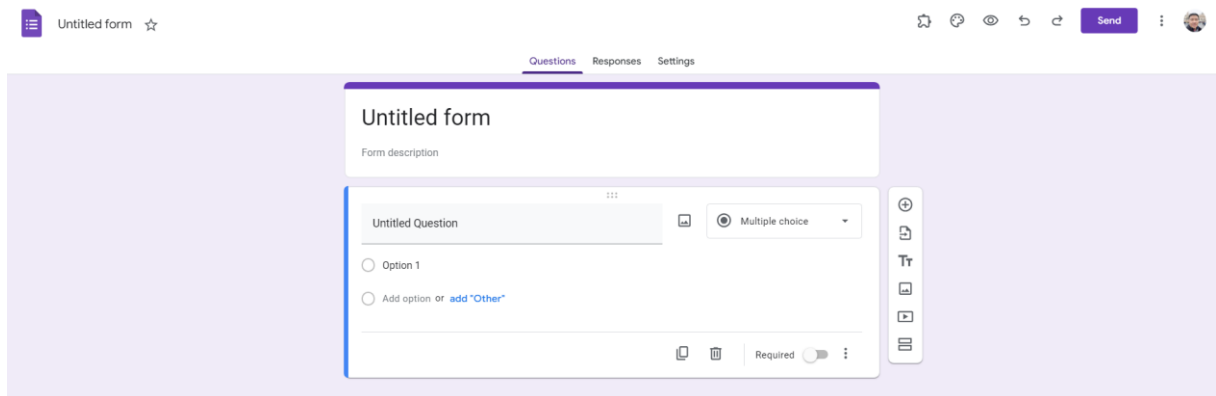
#### **1.1.4. Google Forms**

Google Forms là một ứng dụng nền Web được sử dụng để tạo biểu mẫu cho mục đích thu thập dữ liệu. Bạn có thể sử dụng Google Form để thực hiện khảo sát hay phiếu đăng ký sự kiện. Biểu mẫu có thể được chia sẻ dễ dàng thông qua gửi liên kết, gửi Email, nhúng vào trang Web hoặc bài đăng trên Blog.

Google Forms là một công cụ tạo và quản lý biểu mẫu khảo sát cực kỳ hữu ích được phát triển bởi Google. Dữ liệu được thu thập bằng cách sử dụng biểu mẫu thường được lưu trữ trong một bảng tính. Mặc dù có rất nhiều ứng dụng khảo sát trực tuyến nhưng Google Form vẫn là một lựa chọn tuyệt vời bởi khả năng sử dụng dễ dàng và hoàn toàn miễn phí.

Tự động chấm điểm là một trong những tính năng mới nhất của Google Form. Các giáo viên, giảng viên thường sử dụng tùy chọn này để đánh giá, chấm điểm cho học sinh, sinh viên qua các bài thi trắc nghiệm. Cách sử dụng rất đơn giản, chỉ cần đặt ra câu hỏi, đưa ra câu trả lời đúng, thì Google Form sẽ tự động chấm điểm.

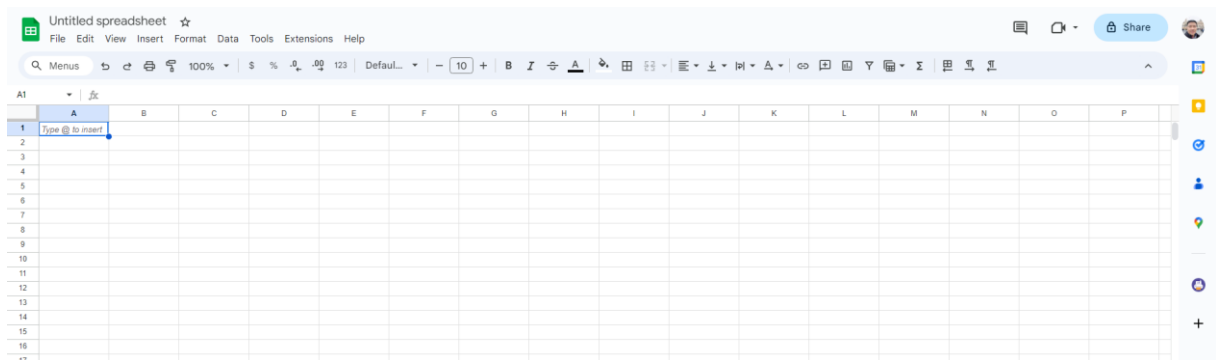
Một trong những đặc điểm quan trọng của Google Forms là kết quả của bài sẽ xuất trực tiếp sang Google Sheets. Kết quả của nhiều bài Google Forms có thể xuất chồng gồm vào một Google Sheets và bên trong chứa các bảng nhỏ. Do đó, quá trình tổng hợp dữ liệu từ nhiều nguồn khác nhau có thể tập hợp vào một bảng.



**Hình 1.4: Google Forms trong GWE**

### 1.1.5. Google Sheets

Excel vẫn luôn là biểu tượng của bảng tính cho đến khi Google Sheets (Hình 1.5) ra đời. Nó có nhiều tính năng về bảng tính tương đồng với Excel, tuy nhiên được cải tiến và tiện ích hơn rất nhiều, thậm chí còn vượt trội hơn đối thủ nên được người dùng rất ưa chuộng và dần trở thành công cụ quen thuộc trong giới học sinh, sinh viên và văn phòng.



**Hình 1.5: Google Sheets trong GWE**

Google Sheets được cung cấp miễn phí bởi Google nằm trong dịch vụ Google Drive. Dịch vụ này cũng bao gồm Google Docs và Google Slides, một trình xử lý văn bản và chương trình trình bày tương ứng. Hiểu một cách đơn giản thì Google Sheets là ứng dụng về bảng tính của Google Docs.

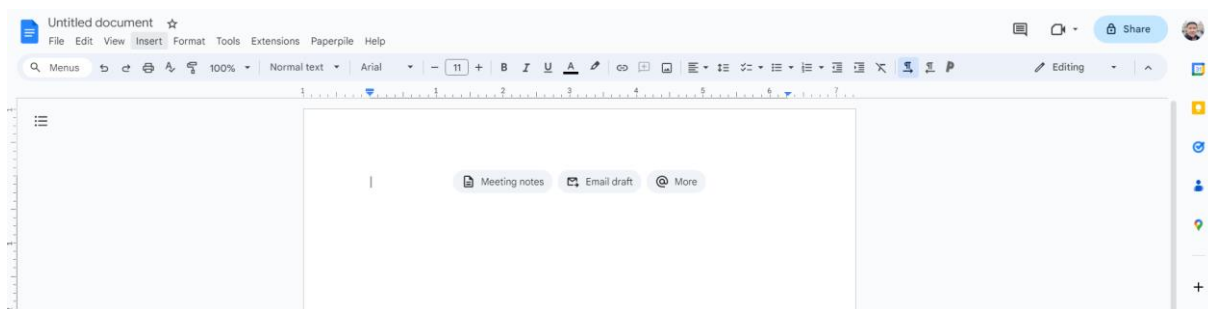
Một trong những ưu điểm đầu tiên của Google Sheets phải kể đến chính là tính năng tạo và nhập dữ liệu liên kết với Google Forms rất dễ dàng.

### 1.1.6. Google Docs

Google Docs là chương trình xử lý văn bản. Người dùng có thể sử dụng công cụ này để tạo các tài liệu thú vị bằng cách sử dụng văn bản, hình ảnh, hình vẽ, bảng và siêu liên kết. Với Google Docs, giáo viên có thể áp dụng để phát



triển kỹ năng hợp tác làm việc. Cùng một lúc, giáo viên với sinh viên làm việc trên một văn bản, cùng soạn thảo, và cùng chia sẻ các ý tưởng. Google Docs rất phù hợp cho dạy và học kỹ năng viết. Giáo viên có thể áp dụng cho các loại bài tập viết câu, và viết luận. Đặc biệt, với tính năng bình luận, giáo viên có thể đưa ra các nhận xét cụ thể ngay bên cạnh bài viết, giúp người học nhìn nhận được các nội dung đã bị sai hoặc cần chỉnh sửa. Khi học phản hồi, ngay lập tức giáo viên sẽ được thông báo cập nhật các nội dung chỉnh sửa. Ngoài ra, Google Docs còn phù hợp cho các loại bài tập hoặc dự án viết theo nhóm.



**Hình 1.6: Google Docs trong GWE**

## **1.2. TỔNG QUAN HỌC PHẦN TIẾNG ANH 3 TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ**

### **1.2.1. Mô tả tổng quan học phần tiếng Anh 3**

Theo chương trình đào tạo với tất cả các ngành học của trường Đại học Hoa Lư, sinh viên đều phải trải qua 3 kỳ học đầu tiên ứng với 3 học phần tiếng Anh 1, tiếng Anh 2 và tiếng Anh 3. Với học phần tiếng Anh 3 được giảng dạy cho sinh viên vào kỳ 1 năm thứ 2, không còn đơn giản và nhẹ nhàng như 2 học phần trước, học phần tiếng Anh 3 tăng lên về số tín chỉ, với 4 tín chỉ trong đó 3 tín chỉ lý thuyết và 1 tín chỉ thực hành. Thời gian tự học quy định cho sinh viên cũng nhiều hơn hai học phần trước với 90 giờ.

Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, từ vựng theo chủ điểm và kiến thức văn hóa xã hội của các nước nói tiếng Anh ở trình độ trung cấp. Học phần giúp người học thực hành và phát triển các kỹ năng tiếng (nghe, đọc, nói, viết) ở trình độ bậc 3 Khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam. Sinh viên có thể phân biệt văn phong học thuật và văn phong hội thoại, cách dựng câu, cách sử dụng từ và câu phổ biến.

Học phần nhằm rèn luyện cho sinh viên các kỹ năng tiếng Anh tương đương trình độ bậc 3, theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam. Sinh viên có thể hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu chuẩn mực, rõ ràng về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí, v.v...; có thể xử lý hầu hết các tình huống xảy ra khi đến khu vực có sử dụng ngôn ngữ đó; có thể viết đoạn văn đơn giản liên quan đến các chủ đề quen thuộc hoặc cá nhân quan tâm; mô tả được những kinh nghiệm, sự kiện, giấc mơ, hy vọng, hoài bão và có thể trình bày ngắn gọn các lý do, giải thích ý kiến và kế hoạch của mình. Học phần tiếp tục phát triển khả năng giao tiếp, tính tích cực, chủ động khi tham gia các hoạt động trên lớp và ngoài giờ.

Sau khi kết thúc học phần sinh viên có khả năng đạt được các chuẩn đầu ra sau đây: (1) Áp dụng kỹ năng sử dụng từ vựng, ngữ pháp, ngữ âm, kiến thức văn hóa xã hội của các nước nói tiếng Anh ở trình độ trung cấp trong các hoạt động giao tiếp; (2) Thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tương đương trình độ bậc 3 về các chủ đề phổ biến trong công việc và cuộc sống như khoa học kỹ thuật, sự kiện, sở thích, truyền thông và sự nổi tiếng, nghệ thuật...; (3) Giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động trên lớp và ngoài giờ.

Để đạt được các mục tiêu kiến thức và kỹ năng đồng thời đạt được chuẩn đầu ra của học phần, trong quá trình học tập, sinh viên cần phải tham dự lớp đầy đủ để tham gia vào các hoạt động trong lớp, dự lớp tối thiểu 80% thời lượng môn học, ra vào lớp đúng giờ quy định. Tham gia đóng góp ý kiến xây dựng bài học, làm các bài tập giảng viên yêu cầu trên lớp; Làm bài tập của phần sách bài tập (workbook), luyện tập (Review), bài tập thảo luận, thuyết trình nhóm, dự án; hoàn thành tốt nội dung tự học mà giảng viên giao hàng tuần. Đọc tài liệu tham khảo và tài liệu do giảng viên hướng dẫn; Chuẩn bị đầy đủ giáo trình, sách bài tập, băng đĩa; tài liệu tham khảo; Học phần được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm; Sinh viên/học viên phải đi học đúng giờ quy định. Sinh viên/học viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học; Sinh viên/học viên không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như

điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học; Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được thực hiện vào mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập, tuyệt đối không dùng vào việc khác.

Giáo trình chính sử dụng trong giảng dạy và học tập học phần tiếng Anh 3 là bộ giáo trình SmartChoice – SmartChoice 3 (Student Book và Workbook), ấn bản 3, nhà xuất bản Oxford năm 2019. Bên cạnh giáo trình chính, đề cương chi tiết học phần cũng giới thiệu 5 nguồn sách khác để sinh viên tham khảo.

### 1.2.2. Các nội dung ngữ âm, ngữ pháp, đọc, và nghe trong học phần

Học phần tiếng Anh 3 là học phần tiếng Anh bắt buộc căn bản cuối cùng cho sinh viên năm thứ 2. Các chủ điểm trong cả 3 mảng kiến thức ngữ pháp, đọc hiểu và nghe. Bảng 1.1 dưới đây trình hệ thống chi tiết nội dung cốt lõi cho các mảng, ngữ âm, ngữ pháp, đọc và nghe trong từng bài học.

**Bảng 1.1: Nội dung kiến thức ngữ âm, ngữ pháp, đọc, và nghe trong học phần tiếng Anh 3**

Units	Pronunciation	Grammar	Reading	Listening
Unit 5	Reduction of have got to	Infinitives and gerunds	Technology and products	Reviews of apps
Unit 6	Reduction of had in the past perfect	The past perfect	Travel experiences	Adjectives and adverbs
Unit 7	Reduction of vowel sound /ə/	Have/get something done	People's appearance	Physical appearance
Unit 8	Reduction of would you	Second conditional	A community project	Describing problems
Unit 9	Reduction of shouldn't have / wouldn't have	Should have/would have	Solutions to problems	Personal advice
Unit 10	Reduction of have after modals	May / might / could / couldn't / and must have	Hoaxes	Mysterious phenomena
Unit 11	Changing syllable stress	Third conditional	Inventions	Discoveries and inventions
Unit 12	Contrastive stress	Reported speech	Entertainment news stories	The news

Đối với mảng kiến thức về phát âm, các chủ điểm bao gồm (U5) Phát âm rút gọn have got to - Reduction of have got to, (U6) Phát âm rút gọn had trong thì quá khứ hoàn thành - Reduction of had in the past perfect, (U7) Phát âm rút gọn âm /ə/ - Reduction of vowel sound /ə/, (U8) Phát âm rút gọn would you -

Reduction of would you, (U9) Phát âm rút gọn shouldn't have - Reduction of shouldn't have / wouldn't have, (U10) Phát âm rút gọn have sau động từ khuyết thiếu - Reduction of have after modals, (U11) Thay đổi trọng âm từ - Changing syllable stress, và (U12) Trọng âm tương phản - Contrastive stress

Đối với mảng kiến thức ngữ pháp, các chủ điểm bao gồm (U5) động từ nguyên thể và dạng V-ing – infinitives and gerunds, (U6) thì quá khứ hoàn thành – the past perfect, (U7) cấu trúc have/get something done, (U8) câu điều kiện loại 2 – second conditional, (U9) cấu trúc should have / would have, (U10) cấu trúc may/might/could have, (U11) câu điều kiện loại 3 – third conditional, và (U12) câu tường thuật – reported speech.

Đối với đọc hiểu – reading, có 8 chủ điểm khác nhau. Đó là: (U5) công nghệ và các sản phẩm – technology and products, (U6) trải nghiệm du lịch – travel experiences, (U7) vẻ bề ngoài – people's appearance, (U8) một dự án cộng đồng – a community project, (U9) giải pháp cho các vấn đề - solutions to problems, (U10) chuyện hư cấu – hoaxes, (U11) phát minh – inventions, và (U12) tin tức giải trí – news.

Tương ứng với 8 chủ điểm ngữ pháp và đọc hiểu, phần nghe trong học phần tiếng Anh 3 cũng bao gồm 8 chủ điểm khác nhau. Các chủ điểm đó là: (U5) đánh giá các ứng dụng – reviews of arts, (U6) kỷ niệm tồi tệ khi đi du lịch – bad travel events, (U7) mô tả dáng vẻ bề ngoài – physical appearance, (U8) mô tả lỗi – describing problems, (U9) lời khuyên cá nhân – personal advice, (U10) hiện tượng bí ẩn – mysterious phenomena, (U11) phát kiến và phát minh – discoveries and inventions, và (U12) tin tức – news stories.

### **1.2.3. Sử dụng hệ thống các bài tập hỗ trợ trên Google Forms**

Căn cứ vào kết quả đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở năm học 2020-2021, các bài tập hỗ trợ sử dụng Google Forms cũng được triển khai và ứng dụng vào nghiên cứu này. Cụ thể, các bài tập Google Forms về đọc hiểu, nghe hiểu, ngữ pháp của học phần tiếng Anh 3 đã được sử dụng cho mỗi unit trong việc thiết kế Website hỗ trợ học tập.

## Chương 2

### ỨNG DỤNG CÁC CÔNG CỤ GOOGLE XÂY DỰNG WEBSITE

#### 2.1. TỔNG QUAN VỀ BỐI CẢNH NGHIÊN CỨU VÀ KHÁCH THỂ NGHIÊN CỨU

##### 2.1.1. Bối cảnh nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện trong học kỳ 2 năm học 2022-2023 tại Trường Đại học Hoa Lư. Trường Đại học Hoa Lư trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình và chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Trường Đại học Hoa Lư là trường đại học công lập, có sứ mạng đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, tổ chức nghiên cứu và ứng dụng khoa học - công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và đất nước. Trường đào tạo đa ngành với cơ cấu tổ chức gồm 6 khoa, 2 bộ môn, 7 phòng ban và 2 trung tâm. Khoa Ngoại ngữ - Công nghệ thông tin là đơn vị chịu trách nhiệm giảng dạy các học phần tiếng Anh cho sinh viên trong trường. Khoa có 2 bộ môn là bộ môn tiếng Anh và bộ môn Tin học.

##### 2.1.2. Khách thể nghiên cứu

Khách thể nghiên cứu tham gia thực nghiệm trong đề tài nghiên cứu là 58 sinh viên khối D15 tại hai lớp D15 KHTN (24 sinh viên) và D15 MN1 (34 sinh viên) Sinh viên các lớp này đã hoàn thành học phần tiếng Anh 1 và tiếng Anh 2, và đang học học phần tiếng Anh 3.

**Bảng 2.1: Khách thể nghiên cứu**

<i>Lớp</i>	<i>Số số</i>
Lớp D15 KHTN	24
Lớp D15 MN1	34
<i>Tổng</i>	58

#### 2.2. XÂY DỰNG WEBSITE

##### 2.2.1. Lựa chọn sử dụng các công cụ và đặt tên Website

Các công cụ trong bộ Google Workspace for Education có các công năng khác nhau. Mỗi công cụ đều có thể thực hiện một tác vụ nhất định cho việc xây dựng Website. Cụ thể, trong nghiên cứu này, các công cụ được sử dụng như sau:

1. Google Sites được sử dụng làm thiết kế giao diện Website. Quá trình tải tài liệu, chỉnh sửa và cập dữ liệu thông tin, chỉnh sửa giao diện được thực hiện trên Google Sites.
2. Google Drive được sử dụng làm kho lưu trữ tất cả dữ liệu phục vụ xây dựng Website.
3. Google Forms được sử dụng làm công cụ kiểm tra luyện tập.
4. Google Sheets có chức năng thể hiện kết quả làm bài tổng hợp.
5. Google Docs trình bày nội dung từ vựng cho từng đơn vị bài học.

Để thuận tiện và thống nhất cho việc xây dựng website, nhóm đề tài đã sử dụng tài khoản Google Workspace for Education của chủ nhiệm đề tài. Tài khoản là [pdthuan@hluv.edu.vn](mailto:pdthuan@hluv.edu.vn).

Dựa theo mục đích phục vụ của website là một trang cung cấp tư liệu học tập hỗ trợ cho sinh viên khi học học phần tiếng Anh 3 tại Trường Đại học Hoa Lư, trên nền tảng Google Sites website được đặt tên là E-learn Smart 3. Trong đó, “E” được hàm ý là English hoặc Electronic, Smart là lấy gốc từ giáo trình SmartChoice, và số “3” là học phần tiếng Anh 3.

### **2.2.2. Quy trình thiết kế**

Quy trình thiết kế trên Website được thực hiện qua 5 bước như sau:

Thứ nhất, xác lập các đơn vị bài học dựa trên các đơn vị bài học trong học phần tiếng Anh 3, và số trang (page) trên giao diện website. Cụ thể, học phần có 8 đơn vị bài học, từ unit 5 đến unit 12 trong giáo trình SmartChoice. Ngoài ra còn có một trang chủ (Home Page) và một trang thể hiện các liên kết với các nguồn học liệu khác. Do đó, Website sẽ thể hiện 10 trang (page).

Thứ hai, xác định nội dung kiến thức và dữ liệu cần trình bày trên Website theo từng đơn vị bài học. Theo đó, mỗi đơn vị bài học sẽ có 3 nhóm nội dung trình bày. Nhóm 1 bao gồm kiến thức lý thuyết ngữ pháp, kiến thức ngữ âm, và từ vựng. Nhóm 2 là các bài tập luyện tập về nghe, đọc, ngữ pháp, và kèm theo kết quả làm bài cho các bài luyện tập. Và nhóm 3 là tài liệu học tập với các tệp nghe và video cho mỗi đơn vị bài học. Các nhóm nội dung học tập trong học phần dựa trên nội dung kiến thức trong sách giáo trình SmartChoice 3.

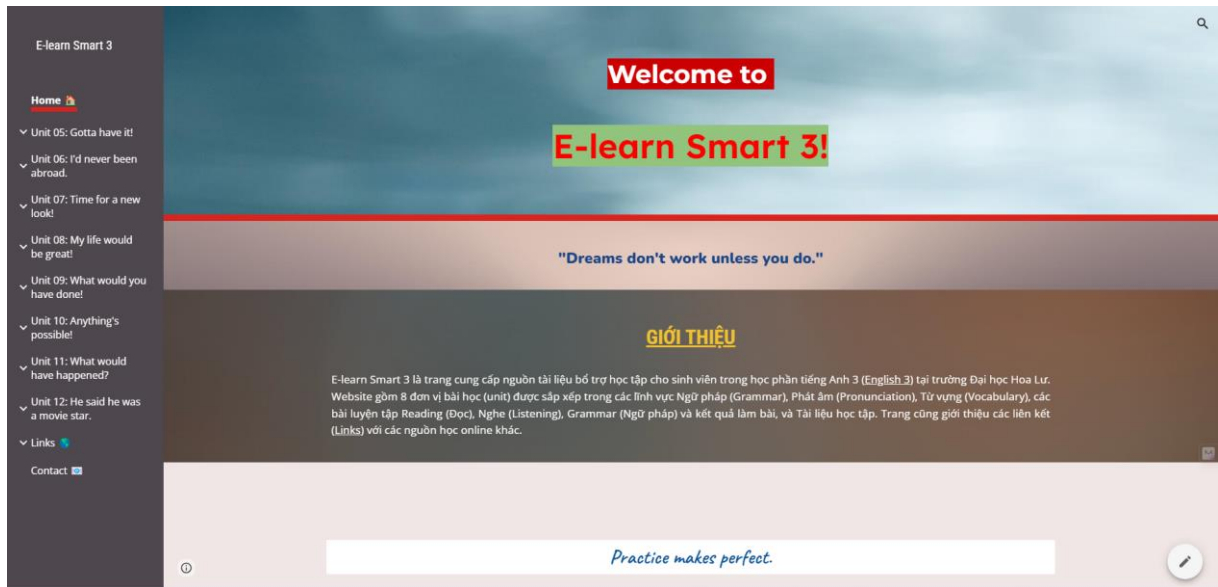
Thứ ba, chuẩn bị tư liệu cho các nội dung kiến thức đã xác định và lưu dữ liệu cho Website trong Google Drive. Folder E-learn Smart 3 được tạo trong Google Drive, trong đó có bốn tệp nhỏ hơn là (1) các bài luyện tập bằng Google Forms về Ngữ pháp, Đọc hiểu, và Nghe hiểu; (2) Bảng tổng hợp từ vựng cho mỗi unit – Vocabulary Lists; (3) file của website Google Sites, và (4) các file âm thanh và video của các unit đi theo trong các mục từ vựng, hội thoại, nghe hiểu, và đọc.

Thứ tư, đăng các nội dung lên Google Sites và sắp xếp các nội dung trong một đơn vị bài học. Heading cho các phần mục đều thống nhất phong chữ Roboto Condense, cỡ 24, in đậm. Thứ tự sắp xếp các nội dung trên 1 trang lần lượt từ trên cùng của trang xuống dưới cùng của trang là 1- Tiêu đề đơn vị bài học (unit), 2- Grammar, 3- Pronunciation, 4- Vocabulary List, 5- Bài tập, 6- Tài liệu học tập (audios+videos), và bổ sung phần Vocabulary Building được lấy mã nhúng từ Quizlet. Với mục Grammar và Pronunciation, nhóm đề tài lựa chọn trình bày nội dung lý thuyết bằng tiếng Việt lấy từ phần phụ lục chi tiết về ngữ pháp ở cuối sách giáo trình, và phần Pronunciation được chuyển thể nội dung từ trong các unit. Hai phần này được sử dụng dạng Text box. Phần Vocabulary List được lấy từ các file Google Docs đã chuẩn bị sẵn, và mã nguồn được lấy và nhúng vào trang. Phần Bài tập – Exercises gồm các bài Google Forms lấy từ hệ thống bài tập hỗ trợ trong đề tài nghiên cứu khoa học 2020-2021. Phần này, dạng trình bày bằng nút (button) được sử dụng. Mỗi nút được liên kết tới một subpage (trang con). Đối với phần Tài liệu học tập bao gồm các file nghe và video cho mỗi unit, đường link chia sẻ được nhúng vào trang và để chế độ truy cập mở.

Thứ năm, xem trước nội dung, chỉnh sửa và cập nhật các nội dung, và xuất bản website. Bước cuối cùng trong giai đoạn thiết kế là công đoạn cần nhiều thao tác tinh chỉnh. Trong đó có ba ưu tiên giao diện của website là Large Screen (dành cho máy tính để bàn), Tablet (dành cho máy tính bảng), và Phone (dành cho điện thoại di động). Nhóm đề tài lựa chọn Large Screen và Phone làm hai loại giao diện chủ yếu cho website. Đồng thời, màu sắc tươi sáng được chọn làm màu chủ đạo trên website. Và chủ đề giao diện (theme) được dùng là Level tông màu đỏ tươi.

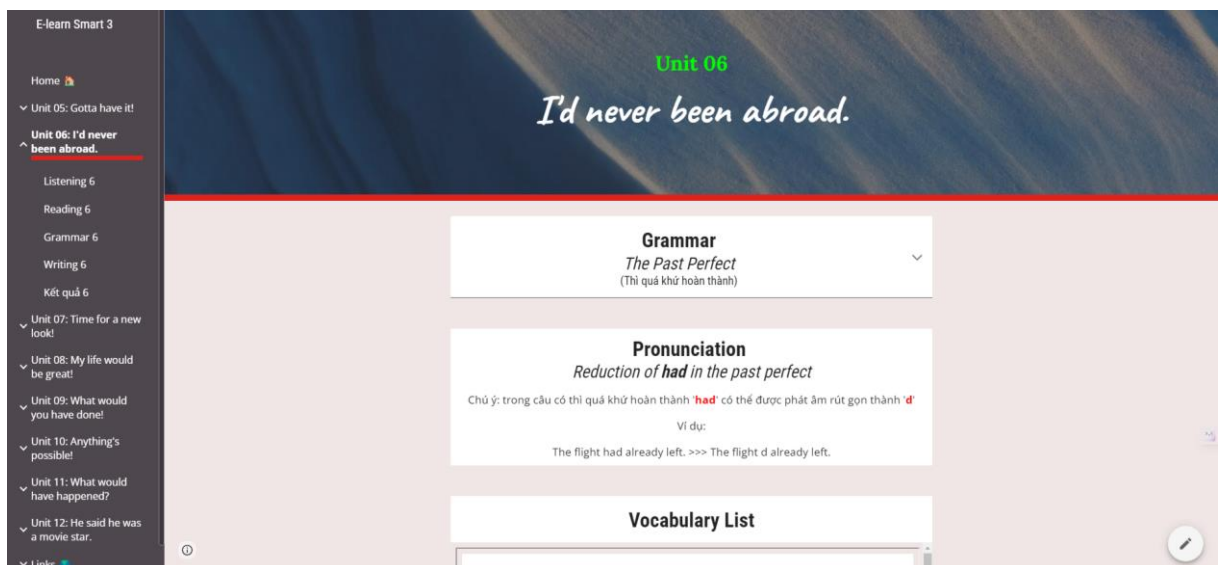
### 2.2.3. Kết quả thiết kế

Sau khi trải qua quá trình xây dựng, website hỗ trợ học tập cho sinh viên trong học tập học phần tiếng Anh 3 được hoàn thiện. Website có địa chỉ là <https://sites.google.com/hluv.edu.vn/e-learnsmart3/home> . Với 8 trang thể hiện nội dung học tập của 8 units theo đề cương chi tiết học phần tiếng Anh 3 với giáo trình chính sử dụng là SmartChoice 3.



Hình 2.1: Giao diện trang Home của website

Với mỗi đơn vị bài học (unit) được trình bày bằng tiêu đề của bài. Sau đó lần lượt các nội dung về Grammar, Pronunciation, Vocabulary List, Exercises (Bài tập), Tài liệu học tập, và Vocabulary Building.



Hình 2.2: Giao diện Unit 06 của website



## 2.3. THỬ NGHIỆM SỬ DỤNG WEBSITE

### 2.3.1. Quá trình thử nghiệm


Sau khi trang web E-learn Smart 3 hoàn thiện và xuất bản, nhóm đề tài đã chuyển đường link của website tới sinh viên hai lớp D15MN1 và D15KHTN qua nhóm Zalo của hai lớp ngay trong tuần đầu tiên của học phần tiếng Anh 3. Sinh viên được nghe giới thiệu về website và các nội dung học tập trong website.

Sinh viên được khuyến khích sử dụng website, làm bài tập trong các đơn vị bài học, trải nghiệm các thao tác làm bài trên website như là nguồn bài tập bổ trợ làm thêm về nhà. Đồng thời, sinh viên được động viên tập trung làm bài tập từ unit 5 đến unit 10.

Quá trình trải nghiệm và sử dụng website được thực hiện trong vòng 10 tuần từ tuần học đầu tiên của học phần đến hết tuần học thứ 10.

### 2.3.2. Kết quả làm bài tập

Sau khoảng thời gian 10 tuần (từ tuần 1 đến tuần 10) cho sinh viên trải nghiệm học tập trên website, nhóm đề tài tổng kết kết quả làm tập trong 5 units trọng điểm là Unit 5, Unit 6, Unit 7, Unit 8, Unit 9, và Unit 10. Kết quả làm bài được theo dõi trên mục kết quả làm bài trong từng unit thông qua công cụ Google Sheets. Kết quả làm bài các bài Google Forms theo các chủ đề được liên kết với Google Sheets và được công bố (publish) trên website như ví dụ trong hình 2.3.



Kết quả 5			
8/17/2023 23:10:03	8/10	Nguyễn Thị Hoàng Yến	D15KHTN
8/21/2023 8:16:30	5/10	Phạm Đình Ngọc Lan	D15MN1
8/21/2023 16:30:34	8/10	Phạm Thị Bích Ngọc	D15mn1
8/21/2023 16:41:48	0/10	Vũ Thị Thu Quyên	D15MN1
8/21/2023 16:49:11	3/10	Vũ Thị Thu Quyên	D15MN1
8/26/2023 10:34:42	10/10	Vũ Thị Yến	D15mn1
8/27/2023 9:41:09	6/10	Đỗ Huyền Thanh	D15MN1
8/27/2023 16:15:20	6/10	Lý Thị Lan Châu	D15mn1
8/27/2023 22:31:57	7/10	Đinh Phạm Lan Anh	D15mn1
8/27/2023 23:18:30	6/10	Nguyễn Trần Thị Phương	d15mn1
8/28/2023 0:17:04	7/10	Đỗ Thị Thủy Vân	D15MN1
8/28/2023 7:52:33	4/10	Mai	D14mn1
8/28/2023 9:08:26	3/10	Vũ Văn Vy	D15MN1
8/28/2023 9:09:25	0/10	Hà Thị Kim Huệ	D15MN1
8/28/2023 9:10:13	6/10	Đinh Thị Thủy Dung	D15mn1
8/28/2023 9:10:30	5/10	Trình Thị Hoa	D15MN1
8/28/2023 15:17:29	5/10	Phạm Tiến Trung	D15KHTN
8/30/2023 20:01:42	2/10	Huê	D15mn1
8/30/2023 20:25:01	9/10	Trần Thị Kim Ngân	D15MN1
8/30/2023 21:00:46	7/10	Phạm Thị Thu Hương	D15MN1
8/30/2023 21:01:43	4/10	Bùi Phương Nga	D15MN1
8/30/2023 21:10:58	2/10	Nguyễn Thị Kim Phúc	d15mn1
8/30/2023 21:12:45	8/10	Dung Đình Thị Thủy	D15MN1
8/30/2023 21:24:18	6/10	Đinh Thị Thủy Lâm	D15MN1

Hình 2.3: Kết quả làm bài Unit 05

Bảng 2.2 dưới đây thể hiện tổng hợp kết quả làm bài chi tiết. Theo đó, kết quả cho thấy tất cả 58 sinh viên tham gia nghiên cứu đều tham gia làm bài tập, và tỷ lệ sinh viên tham gia làm bài ở mức độ khá cao. Có thể nhận thấy, ở tất cả các Units số sinh viên hoàn thành hết số bài tập là trên 70%. Ở chiều ngược lại, không có sinh viên nào không làm bài. Số lượng sinh viên làm 1 hoặc 2 bài tập là gần như rất thấp thường khoảng dưới 10%.

Cụ thể, với unit 5 có 4 bài luyện tập. Kết quả cho thấy số sinh viên hoàn thành cả bốn bài là 41/58 (tương đương 70,7%); số sinh viên hoàn thành 3 bài là 8/58 (tương đương 13,8%); số sinh viên hoàn thành 2 bài là 4/58 (tương đương 6,9%); số sinh viên hoàn thành 1 bài là 5 (tương đương 8,6%); và không có sinh viên nào không làm bài. Với unit 9 và 10, mỗi unit có 3 bài luyện tập. Với bài số 10, có 47/58 sinh viên (tương đương 72,4%) hoàn thành cả 3 bài; 7/58 sinh viên (tương đương 12,1%) hoàn thành 2 bài; 9/58 sinh viên (tương đương 15,5%) hoàn thành 1 bài; và không có sinh viên nào không làm bài.

**Bảng 2.2: Tổng hợp kết quả làm bài tập**

<i>Units</i>	<i>Số sinh viên hoàn thành bài và tỉ lệ % tương ứng</i>				
	Hoàn thành 4 bài	Hoàn thành 3 bài	Hoàn thành 2 bài	Hoàn thành 1 bài	Không làm bài nào
<i>Unit 5 (4 bài)</i>	41 (70,7%)	8 (13,8%)	4 (6,9%)	5 (8,6%)	0 (0%)
<i>Unit 6 (4 bài)</i>	41 (70,7%)	9 (15,5%)	5 (8,6%)	3 (5,2%)	0 (0%)
<i>Unit 7 (4 bài)</i>	41 (70,7%)	10 (17,2%)	4 (6,9%)	3 (5,2%)	0 (0%)
<i>Unit 8 (4 bài)</i>	41 (70,7%)	12 (20,7%)	2 (3,4%)	3 (5,2%)	0 (0%)
<i>Unit 9 (3 bài)</i>		45 (77,6%)	8 (13,8%)	5 (8,6%)	0 (0%)
<i>Unit 10 (3 bài)</i>		47 (72,4%)	7 (12,1%)	9 (15,5%)	0 (0%)

## Chương 3

### KHẢO SÁT ĐÁNH GIÁ CỦA SINH VIÊN VỀ WEBSITE

#### 3.1. CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ

Để phục vụ cho việc thu thập dữ liệu về quan điểm đánh giá của sinh viên về việc ứng dụng và cấu trúc các bài tập bổ trợ trên nền tảng Google Forms, nhóm nghiên cứu đã thiết kế bảng câu hỏi khảo sát cũng trên được thiết kế trên nền tảng Google Forms.

Bảng câu hỏi khảo sát có tổng số 15 câu hỏi với 14 câu hỏi thang 5 mức độ Linkert (mức 1 – Hoàn toàn KHÔNG ĐỒNG Ý, mức 5 – Hoàn toàn ĐỒNG Ý). Các câu hỏi nằm trong 3 phần. Phần 1 (từ câu hỏi 1 đến câu 4) khảo sát ý kiến đánh giá của sinh viên về Websites (giao diện – câu 1; mức độ dễ sử dụng – câu 2; sự bám sát của nội dung trên website và nội dung học tập trong học phần – câu 3; và sự trình bày các nội dung – câu 4). Phần 2 gồm có 10 câu hỏi (từ câu số 5 đến câu số 14) về tác động và lợi ích của website đối với việc học tiếng Anh trong học phần tiếng Anh 3. Phần 3 là 1 câu hỏi mở thu thập ý kiến bổ sung của sinh viên (câu 15).

Việc thu thập dữ liệu được tiến hành ở tuần 11. Nhóm nghiên cứu đã chuyển đường link bản khảo sát tới 2 nhóm lớp sinh viên trên Zalo. Một tuần sau đó, nhóm nghiên cứu khóa bài khảo sát. 100% sinh viên hai lớp (tổng 59 sinh viên) tham gia nghiên cứu đã trả lời khảo sát.

#### 3.2. TRÌNH BÀY VÀ GIẢI THÍCH KẾT QUẢ KHẢO SÁT

Việc khảo sát ý kiến của sinh viên sử dụng Google Forms để thu thập dữ liệu đồng thời tận dụng các bảng biểu tạo sẵn tự động trong hệ thống cho mỗi câu hỏi. Do đó, kết quả khảo sát được trình bày thông qua các biểu đồ hình cột hoặc hình tròn với số lượng và tỷ lệ phần trăm chi tiết. Căn cứ trên số liệu và dữ liệu thu thập được cho mỗi câu hỏi, các kết quả nghiên cứu được trình bày và giải thích. Đặc biệt đối với các câu hỏi 5 mức độ (từ mức thấp nhất – 1 tới mức cao nhất – 5), kết quả lựa chọn mức 4 và 5 được hiểu là có kết quả tích cực. Ngược lại, mức 1-2 thể hiện mức tiêu cực. Và mức 3 là mức ý kiến trung lập (không tích

cực cũng không tiêu cực). Ngoài ra, đề tài còn sử dụng phân tích thống kê mô tả trên phần mềm SPSS để so sánh kết quả các câu hỏi thông qua trị số trung bình.

### 3.3. KẾT QUẢ KHẢO SÁT

#### 3.3.1. Kết quả trả lời câu hỏi Phần 1 – đánh giá về website.

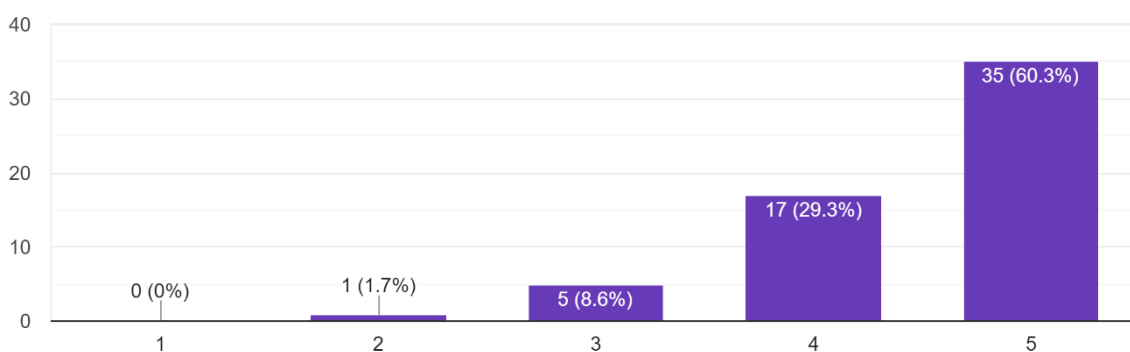
Phần 1 trong bảng câu hỏi điều tra khảo sát ý kiến đánh giá của sinh viên về Website. Phần này gồm 4 câu hỏi (từ câu 1 đến câu 4). Kết quả cụ thể như sau:

*Câu số 1: Đánh giá về giao diện của website*

Kết quả trả lời câu hỏi số 1 về sự hợp lý của giao diện website: 35/58 sinh viên (tương đương 60,3%) chọn mức cao nhất (mức 5); 17/58 sinh viên (tương đương 29,3%) chọn mức 4; 5/58 sinh viên (tương đương 8,6% chọn mức 3; và có 1 sinh viên chọn mức 2. Như vậy, tỷ lệ khá cao sinh viên đồng tình quan điểm rằng giao diện của website trông hợp lý.

1. Giao diện của Website trông hợp lý.

58 responses



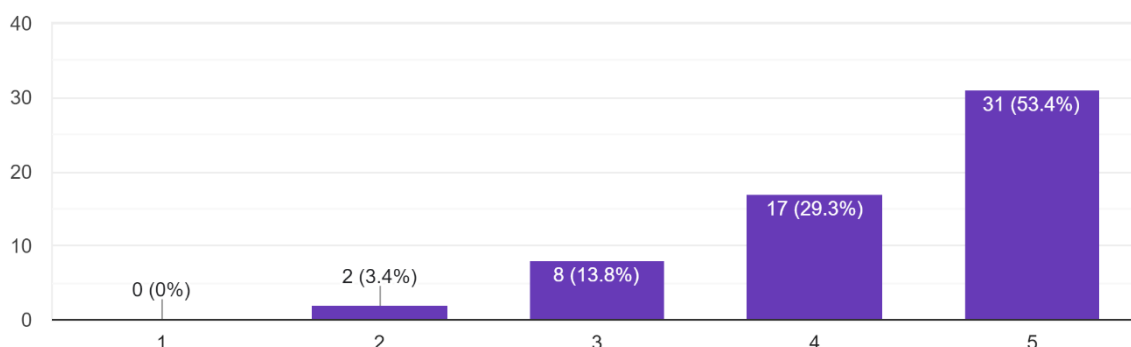
**Hình 3.1: Kết quả trả lời câu hỏi khảo sát số 1**

*Câu số 2: Đánh giá về mức độ dễ sử dụng của website.*

Câu hỏi 2 trong bảng khảo sát tìm hiểu quan điểm đánh giá của sinh viên về mức độ dễ sử dụng của website. Kết quả trả lời được thể hiện trong hình 2.3. Theo đó, 31/58 sinh viên (tương đương 53,4%) chọn mức đồng ý cao nhất – mức 5 về đặc tính dễ sử dụng của website. 17/58 sinh viên (tương đương 29,3%) chọn mức 4. 8/58 sinh viên (tương đương 13,8%) chọn mức trung lập – mức 3, và có 2/58 sinh viên (tương đương 3,4%) chọn mức 2. Có thể thấy, đa phần sinh viên đồng tình ở mức cao về sự dễ dùng của website.

## 2. Website dễ dùng.

58 responses



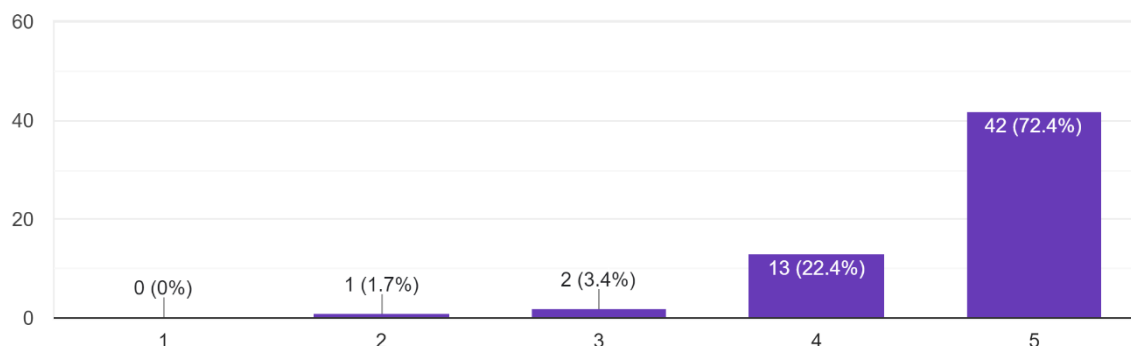
**Hình 3.2: Kết quả trả lời câu hỏi khảo sát số 2**

*Câu số 3: Đánh giá về mức độ các nội dung trên website bám sát các nội dung học tập của học phần tiếng Anh 3.*

Kết quả trả lời câu hỏi 3 thể hiện ở hình 3.3. Cụ thể, 42/58 sinh viên (tương đương 72,4%) chọn mức đồng tình cao nhất – mức 5; 13/58 sinh viên (tương đương 22,4%) chọn mức 4; 2/58 sinh viên (tương đương 3,4%) chọn mức 3, và 1/58 sinh viên (tương đương 1,7%) chọn mức 2. Với kết quả này, sinh viên tham gia trả lời khảo sát thể hiện sự nhất trí ở mức khá cao về mức độ phù hợp của nội dung trên website với nội dung học tập trong học phần. Nếu tính kết quả cả mức độ 4 và mức độ 5, có tới 55/58 sinh viên (tương đương 94,8%) đồng tình rằng các nội dung trên website bám sát kiến thức trong học phần tiếng Anh 3.

## 3. Các nội dung trên Website bám sát các nội dung học tập của học phần tiếng Anh 3.

58 responses



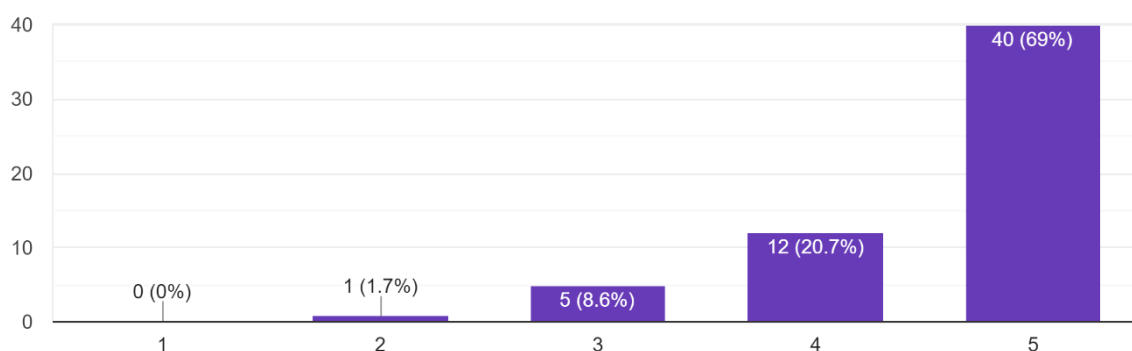
**Hình 3.3: Kết quả trả lời câu hỏi khảo sát số 3**

#### *Câu hỏi số 4: Đánh giá về sự trình bày các nội dung học tập trên website*

Câu hỏi số 4 trong bảng khảo sát điều tra ý kiến của sinh viên đánh giá về sự thể hiện sắp xếp các nội dung kiến thức trên website. Kết quả thể hiện trên hình 3.4 cho thấy: 40/58 sinh viên (tương đương 69%) chọn mức 5 – mức cao nhất thể hiện sự đồng ý rằng các nội dung trên website được trình bày khoa học. 12/58 sinh viên (tương đương 20,7%) chọn mức 4; 5/58 sinh viên (tương đương 8,6%) chọn mức 3; và 1/58 sinh viên (tương đương 1,7%) chọn mức 2.

4. Các nội dung trên Website được trình bày khoa học.

58 responses



**Hình 3.4: Kết quả trả lời câu hỏi khảo sát số 4**

Có thể nhận thấy rằng, kết quả khảo sát phần 1 về các khía cạnh của website nhận được sự đánh giá tích cực ở mức độ khá cao từ phía sinh viên là những người trực tiếp trải nghiệm và sử dụng website. Số sinh viên và tỷ lệ phần trăm tương đương khá cao sinh viên chọn mức đồng tình cao nhất – mức 5 và mức 4. Có một số lượng rất ít sinh viên lựa chọn mức quan điểm trung tính – mức 3 và, tỷ lệ sinh viên không đồng tình là nhỏ, chỉ dừng lại 1 hoặc 2 sinh viên chọn mức 2, đồng thời không có sinh viên nào chọn mức 1.

#### **3.3.2. Kết quả trả lời câu hỏi Phần 2**

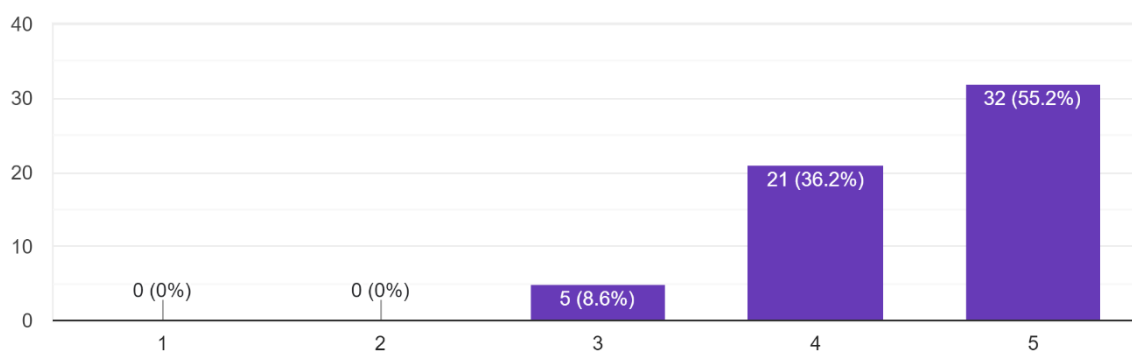
Phần 2 của bảng khảo sát gồm 10 câu hỏi (từ câu số 5 đến câu số 14) khảo sát mức độ quan điểm của sinh viên về tác động và lợi ích của Website hỗ trợ học tập đối sinh viên và với việc học tiếng Anh trong học phần tiếng Anh 3. Kết quả cụ thể các câu hỏi như sau:

*Câu số 5: Đánh giá về tác động của website tới hiệu năng làm bài tập của sinh viên*

Câu hỏi số 5 khảo sát ý kiến đánh giá của sinh viên về tác động của việc sử dụng website tới khả năng làm được nhiều bài tập hơn trong việc học tiếng Anh. Kết quả trả lời câu hỏi số 5 được thể hiện trong hình 3.5. Theo đó, 32/58 sinh viên (tương đương 55,2%) chọn mức đồng tình cao nhất – mức 5; 21/58 sinh viên (tương đương 36,2%) chọn mức 4; 5/58 sinh viên (tương đương 8,6%) sinh viên chọn mức 3; và không có sinh viên nào chọn mức 1 hoặc 2.

5. Website giúp tôi làm được nhiều bài tập.

58 responses



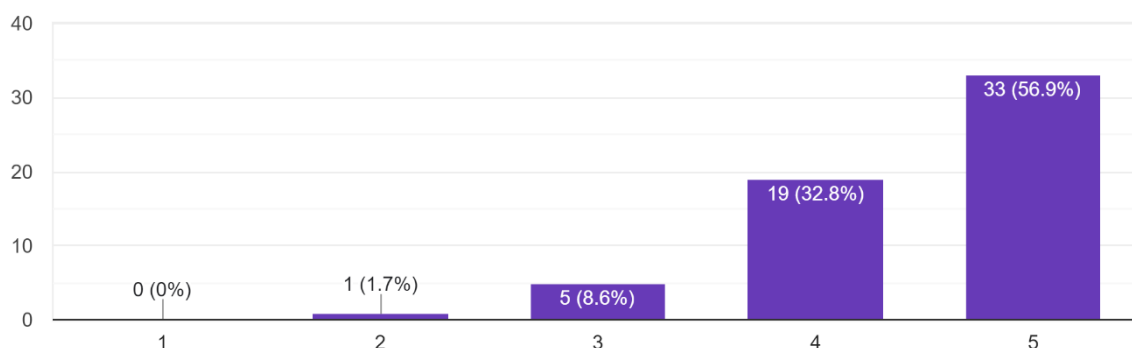
**Hình 3.5: Kết quả trả lời câu hỏi khảo sát số 5**

*Câu số 6: Đánh giá về tác động của website tới việc sử dụng thời gian*

Câu hỏi số 6 khảo sát quan điểm của sinh viên về việc website giúp sinh viên sử dụng thời gian học tiếng Anh hiệu quả.

6. Website giúp tôi tận dụng được thời gian học tập tiếng Anh hiệu quả.

58 responses



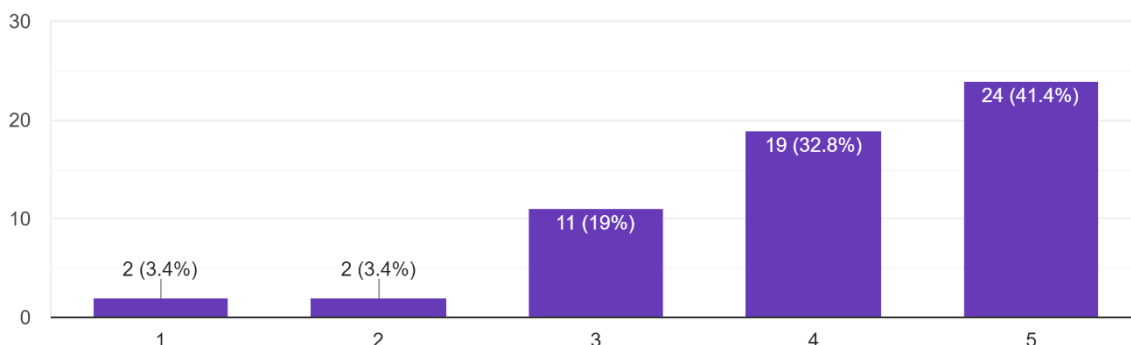
**Hình 3.6: Kết quả trả lời câu hỏi khảo sát số 6**

Kết quả trong hình 3.6 cho thấy: 33/58 sinh viên (tương đương 56,9%) chọn mức đồng ý cao nhất – mức 5; 19/58 sinh viên (tương đương 32,8%) chọn mức 4; 5/58 sinh viên (tương đương 8,6%) chọn mức 3, và 1 sinh viên (tương đương 1,7% chọn mức 2; không có sinh viên nào chọn mức 1.

*Câu số 7: Đánh giá về tác động của website tới sự chăm chỉ của sinh viên*

Câu hỏi số 7 khảo sát ý kiến của sinh viên về tác động của website tới sự chăm chỉ của sinh viên so với thời gian học tập tiếng Anh trước đây. Kết quả được thể hiện trong hình 3.7. Kết quả cho thấy, 24/58 sinh viên (tương đương 41,4%) chọn mức cao nhất về sự đồng tình của mình – mức 5; 19/58 sinh viên (tương đương 32,8%) chọn mức 4; 11/58 sinh viên (tương đương 19%) chọn mức trung lập – mức 3; có 4/58 sinh viên (tương đương 6,8%) chọn mức không đồng tình – mức 1 và 2. Như vậy, đa số sinh viên tin tưởng rằng website làm cho họ trở nên chăm chỉ hơn, và một số ít sinh viên không đồng tình như vậy.

7. Website giúp tôi trở nên chăm chỉ hơn.  
58 responses



**Hình 3.7: Kết quả trả lời câu hỏi khảo sát số 7**

*Câu 8: Đánh giá về tác động của website tới tính chủ động trong học tập*

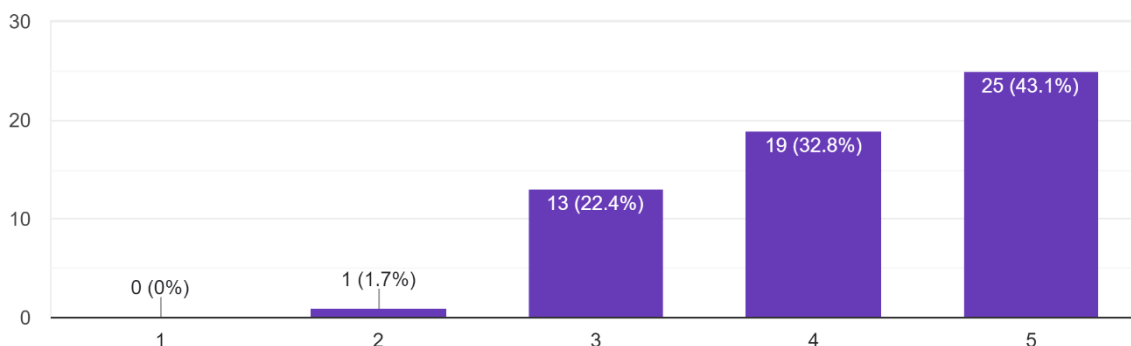
Câu hỏi số 8 khảo sát quan điểm của sinh viên về việc website làm tăng tính chủ động của sinh viên trong học tập tiếng Anh. Kết quả trong hình 3.8 cho thấy: 25/58 sinh viên (tương đương 43,1%) chọn mức đồng tình cao nhất – mức 5; 19/58 sinh viên (tương đương 32,8%) chọn mức 4; 13/58 sinh viên (tương đương 22,4%) chọn mức trung tính về quan điểm – mức 3; 1/58 sinh viên (tương đương 1,7%) chọn mức 2; không có sinh viên nào chọn mức 1. Có thể thấy, trên



70% sinh viên (tổng cả mức 4 và mức 5) đồng ý rằng website giúp học gia tăng tính chủ động trong quá trình học.

8. Website giúp tôi trở nên chủ động trong việc học.

58 responses



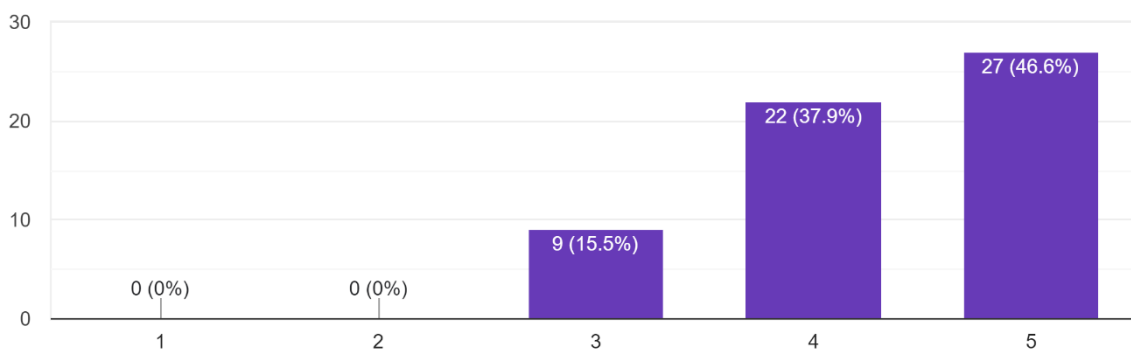
**Hình 3.8: Kết quả trả lời câu hỏi khảo sát số 8**

*Câu 9: Đánh giá về tác động của website tới sự tham gia của sinh viên vào tiến trình học tập.*

Câu hỏi số 9 khảo sát quan điểm của sinh viên về việc website hỗ trợ sinh viên tham gia vào tiến trình học tập.

9. Website giúp tôi tham gia vào tiến trình học tập.

58 responses



**Hình 3.9: Kết quả trả lời câu hỏi khảo sát số 9**

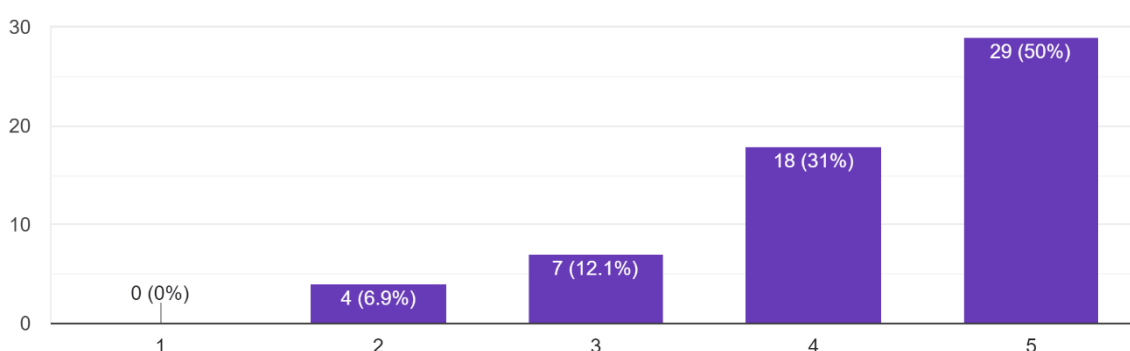
Kết quả khảo sát được thể hiện trong hình 3.9 cho thấy: 27/58 sinh viên (tương đương 46,6%) thể hiện mức độ đồng tình cao nhất – mức 5; 22/58 sinh viên (tương đương 37,9%); 9/58 sinh viên (tương đương 15,5%) thể hiện quan điểm trung lập không đồng ý cũng không phản đối ở mức 3; không có sinh viên nào chọn mức 1 và 2.

*Câu 10: Đánh giá về tác động của website tới ý thức học tập*

Câu hỏi số 10 khảo sát ý kiến đồng tình của sinh viên về việc website giúp cải thiện ý thức học tập. Kết quả trong hình 3.10 cho thấy: 29/58 sinh viên (tương đương 50%) thể hiện mức đồng ý cao nhất và chọn mức 5; 18/58 sinh viên (tương đương 31%) chọn mức thấp hơn – mức 4; và 7/58 sinh viên (tương đương 12,1%) chọn mức trung lập – mức 3; có 4/58 sinh viên không đồng tình quan điểm và chọn mức 2; không có sinh viên chọn mức 1.

10. Website giúp tôi có ý thức học tập tốt hơn.

58 responses



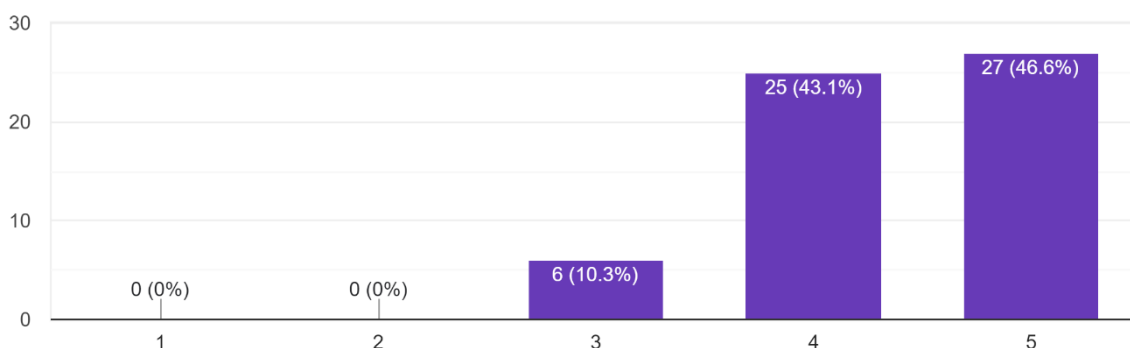
**Hình 3.10: Kết quả trả lời câu hỏi khảo sát số 10**

*Câu 11: Đánh giá về lợi ích của website trong việc mang lại sự tiện lợi*

Câu hỏi khảo sát số 11 tìm hiểu ý kiến đánh giá của sinh viên đối với việc website mang lại sự tiện lợi trong việc học tập tiếng Anh.

11. Website giúp cho việc học tiếng Anh của tôi rất tiện lợi.

58 responses



**Hình 3.11: Kết quả trả lời câu hỏi khảo sát số 11**

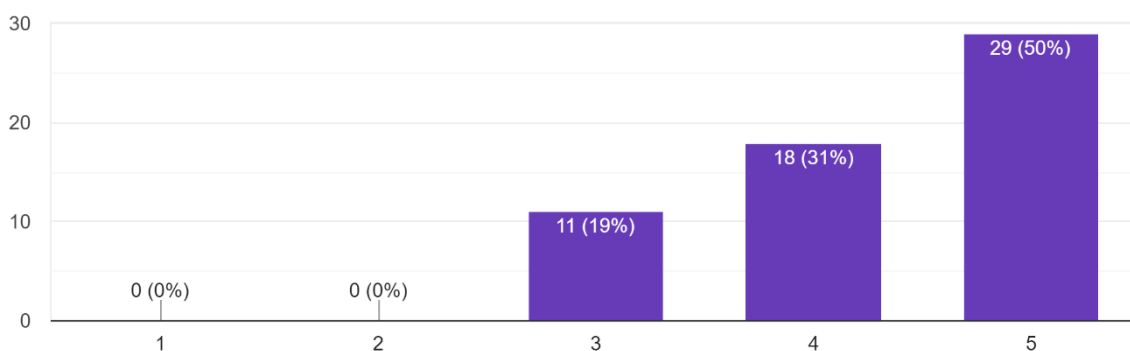
Kết quả thể hiện trong hình 3.11 cho thấy 27/58 sinh viên (tương đương 46,6%) lựa chọn mức đồng tình cao nhất – mức 5; 25/58 sinh viên (tương đương 43,1%) lựa chọn mức 4; 6/58 sinh viên (tương đương 10,3%) chọn mức 3; không sinh viên nào chọn mức 1, 2. Như vậy, sinh viên thể hiện sự nhất trí tương đối cao đối với sự tiện lợi mà website mang lại trong quá trình học tập.

*Câu 12: Đánh giá của sinh viên về sự hỗ trợ của website cho việc học*

Câu hỏi 12 tìm hiểu quan điểm của sinh viên về việc website làm cho việc học tiếng Anh trở nên dễ dàng hơn. Hình 3.12 thể hiện kết quả chi tiết. Theo đó, 29/58 sinh viên (tương đương 50%) lựa chọn mức đồng ý cao nhất – mức 5; 18/58 sinh viên (tương đương 31%) lựa chọn mức 4; 11/58 sinh viên (tương đương 19%) lựa chọn mức 3; không có sinh viên chọn mức 1, 2.

12. Website làm cho việc học tiếng Anh của tôi trở nên dễ dàng hơn.

58 responses



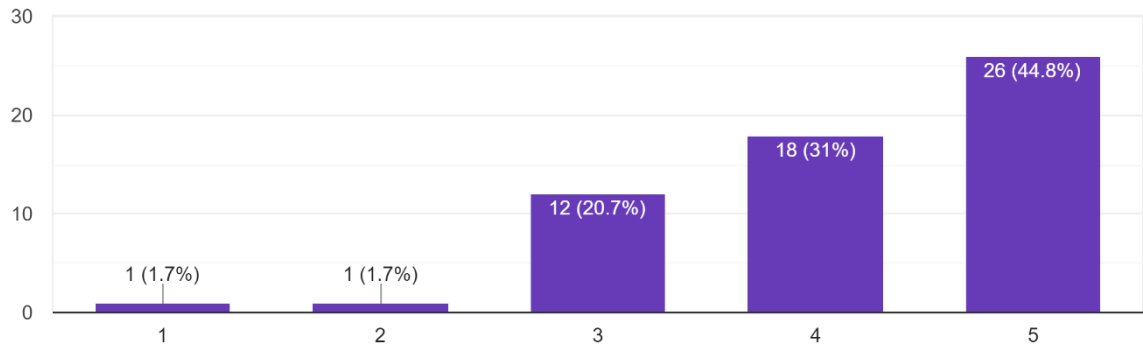
**Hình 3.12: Kết quả trả lời câu hỏi khảo sát số 12**

*Câu 13: Đánh giá về lợi ích của website trong việc phát triển kỹ năng công nghệ*

Câu hỏi số 13 tìm hiểu ý kiến đánh giá của sinh viên về việc website giúp nâng cao kỹ năng tin học. Kết quả chi tiết được thể hiện trong hình 3.13. Cụ thể, 26/58 sinh viên (tương đương 44,8%) lựa chọn mức độ đồng ý ở mức cao nhất – mức 5; 18/58 sinh viên (tương đương 31%) lựa chọn mức 4; 12/58 sinh viên (tương đương 20,7%) lựa chọn mức 3; 1 sinh viên chọn mức 2; và 1 sinh viên chọn mức 1. Kết quả cho thấy: mặc dù có tỷ lệ sinh viên nhất trí cao về khả năng hỗ trợ của website về việc cải thiện năng lực số, thì cũng có một vài sinh viên không hoàn toàn có chung quan điểm.

13. Sử dụng Website giúp tôi cải thiện được các kỹ năng công nghệ.

58 responses



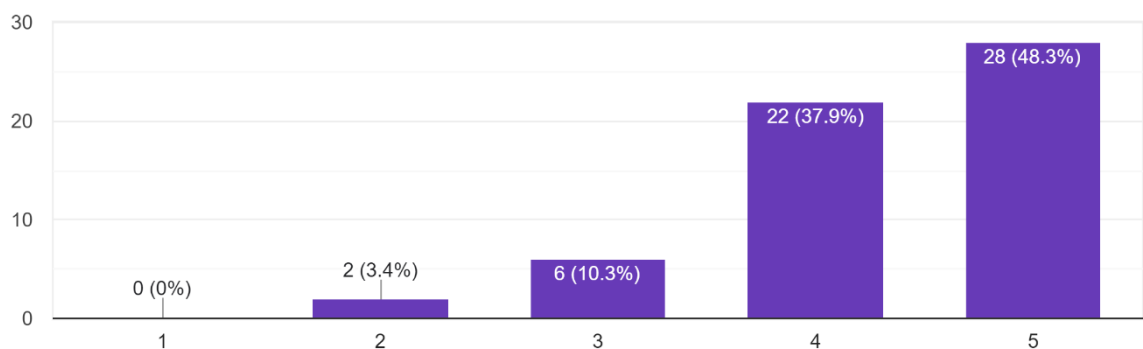
**Hình 3.13: Kết quả trả lời câu hỏi khảo sát số 13**

*Câu 14: Đánh giá về khả năng đáp ứng nhu cầu học tập của website.*

Câu hỏi số 14 trong bảng khảo sát khám phá quan điểm của sinh viên về khả năng đáp ứng nhu cầu học tập. Kết quả trong hình 3.14 cho thấy: 28/58 sinh viên (tương đương 48,3%) thể hiện mức đồng tình cao nhất – mức 5; 22/58 sinh viên (tương đương 37,9%) lựa chọn mức 4; 6/58 sinh viên lựa chọn mức 3; và 2/58 sinh viên lựa chọn mức 3; 2 sinh viên lựa chọn mức 2. Như vậy, kết quả trả chứng tỏ rất nhiều sinh viên cho rằng website phần nào đó đã đáp ứng được nhu cầu học tập của họ. Ở chiều ngược lại, có một số ít sinh viên cho rằng website vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu học tập.

14. Các nội dung trong Website phần nào đáp ứng được nhu cầu học tập của tôi.

58 responses



**Hình 3.14: Kết quả trả lời câu hỏi khảo sát số 14**

### 3.3.3. Kết quả phân tích thống kê mô tả tổng hợp từ SPSS

Phân tích thống kê mô tả trên phần mềm SPSS cũng được sử dụng nhằm so sánh giá trị trung bình (mean) giữa kết quả các câu hỏi. Việc so sánh giúp nhóm đề tài nắm bắt thêm thông tin về quan điểm của sinh viên và sẽ biết sinh viên có mức quan điểm đồng tình nhất với nội dung câu hỏi nào.

**Bảng 3.1: Tổng hợp kết quả thống kê trị số trung bình từ SPSS**

<i>Câu hỏi</i>	<i>N</i>	<i>Mean</i>	
	<i>Statistic</i>	<i>Statistic</i>	<i>Std. Error</i>
Câu 1: Giao diện của Website trông hợp lý.	58	<b>4.48</b>	.096
Câu 2: Website dễ dùng.	58	<b>4.33</b>	.111
Câu 3: Các nội dung trên Website bám sát các nội dung học tập của học phần tiếng Anh 3.	58	<b>4.66</b>	.084
Câu 4: Các nội dung trên Website được trình bày khoa học.	58	<b>4.57</b>	.096
Câu 5: Website giúp tôi làm được nhiều bài tập.	58	<b>4.47</b>	.086
Câu 6: Website giúp tôi tận dụng được thời gian học tập tiếng Anh hiệu quả.	58	<b>4.45</b>	.096
Câu 7: Website giúp tôi trở nên chăm chỉ hơn.	58	<b>4.05</b>	.136
Câu 8: Website giúp tôi trở nên chủ động trong việc học.	58	<b>4.17</b>	.110
Câu 9: Website giúp tôi tham gia vào tiến trình học tập.	58	<b>4.31</b>	.096
Câu 10: Website giúp tôi có ý thức học tập tốt hơn.	58	<b>4.24</b>	.121
Câu 11: Website giúp cho việc học tiếng Anh của tôi rất tiện lợi.	58	<b>4.36</b>	.088
Câu 12: Website làm cho việc học tiếng Anh của tôi trở nên dễ dàng hơn.	58	<b>4.31</b>	.102
Câu 13: Sử dụng Website giúp tôi cải thiện được các kỹ năng công nghệ.	58	<b>4.16</b>	.122
Câu 14: Các nội dung trong Website phần nào đáp ứng được nhu cầu học tập của tôi.	58	<b>4.31</b>	.105

Kết quả phân tích thống kê mô tả trong bảng 3.1 cho thấy trị số trung bình (mean) của tất cả các câu hỏi đều trên mức 4. Điều này chứng tỏ sinh viên có sự đồng ý rất cao về tất cả các nội dung được khảo sát. Bên cạnh đó, các câu hỏi trong phần 1 của bản khảo sát (câu 1 đến câu 4) cao hơn so với trị số trung bình của các câu hỏi trong phần 2 của bản khảo sát. Điều này cho thấy sinh viên có quan điểm đánh giá về website cao hơn so với các tác động và lợi ích mà website mang lại. Ngoài ra, bảng 3.1 cũng chỉ ra câu hỏi 4 (Các nội dung trên Website được trình bày khoa học) có giá trị trung bình cao nhất (mean = 4.57), và câu hỏi số 7 (Website giúp tôi trở nên chăm chỉ hơn) có giá trị trung bình thấp nhất (mean = 4.05).

#### **3.3.4. Ý kiến bổ sung:**

Để thu thập thêm dữ liệu về các ý kiến đánh giá đa chiều từ sinh viên, phần câu hỏi cuối cùng trong bảng khảo sát – câu số 15 là một câu hỏi mở cho sinh viên bổ sung thêm ý kiến của mình.

Kết quả như sau: 42/58 sinh viên không có thêm ý kiến, 16/58 sinh viên có bổ sung ý kiến. Số ý kiến này chia làm hai nhóm khuynh hướng: thứ nhất là những yếu tố tích cực về website, và thứ 2 là những khó khăn trực trặc hoặc chưa hài lòng khi làm bài.

Cụ thể với nhóm thứ nhất, có 2 sinh viên bày tỏ rằng về sự hài lòng của mình khi sử dụng website (“*Không có gì chưa hài lòng*” và “*Quá hài long rồi ạ*”). Nhóm ý kiến thứ 2 liên quan tới những vấn đề gặp phải khi dùng website. Một số sinh viên đề cập tới vấn đề tốc độ truy cập internet khi dùng website trên điện thoại: “*Mạng yếu*”; “*Mạng Internet nhiều lúc còn bị chậm*”; “*Web lướt hơi khó cho màn hình điện thoại*”. Một số ý kiến khác chỉ ra các vấn đề kỹ thuật trên website liên quan đến viết và chính tả trong đáp án. Cụ thể các em đề cập như sau:

- “*Phần writing viết đúng rồi nhưng chỉ sai dấu ' trong từ didn't vẫn bị tính sai.*”
- “*Phần đáp án của các bài tập nên có phần giải thích rõ ràng nội dung.*”
- “*Thầy cần chỉnh sửa lại lại listening u6, u7 vì chỉ được làm 1 lần ạ.*”
- “*Mục writing còn khó viết.*”

- *“Bám sai cú phám dễ sai bài tập, chưa có nhiều tính năng cao.”*
- *“Về phần đáp án phần writing cần cải thiện linh hoạt hơn.”*
- *“Khó làm bài viết lại câu.”*
- *“Về hình thức một chút chưa hài lòng.”*
- *“Có mấy bài em không xem được đáp án sau khi làm bài ạ.”*

Như vậy có thể thấy sinh viên đã bày tỏ những ý kiến rất chi tiết liên quan tới website và các nội dung trên website từ việc liên quan đến tốc độ đường truyền truy cập mạng cho tới các lỗi chính tả trong từng bài.

# KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

## 1. KẾT LUẬN

### 1.1. Kết quả nghiên cứu

Đặt trong bối cảnh của thời đại về tiến trình số hóa các lĩnh vực trong giáo dục và đào tạo đại học, nhóm đề tài đã đặt ra 3 mục tiêu cho nghiên cứu của mình. Thứ nhất, ứng dụng các công cụ của Google trong bộ Google Workspace for Education phiên bản miễn phí Fundamentals dành cho các cơ sở đào tạo giáo dục đại học đủ điều kiện để xây dựng một website trong đó các nguồn học liệu hỗ trợ học tập cho sinh viên tại trường Đại học Hoa Lư trong học phần tiếng Anh 3 học kỳ 1 năm học 2023-2024. Thứ hai, nhóm sẽ đánh giá tính khả thi của việc xây dựng một website miễn phí mà dựa hoàn toàn vào các công cụ của Google. Thứ ba, nhóm khảo sát ý kiến đánh giá của sinh viên sau khi các em được trải nghiệm học tập cùng website như là một công cụ hỗ trợ cho việc học tập trong vòng hơn 10 tuần học.

*Kết quả mục tiêu nghiên cứu thứ nhất về xây dựng website:*

Dựa trên kết quả nghiên cứu thực hiện 1 năm trước đó, mà chủ nhiệm đề tài đã thực hiện với khối sinh viên D14, nghiên cứu lần này được coi như thêm minh chứng về khả năng số hóa của các công cụ Google. Trong nghiên cứu trước đó, chủ nhiệm đề tài đã sử dụng các công cụ Google và đã xây dựng được một website. Tuy nhiên, đó mới là giai đoạn sơ khai sử dụng được coi như nền móng cho giai đoạn sau thực hiện nghiên cứu này để hoàn thiện. Do đó, với mục đích thứ nhất là xây dựng website, nghiên cứu lần này hoàn thiện và tinh chỉnh lại website, cắt giảm các nội dung thừa và không phù hợp, và hình thành một website tốt hơn. Điều này đã được chứng minh thông qua ý kiến đánh giá của sinh viên với kết quả cụ thể đã được trình bày ở các mục trước. Theo đó, sinh viên đa phần tiếp nhận website với mức độ tích cực rất cao. Cụ thể trong phần 1 của bảng câu hỏi, kết quả các câu hỏi từ 1 đến 4 đánh giá về website, sinh viên đều thể hiện sự đồng tình rất cao. Số sinh viên lựa chọn mức 4 và 5 thường đạt tỷ lệ tổng trên 70%. Thống kê phân tích trên phần mềm SPSS cũng chứng minh điều đó. Trị số



trung bình (mean) của các câu hỏi đều ở mức cao (thấp nhất là 4.33 – câu 2 và cao nhất là 4.57 – câu 4).

*Kết quả mục tiêu nghiên cứu thứ 2 về tính khả thi xây dựng website:*

Nội dung quan trọng thứ 2 mà nhóm đề tài giải quyết trong nghiên cứu của mình đó là đánh giá tính khả thi của việc xây dựng một website hỗ trợ học tập. Căn cứ trên tiến trình thực hiện các tác vụ liên quan tới các bước xây dựng website, nhóm đề tài đã xuất bản được website của mình. Đồng thời, website đã được sinh viên trải nghiệm và sử dụng liên tục kể từ khi được giáo viên chuyển tới qua Zalo của nhóm. Mặc dù, còn một số các trở ngại về mặt kỹ thuật như tốc độ đường truyền internet chưa tốt, khả năng vượt trang chưa trôi chảy như một số phản ánh của sinh viên trong phần ý kiến bổ sung trong khảo sát, nhưng kết quả khảo sát cũng cho thấy việc xây dựng website đã gặt hái được những thành công nhất định. Nhiều sinh viên ghi nhận những tác động tích cực của việc sử dụng website mang lại. Và do đó, việc xây dựng 1 website hỗ trợ học tập dựa trên các tính năng và giá trị giáo dục của các công cụ Google mang lại là hoàn toàn khả thi. Kết nghiên cứu cũng góp phần thêm minh chứng cho các nghiên cứu trước đó về khả năng hỗ trợ cho lĩnh vực giáo dục của các công cụ Google.

*Kết quả mục tiêu nghiên cứu thứ 3 về quan điểm đánh giá của sinh viên:*

Sau khi website được sinh viên sử dụng cho quá trình học tập tiếng Anh 3 của mình, nhóm nghiên cứu đã tiến hành khảo sát ý kiến đánh giá của sinh viên về 2 nội dung chính. Thứ nhất là đánh giá về website. Thứ 2 là đánh giá về các tác động và lợi ích mà website mang lại. Kết quả khảo sát cho thấy, phần đông sinh viên đưa ra quan điểm đồng tình khá cao về tất cả các nội dung về khảo sát. Mặc dù, vẫn còn một số rất ít sinh viên ở một vài nội dung câu hỏi thể hiện sự không đồng tình trong quan điểm của mình. Nhưng thông số thống kê ghi nhận giá trị trung bình (mean) của các câu trả lời trong bảng khảo sát đều trên mức 4. Tổng quan có thể thấy, website được sinh viên tích cực đón nhận. Sinh viên đã tích cực làm bài trên trang, đã phản hồi với mức độ đồng tình cao về website, và cũng có những góp ý rất chi tiết về bố cục cũng như lỗi kỹ thuật trong các bài tập.

Kết quả trong nghiên cứu này đã đóng góp thêm giá trị lý thuyết và thực tiễn mà các nhà nghiên cứu đã thực hiện trước đó về việc ứng dụng Google vào giảng dạy (Batrova và cộng sự, 2019; Contantinou, 2018; Kovalenko, 2019; Ishtaiwa-Dweikat và Aburezeq, 2016; Khalil, 2018; Awuah, 2015; Váňová và Kahleová, 2009; Phan và các cộng sự, 2018; Nguyễn Khánh Tài, 2015; Nguyen & Nguyen, 2022; Phạm Đức Thuận và Nguyễn Thị Hồng Hạnh, 2023). Các nghiên cứu tuy thực hiện trong các bối cảnh khác nhau với những mục đích khác nhau nhưng đều chia sẻ kết quả nghiên cứu rằng các công cụ Google có ý nghĩa rất lớn trong việc hỗ trợ và phát triển giáo dục. Với kết quả cụ thể và đặt mối liên hệ trực tiếp với phong trào chuyển đổi số rất thức thời, nghiên cứu này đã củng cố thêm mức độ tin cậy và giá trị khoa học rằng việc sử dụng các công cụ Google hoàn toàn có thể làm phong phú thêm phong trào chuyển đổi số trong giảng dạy đại học và việc xây dựng một website hỗ trợ học tập trên nền tảng các công cụ Google là khả thi.

## **1.2. Tồn tại – hạn chế**

Bên cạnh những đóng góp của nghiên cứu, nhóm đề tài cũng nghi nhận những hạn chế trong nghiên cứu này. Thứ nhất, đề tài liên quan tới xây dựng một website. Do đó, ý kiến đánh giá chuyên môn về một website cần từ nhiều chuyên gia công nghệ. Tuy nhiên, quá trình xây dựng website E-learn Smart 3 hoàn toàn dựa trên khả năng tự học hỏi tìm tòi của nhóm đề tài. Và ý kiến đánh giá của sinh viên mới chỉ dừng lại ở nhóm ý kiến của người dùng. Vì thế, một trong những khiếm khuyết của nghiên cứu này là chưa có ý kiến đánh giá đầy đủ từ các nhóm đối tượng khác nhau, đặc biệt từ chuyên gia xây dựng và phát triển website. Thứ 2, nhóm đề tài mới chỉ thực hiện ứng dụng đối với 58 sinh viên trong 2 lớp sinh viên học phần tiếng Anh 3. Và số lượng người dùng trải nghiệm này còn khá ít ỏi. Do vậy, nếu có một số lượng sinh viên sử dụng đông đảo hơn, trên phạm vi rộng hơn thì nghiên cứu sẽ có ý nghĩa hơn. Do đó, nhóm đề tài hy vọng các nghiên cứu sau sẽ giải quyết được những khuyết thiếu này bằng cách thực hiện khảo sát nghiên cứu trên diện rộng hơn với nhiều đối tượng, đồng thời thực hiện nghiên

cứu, phân tích, phân cấp độ các nội dung kiến thức độc lập hơn và sâu hơn từ nhiều nhóm chuyên gia giáo dục và công nghệ khác nhau.

## **2. KIẾN NGHỊ**

### **2.1. Đối với Nhà trường**

Chuyển đổi số trong giáo dục là một trong các ưu tiên hàng đầu của quốc gia. Theo đó, đề án chuyển đổi số trong giáo dục đào tạo đến năm 2025 là xác định mục tiêu đổi mới mạnh mẽ phương thức tổ chức giáo dục, đưa dạy và học trên môi trường số trở thành hoạt động giáo dục thiết yếu, hàng ngày đối với mỗi nhà giáo, mỗi người học.

Trường Đại học Hoa Lư là một cơ sở giáo dục đại học công lập. Do vậy, nhà trường chắc chắn không nằm ngoài dòng chảy chuyển đổi số quốc gia. Những năm gần đây, quá trình áp dụng công nghệ thông tin vào giảng dạy và quản trị tại trường đã có những chuyển biến tích cực. Tuy nhiên, việc số hóa nguồn học liệu và chương trình học chưa có nhiều. Từ kết quả nghiên cứu trong đề tài này, nhóm đề xuất nhà trường nên chẳng triển khai việc ứng dụng Google vào số hóa học liệu, và chuyển đổi số các học phần giảng dạy tại trường. Việc sử dụng đồng bộ các sản phẩm của Google trong cùng một hệ sinh thái sẽ hiệu quả hơn và có tính hệ thống hơn, dễ dàng cho việc quản lý và quản trị.

Cũng theo kết quả của nghiên cứu này, sinh viên có đề cập tới việc kết nối internet còn chậm và chưa đáp ứng được nhu cầu học tập có sử dụng công nghệ của sinh viên. Do đó, nhóm đề tài cũng kiến nghị nhà trường nâng cấp thêm hệ thống truy cập internet trong trường. Đồng thời, nếu có một hệ thống cơ sở vật chất hiện đại và cập nhật thường xuyên chẳng hạn có các phòng máy với đầy đủ máy tính và đường truyền internet chất lượng cao, ổn định sẽ là môi trường tuyệt vời để việc ứng dụng công nghệ vào hoạt động giáo dục trong đó có nền tảng công nghệ đạt hiệu quả cao nhất.

### **2.2. Đối với giảng viên**

Từ kết quả nghiên cứu của đề tài cho thấy, nỗ lực đổi mới sáng tạo trong công tác giảng dạy luôn không có giới hạn. Khả năng tìm tòi học hỏi không ngừng

sẽ giúp cho giảng viên có thêm nhiều kiến thức cập nhật tức thời. Nhóm đề tài thực hiện nghiên cứu chủ yếu dựa trên nỗ lực tự học hỏi tìm tòi về ứng dụng công nghệ vào giáo dục. Đồng thời, nhóm đề tài nhận thức vai trò ngày càng lớn của công nghệ thông tin đối với các lĩnh vực đời sống xã hội. Nhóm đề tài cũng là những giảng viên tham gia công tác giảng dạy tại trường. Do đó nhóm đề tài cũng mạnh dạn đề nghị các giảng viên tích cực tìm tòi học hỏi. Đặc biệt, tích cực khám phá và học hiểu về công nghệ mới và ứng dụng vào công tác giảng dạy của mình. Sống trong thời đại chuyển mình từng ngày cùng công nghệ, giảng viên hoàn toàn có thể sử dụng công nghệ để đa dạng hóa phương pháp dạy học và làm phong phú cách tiếp cận bài giảng. Cụ thể trong nghiên cứu này, nhóm đề tài đã áp dụng các sản phẩm Google để chuyển đổi số một phần kiến thức và nội dung học tập trong học phần tiếng Anh 3 bằng việc xây dựng một website miễn phí hỗ trợ học tập cho sinh viên. Như vậy, đối với các giảng viên giảng dạy các học phần khác hoàn toàn có thể áp dụng cách làm tương tự trong việc giảng dạy của mình. Do đó, nghiên cứu này có thể là một mô hình để các giảng viên tham khảo.

## DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH CỦA NHÓM TÁC GIẢ ĐÃ CÔNG BỐ CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NỘI DUNG ĐỀ TÀI

1. Phạm Đức Thuận, (2018). Application of Google Forms in EFL Classroom. *Proceedings of “The 3rd International TESOL Conference: “Promoting ELT: Diverse Perspectives and New Horizons”*, Ho Chi Minh City University of Education, 131-137.
2. Phạm Đức Thuận, (2019). Tạo video bài giảng với PowerPoint Microsoft Office 365. *Kỷ yếu Hội thảo Ứng dụng công nghệ thông tin để nâng cao chất lượng đào tạo*. Trường Đại học Hoa Lư. Tr.1-12.
3. Phạm Đức Thuận, (2022). Employment of Google Tools in English Language Education: A Review. *British Journal of Multidisciplinary and Advanced Studies*, 3(2), 70–77. <https://doi.org/10.37745/bjmas.2022.0073>
4. Phạm Đức Thuận và Nguyễn Thị Hồng Hạnh, (2023). University Students’ Perceptions of Google Tools in Learning English Courses Online. *International Journal of Emerging Technologies in Learning (iJET)*, 18(13), pp. 45–61. <https://doi.org/10.3991/ijet.v18i13.39857>

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Aucott, J. (2022). Why you should be using Google Workspace for Education. Haptic. <https://www.haptic-networks.com/google-workspace/why-google-workspace-for-education/>
- Awuah, L. J. (2015) Supporting 21st-Century Teaching and Learning: The Role of Google Apps for Education (GAPE). *Journal of Instructional Research*, 4(2015), 12-22. <https://files.eric.ed.gov/fulltext/EJ1127612.pdf>
- Batrova, N., Lukoyanova, M., & Chugunova, E. (2019). Improvement of ICT competency of in-service EFL teacher. In *INTED2019 Proceedings* (pp. 4407-4411). IATED.
- Constantinou, E. K. (2018). Teaching in clouds: using the G suite for education for the delivery of two English for academic purposes courses. *Journal of Teaching English for Specific and Academic Purposes*, 305-317.
- Dương Thị Ngọc Anh, Mai Thị Thu Hân, và Hoàng Thị Tuyết. (2019). Sử dụng google forms trong dạy học tiếng anh cho sinh viên năm thứ hai không chuyên ngữ tại Trường Đại học Hoa Lư. *Tạp chí Giáo dục*, Số đặc biệt Kì 3 tháng 5/2019, tr 235-239. Trích nguồn: <https://tapchigiaoduc.moet.gov.vn/vi/magazine/download/?download=1&catid=379&id=6795>.
- Google for Education. (n.d.) *Google Workspace for Education Overview*. <https://edu.google.com/workspace-for-education/editions/overview/>
- Happy2HostEducation. (2022, Feb 10). *4 benefits of Google Workspace for Education*. <https://happy2host.education/news/4-benefits-of-google-workspace-for-education/>
- Ishtaiwa-Dweikat, F. F., & Aburezeq, I. M. (2016). The use of Google apps to support teaching and learning: A UAE case study. *International Journal of Web-Based Learning and Teaching Technologies (IJWLTT)*, 11(4), 1-21.
- Khalil, Z. M. (2018). EFL students' perceptions towards using Google Docs and Google Classroom as online collaborative tools in learning grammar. *Applied Linguistics Research Journal*, 2(2), 33-48.

- Kovalenko, O. (2019). *Using Apps and Google Company Products In Teaching Business English*. <https://lib.chmnu.edu.ua/pdf/naukpraci/pedagogika/2019/326-314-22.pdf>
- Nguyen, T. H. N., & Nguyen, T. T. H. (2022). Use of Google Docs in Teaching and Learning English Online to Improve Students' Writing Performance. *International Journal of TESOL & Education*, 2(2), 186–200. <https://doi.org/10.54855/ijte.222210>
- Nguyễn Khánh Tài (2015). Sử dụng Google Sites thiết kế Website hỗ trợ dạy học. <https://123docz.net/document/3758344-skkn-su-dung-google-sites-thiet-ke-website-ho-tro-day-hoc.htm>
- Phan, T. T. N., Le, P. T., & Doan, K. T. (2018). Using 'E-portfolio' on Google Sites to help Students develop their autonomy in the credit-based training system. *Journal of Science of Ho Chi Minh City Open University*, 13(1), 14-28. DOI:10.46223/HCMCOUJS.soci.vi.13.1.885.2018
- Váňová, P. T., & Kahleová, B. I. (2009). *Google Tools Suitable for Teaching English*.
- Yeskel, Z. 2020. "New Meet features to improve distance learning," Retrieved from <https://blog.google/outreach-initiatives/education/meet-for-edu/>

## PHỤ LỤC

### BẢNG CÂU HỎI KHẢO SÁT

<i>Câu hỏi</i>		<i>Hãy lựa chọn mức độ đồng tình của mình với các câu hỏi bằng cách tích vào ô phù hợp.</i>				
		1 – Hoàn toàn KHÔNG ĐỒNG TÌNH 5 – Hoàn toàn ĐỒNG TÌNH				
		1	2	3	4	5
<i>Đánh giá Website</i>						
1	Giao diện của Website trông hợp lý.					
2	Website dễ dùng.					
3	Các nội dung trên Website bám sát các nội dung học tập của học phần tiếng Anh 3.					
4	Các nội dung trên Website được trình bày khoa học.					
<i>Đánh giá tác động của Website</i>						
5	Website giúp tôi làm được nhiều bài tập.					
6	Website giúp tôi tận dụng được thời gian học tập tiếng Anh hiệu quả.					
7	Website giúp tôi trở nên chăm chỉ hơn.					
8	Website giúp tôi trở nên chủ động trong việc học.					
9	Website giúp tôi tham gia vào tiến trình học tập.					
10	Website giúp tôi có ý thức học tập tốt hơn.					



11	Website giúp cho việc học tiếng Anh của tôi rất tiện lợi.					
12	Website làm cho việc học tiếng Anh của tôi trở nên dễ dàng hơn.					
13	Sử dụng Website giúp tôi cải thiện được các kỹ năng công nghệ.					
14	Các nội dung trong Website phần nào đáp ứng được nhu cầu học tập của tôi.					
16	Ý kiến bổ sung (về những điều em còn CHƯA HÀI LÒNG về Website và học tập tiếng Anh với Website này):					

## VOCABULARY LISTS

### Unit 5: Gotta have it!

ENGLISH	VIETNAMESE
1. 3D printer	1. Máy in 3D
2. Computer programming	2. Lập trình máy tính
3. Electronic translator	3. Phiên dịch điện tử
4. Feature	4. Tính năng
5. Product	5. Sản phẩm
6. Smart glasses	6. Kính thông minh
7. Smartphone	7. Điện thoại thông minh
8. Smartwatch	8. Đồng hồ thông minh
9. Sports camera	9. Máy ảnh thể thao
10. Tablet	10. Máy tính bảng
11. Wireless headset	11. Tai nghe không dây
12. Appear	12. Xuất hiện

13. Browse	13. Duyệt
14. Download	14. Tải xuống
15. Automated	15. Tự động
16. Build-your-own	16. Xây dựng của riêng bạn
17. User-friendly	17. Thân thiện với người dùng

### Unit 6: He'd never been abroad!

ENGLISH	VIETNAMESE
1. Amazing	1. Kinh ngạc
2. Angry	2. Tức giận
3. Bad	3. Xấu
4. Calm	4. Bình tĩnh
5. Careful	5. Cẩn thận
6. Careless	6. Bất cẩn
7. Cheerful	7. Vui vẻ
8. Complete	8. Hoàn thành
9. Dangerous	9. Nguy hiểm
10. Final	10. Cuối cùng
11. Gentle	11. Nhẹ nhàng
12. Good	12. Tốt
13. Happy	13. Hạnh phúc
14. Hopeful	14. Hy vọng
15. Independent	15. Độc lập
16. Lucky	16. May mắn
17. Nervous	17. Căng thẳng
18. Noisy	18.Ồn ào
19. Obvious	19. Rõ ràng
20. Patient	20. Kiên nhẫn
21. Quick	21. Nhanh chóng
22. Recent	22. Gần đây

23. Sad	23. Buồn
24. Smooth	24. Mượt
25. Sudden	25. Đột ngột
26. Surprising	26. Ngạc nhiên
27. Terrible	27. Kinh khủng
28. Unfortunate	28. Không may
29. Wonderful	29. Tuyệt vời
30. Amazing	30. Tuyệt vời
31. Angrily	31. Tức giận
32. Badly	32. Tồi tệ
33. Breathlessly	33. Nghẹt thở
34. Briefly	34. Ngắn gọn
35. Calmly	35. Bình tĩnh
36. Carefully	36. Carefully
37. Carelessly	37. Bất cẩn
38. Cheerfully	38. Vui vẻ
39. Clearly	39. Rõ ràng
40. Completely	40. Hoàn toàn
41. Dangerously	41. Nguy hiểm
42. Eventually	42. Cuối cùng
43. Finally	43. Cuối cùng
44. Firmly	44. Vững chắc
45. Gently	45. Nhẹ nhàng
46. Happily	46. Hạnh phúc
47. Hopefully	47. Hy vọng
48. Independently	48. Độc lập
49. Luckily	49. May mắn
50. Nervously	50. Lo lắng
51. Noisily	51.Ồn ào

52. Obviously	52. Rõ ràng
53. Patiently	53. Kiên nhẫn
54. Quickly	54. Nhanh lên
55. Recently	55. Gần đây
56. Sadly	56. Buồn
57. Smoothly	57. Nhẹ Nhàng
58. Suddenly	58. Đột nhiên
59. Surprisingly	59. Ngạc nhiên
60. Terribly	60. Kinh khủng
61. Unfortunately	61. Thật không may
62. Violently	62. Bạo lực
63. Well	63. Tốt
64. Wonderfully	64. Tuyệt vời
65. Book a flight	65. Đặt chuyến bay
66. Book a hotel room	66. Đặt phòng khách sạn
67. Book a tour	67. Đặt tour
68. Make a call	68. Thực hiện cuộc gọi
69. Make a plan	69. Lập kế hoạch
70. Make a reservation	70. Đặt phòng
71. Take a chance	71. Nắm lấy cơ hội
72. Take a risk	72. Hãy mạo hiểm
73. Take a vacation	73. Đi nghỉ mát

### Unit 7: Time for a new look!

ENGLISH	VIETNAMESE
1. Criticize	1. Chỉ trích
2. Cut your hair	2. Cắt tóc
3. Do your hair	3. Làm tóc
4. Do your nails	4. Làm móng tay
5. Dye your hair (black)	5. Nhuộm tóc (đen)

6. Get a haircut	6. Đi cắt tóc
7. Get a manicure	7. Làm móng tay
8. Get a perm	8. Uốn tóc
9. Get highlights	9. Nhuộm tóc màu nổi bật
10. Grow a beard	10. Để râu
11. Paint your nails	11. Sơn móng tay
12. Perm your hair	12. Uốn tóc
13. Pierce your ears	13. Xỏ lỗ tai
14. Shave your beard	14. Cạo râu
15. Shave your head	15. Cạo đầu
16. Shave your mustache	16. Cạo ria mép
17. Straighten your hair	17. Duỗi tóc
18. Trim your hair	18. Tỉa tóc
19. Trim your beard	19. Tỉa râu
20. Trim your mustache	20. Tỉa ria mép
21. Accessory	21. Phụ kiện
22. Barber shop	22. Tiệm cắt tóc
23. Compliment	23. Khen ngợi
24. Leather	24. Da
25. Makeover	25. Trang điểm
26. Stylist	26. Nhà tạo mẫu
27. Flattering	27. Tâng bốc
28. Handsome	28. Đẹp trai
29. Sparkly	29. Lấp lánh

### Unit 8: My life would be great!

ENGLISH	VIETNAMESE
1. Air quality	1. Chất lượng không khí
2. Community	2. Cộng đồng
3. Cost of living	3. Chi phí sinh hoạt

4. Crime rate	4. Tỷ lệ tội phạm
5. Environment	5. Môi trường
6. Housing prices	6. Giá nhà ở
7. Job market	7. Thị trường việc làm
8. Local issue	8. Vấn đề địa phương
9. Low-income neighborhood	9. Khu phố thu nhập thấp
10. Nightlife	10. Cuộc sống về đêm
11. Public parks	11. Công viên công cộng
12. Public transportation	12. Giao thông công cộng
13. Resident	13. Người thường trú
14. School system	14. Hệ thống trường học
15. Service	15. Dịch vụ
16. Shopping	16. Mua sắm
17. Traffic	17. Giao thông
18. Vacant lot	18. Lô đất trống
19. Bother	19. Làm phiền
20. Improve	20. Cải thiện
21. Lack	21. Thiếu

### Unit 9: What would you have done?

ENGLISH	VIETNAMESE
1. Acceptable	1. Chấp nhận được
2. Amused	2. Thích thú
3. Comfortable	3. Thoải mái
4. Confused	4. Bối rối
5. Considerate	5. Cân nhắc
6. Dishonest	6. Không trung thực
7. Embarrassed	7. Xấu hổ
8. Friendly	8. Thân thiện
9. Glad	9. Vui mừng

10. Grateful	10. Biết ơn
11. Helpful	11. Hữu ích
12. Honest	12. Trung thực
13. Hurt	13. Tồn thương
14. Inappropriate	14. Không phù hợp
15. Inconsiderate	15. Không quan tâm
16. Irritated	16. Khó chịu
17. Jealous	17. Ghen tị
18. Obnoxious	18. Đáng ghét
19. Offended	19. Bị xúc phạm
20. Relieved	20. Nhẹ nhõm
21. Rude	21. Thô lỗ
22. Shocked	22. Sốc
23. Sympathetic	23. Đồng cảm
24. Thoughtful	24. Chu đáo
25. Thoughtless	25. Thiếu suy nghĩ
26. Uncomfortable	26. Khó chịu
27. Upset	27. Khó chịu

**Unit 10: Anything's possible.**

<b>ENGLISH</b>	<b>VIETNAMESE</b>
1. Alien	1. Người ngoài hành tinh
2. Evidence	2. Bằng chứng
3. Explanation	3. Giải thích
4. Ghost	4. Hồn ma
5. Hoax	5. Trò lừa bịp
6. Mystery	6. Bí ẩn
7. Myth	7. Chuyện hoang đường
8. Optical illusion	8. Ảo ảnh quang học
9. Phenomenon	9. Hiện tượng

10. Prediction	10. Dự đoán
11. Proof	11. Bằng chứng
12. Rumor	12. Tin đồn
13. Scam	13. Lừa đảo
14. Sighting	14. Nhìn thấy
15. Spacecraft	15. Tàu vũ trụ
16. Theory	16. Lý thuyết
17. Trick photo	17. Ảnh lừa
18. UFO	18. Vật thể bay không xác định
19. Urban legend	19. Truyền thuyết đô thị
20. Witness	20. Nhân chứng
21. Certain	21. Nhất định
22. Convinced	22. Tin chắc
23. Definite	23. Chắc chắn
24. Doubtful	24. Nghi ngờ
25. Positive	25. Tích cực
26. Skeptical	26. Hoài nghi
27. Sure	27. Chắc chắn
28. Suspicious	28. Đáng ngờ
29. Uncertain	29. Không chắc chắn
30. Fool	30. Kẻ ngốc
31. Pretend	31. Giả vờ
32. Surface	32. Bề mặt

### Unit 11: What would have happened?

ENGLISH	VIETNAMESE
1. Adaptation	1. Thích nghi
2. Advance	2. Tạm ứng
3. Appliance	3. Thiết bị
4. Brand name	4. Thương hiệu



5. Breakthrough	5. Đột phá
6. Concoction	6. Pha chế
7. Contraption	7. Cỗ máy
8. Creation	8. Sáng tạo
9. Development	9. Phát triển
10. Device	10. Thiết bị
11. Gadget	11. Tiện ích
12. Innovation	12. Đổi mới
13. Instrument	13. Nhạc cụ
14. Invention	14. Phát minh
15. Mixture	15. Hỗn hợp
16. Tool	16. Công cụ
17. Utensil	17. Dụng cụ
18. Variation	18. Biến thể
19. Vehicle	19. Phương tiện
20. Futuristic	20. Tương lai
21. Ingenious	21. Khéo léo
22. Portable	22. Di động
23. Practical	23. Thực dụng
24. Manufacture	24. Sản xuất

### Unit 12: He said he was a movie star!

ENGLISH	VIETNAMESE
1. Blogger	1. Người viết blog
2. Editor	2. Biên tập viên
3. Journalist	3. Nhà báo
4. Paparazzi	4. Tay săn ảnh
5. Photographer	5. Nhiếp ảnh gia
6. Reporter	6. Phóng viên
7. Business	7. Kinh doanh
8. Celebrity	8. Người nổi tiếng

9. Crime	9. Tội phạm
10. Entertainment	10. Giải trí
11. Gossip	11. Tin đồn
12. Politics	12. Chính trị
13. Sports	13. Thể thao
14. Weather report	14. Báo cáo thời tiết
15. Article	15. Điều
16. Column	16. Cột
17. Headline	17. Tiêu đề
18. Interview	18. Phỏng vấn
19. Magazine	19. Tạp chí
20. Media	20. Truyền thông
21. Newspaper	21. Báo chí
22. Radio	22. Đài phát thanh
23. Slogan	23. Khẩu hiệu
24. Tabloid	24. Báo lá cải
25. Announce	25. Thông báo
26. Anticipate	26. Dự đoán
27. Confess	27. Thú nhận
28. Promise	28. Lời hứa
29. Impressive	29. Ấn tượng
30. Irate	30. Giận dữ
31. Prominent	31. Nổi bật

---

## Employment of Google Tools in English Language Education: A Review

**Pham Duc Thuan**  
Hoa Lu University, Vietnam

DOI: <https://doi.org/10.37745/bjmas.2022.0073>

Published: 27th December, 2022

---

Pham Duc Thuan (2022) Employment of Google Tools in English Language Education: A Review, British Journal of Multidisciplinary and Advanced Studies: Education, Learning, Training & Development 3(2),70-77

**ABSTRACT:** *Google Workspace for Education offers various tools that are believed to be beneficial for both educators and learners. This paper aims to review the benefits of core tools in Google Workspace for Education and employment of the tools in the context of teaching and learning English. The paper is hoped to bring a better understanding of the usability of the tools for English language educators to make use of in order to digitally transform their classroom effectively.*

**KEYWORDS:** Google Workspace for Education, benefits of Google tools, English teaching and learning,

---

### INTRODUCTION

In February of 2006, Google introduced a set of tools called Gmail for Your Domain. Google Apps for Your Domain was introduced in the same year as an extension of the suite. Soon after, in 2016, it was renamed G Suite. The suite was renamed Google Workspace in 2020. There were 6 million paying companies using Google Workspace as of April 2020, with an additional 120 million users using Google Workspace for Education (Yeskel, 2020).

Google Workspace for Education is a collection of Google technologies and services that are designed to facilitate collaboration, expedite education, and maintain a secure learning environment in schools as well as homeschools. Google Workspace for Education provides a variety of choices to fulfill the requirements of your company, including Google Workspace for Education Fundamentals, Google Workspace for Education Standard, Google Workspace for Teaching and Learning Upgrade, and Google Workspace for Education Plus.

Google Workspace for Education Standard is comprised of the same technologies as Google Workspace for Education Fundamentals; however, it also includes more sophisticated safety options and stronger administrative controls.

Education Fundamentals or Education Standard version may be upgraded to include the Teaching and Learning Upgrade, which provides expanded video-communication capabilities, Classroom add-ons, and other features and tools.

Included in Google Workspace for Education Plus are all of the capabilities included in Education Standard as well as Teaching and Learning Upgrade, as well as additional functionality for some services. For example, tracking attendance in Google Meet is one of these additional features.

Free access to Education Fundamentals is provided to all institutions that meet the requirements. All three of these options need a paid subscription: Education Standard, Teaching and Learning Upgrade, and Education Plus.

### **Core Tools in Google Workspace for Education**

Google Workspace for Education is a set of tools that can help you expand possibilities for critical thinking, communication, collaboration, and creativity while supporting your students' learning objectives. These tools are free, ad-free, trustworthy, and secure. They are already widely used by millions of students around the world. These tools are relevant to students, simple to use, and provide numerous new learning opportunities. Drive, Sites, Classroom, Google Meet, Google Docs, Google Sheets, Calendar, Keep, Google Forms, and Google Chat are just some of the tools that are provided to you as part of the fundamentals of Google Workspace for Education.

- Google Docs is the text processing program. You may use this to create interesting documents using text, images, drawings, tables, and hyperlinks.
- Spreadsheets may be created using Google Sheets and then utilized to analyze and visualize data.
- Google Slides, on the other hand, makes it simple to create presentations that the audience will find fascinating. While the more conventional Gmail may be used for email and scheduling activities,
- Google Forms can handle event registrations, quickly poll your audience, generate assessments, and much more. As the responses come in, you receive results immediately. Charts and graphs can also be used to quickly summarize survey data.
- Google Meet is an app that allows for video conferencing and conversation.
- Google Classroom also makes it easy for you to communicate with each of your students. As a result, both teaching and learning may be accomplished more successfully and with less effort. With only a few clicks, students can quickly set up a virtual classroom and start working on their assignments. You may use Google Classroom to keep track of your students' progress, see who is working on what assignment, who has finished it, who still needs help, and who has questions.
- Google Drive helps is the central location where all the content is automatically saved and viewed from anywhere utilizing the cloud.
- Google Sites is a wiki and website builder with a structured interface that may be used as part of the free, web-based Google Docs Editors package. Google Keep, Google Docs, Google Sheets, Google Slides, Google Drawings, Google Forms, and Google Docs Sheets are all part of the service. You can only access Google Sites using the web

browser. Users may create, edit, and share files online in real-time using this app's collaborative features.

### **Benefits of Google Workspace for Education**

The use of Google Workspace for Education tools comes with a plethora of benefits, the most notable of which are improvements in terms of cooperation and communication. Teachers and students may easily get in touch with one another and work together on assignments thanks to the tools in this suite. The new gadgets come with capabilities such as email, a calendar, the ability to edit documents, and chat. All schools and districts that have a Google Workspace for Education account may now make use of the features that are accessible through Google Workspace for Education. The most significant obstacle for teachers is figuring out how to connect effectively with their pupils.

Google (Google for Education, n.d.) indicate that using the Google Workspace for Education Tools can improve classroom education. Better communication and cooperation may be achieved using user-friendly educational resources. It's meant to increase output. The tools help teachers and students save time by centralizing the processes of producing, storing, sharing, and evaluating. Improve your students' work using Google Workspace for Education tools. Students are able to provide their finest work possible thanks to these straightforward resources for education. Protecting students' work, identities, and personal information with proactive security measures and controls, Google Workspace for Education is a great tool for schools to use to safeguard their data.

Aucott (2022) argues that the migration to cloud-based solutions may be accomplished in a straightforward and expedient manner thanks to Google Workspace for Education, which provides a number of advantages, including (1) The security of data; (2) the avoidance of file exposure threats; (3) the detection of spam and malware; (4) the facilitation of cooperation and the sharing of information; (5) the ability to store and manage huge volumes of data; and (6) the simplicity of implementation and deployment.

According to website Happy2HostEducation (2022), ever since its first debut, Google Workspace for Education has been transforming the classroom and giving four significant benefits for both students and teachers. These benefits include the following: 1) User-friendly, collaborative, and easily shared; 2) Developing necessary digital skills for the future; 3) Improving the efficiency of teaching staff; 4) Securing sensitive school information. Among the mentioned benefits, the website stresses the feature of developing digital skills by presenting that digital literacy is not only a "nice to have" for students; rather, it is a necessary component that institutions of learning need to prioritize in order to provide their pupils with the skills necessary to tap into the potential of emerging technologies to improve the educational experience.

The numerous advantages that Workspace for Education provides have left Docrat (2022) quite impressive. The following are the four benefits that the author highlights:

- Productive Collaboration and Sharing - Both students and teachers are able to access, share, and update documents, resources, and homework assignments from any location. As a result, this is an obviously helpful tool for situations including limits imposed by the government, home-schooling, and remote learning.
- Simple to Understand for Administrators, Educators, and Students– Google provides a wealth of free training support materials, including documents and videos, for users to use in order to come up to speed. Learning how to use Google Workspace for Education is not overly difficult because to its straightforward user interface and shallow learning curve.
- Advanced Data and Cybersecurity Protection – With the exception of universities, very few educational institutions in South Africa truly have the resources or the technical know-how to defend their data against determined cyberattacks. This is one of the most important aspects of advanced data and cybersecurity protection. By utilizing Google's Workspace for Education, the vast majority of your work is delegated to the company.
- No Cost — Any organization that meets the requirements can utilize the Fundamentals plan at no cost (government-recognized, formally-accredited educational institutions up to Grade 12). Before committing to a paid plan, tertiary institutions have the option of participating in a free trial period lasting thirty days.

Rogers (2021) points out 6 key benefits of Google Workspace for Education, which make a great option for educators. The benefits are:

#### (1) Protects Against Data Threats

Google workplace protects your data. This cloud-based solution prevents data breaches and loss. In a time when cloud security is vital, you need a reliable company. Google Drive's encrypted data is safe from attackers. Users can select file access. You can safeguard files from users without reader, commenter, or editor access. These features will keep your information safe and help you track file access.

#### (2) Easy To Collaborate and Share

Google Workspace makes it easy to collaborate and share files. Collaboration and communication are crucial in educational institutions. Google Workspace's collaborative features assist increase your institution's structure and efficiency. This helps with group tasks you can't accomplish in person. Easily working on files concurrently and seeing real-time modifications can help you or your students collaborate. Google Workspace eliminates the need to save your work or track who has access to it. Users may watch, comment, modify, and more. Autosave features protect your data and projects. Google Workspace syncs and shares Google calendars. It will let students and instructors in your school system arrange meetings, online classes, and activities.

### (3) Great Storage Options

Google Workspace's unlimited storage is one of its best features. Most customers only get 15 GB of storage; however, you may improve your subscription. Google Workspace's online storage saves PC space. Instead of saving files on your hard disk, use the cloud. This keeps your machine operating quicker. Google Drive and cloud storage provide limitless file storage. It's easy to exchange files safely, avoid data risks, and monitor data users. You may arrange files by project and team with cloud storage. Keeping files in team-specific folders helps you discover critical papers and keep coworkers updated on initiatives.

### (4) Easy To Learn and Implement

Google Workspace is straightforward to understand and implement. Google provides training resources for new users.

### (5) It Is a Great Learning Tool.

Google Workspace is a fantastic educational resource that has many uses for both students and educators. Google Classroom is a fantastic starting point if you are in search of teaching materials. This online learning system facilitates effective feedback, displays real-time progress, and requires little training time for instructors.

### (6) Free For Qualified Educational Institutions

Google Workspace is free for qualified instructors and students. This is just the basics. It is possible to upgrade to paid packages for additional classroom-useful features.

## **Previous Studies on Google Products in English Language Education**

In recent years, there has been an increase in the number of research that investigate the usage of Google products in the context of English instruction and education. It would appear that Google Docs, Google Classroom, and Google Sites are some of the Google tools that are most appealing to researchers.

The majority of research that has been done on Google Docs relates in some way to the process of developing collaborative writing (Fathi, et al., 2021; Mahmood, 2017; Metilia & Fitrawati, 2018; Nguyen & Nguyen, 2022; Rahayu, 2016; SriRahayu, 2016; Suwantarathip & Wichadee, 2014). The researchers point out that applications like Google Docs have the potential to serve as useful tools for collaborative writing, which would allow students to take part in writing activities and develop their own writing abilities.

As a learning management system during the Covid-19 epidemic, Google Classroom has also attracted a lot of interest in the classroom setting of teaching English. Studies by Asyiqin et al. (2022), Azhar, (2018), Hussaini et al. (2020), and Octaviani and Agustina (2022) evaluate the

instructors' and students' perceptions of Google Classroom in the context of teaching and learning English respectively. According to the findings, Google Classroom enjoys widespread support among users due to the numerous benefits it provides for educational endeavors on both the student and instructor sides.

Academics use Google Sites in a variety of different ways to accomplish their research goals. E-portfolios on Google Sites are being used by Phan et al. (2018) to assist university students in Vietnam in developing their independence within the context of the credit-based training system. During their time working on their "E-portfolio" on Google Sites, students developed a sense of responsibility and motivation, increased their professional knowledge, and improved certain personal qualities that an English teacher should have. The findings show that this led to a number of positive outcomes for the students. In Teaching English for Academic and Professional Purposes for Grade 11 students, Data (2022) utilizes Google Sites as a one-stop center for students to access modules, interactive worksheets, relevant resources, video lectures, and reminders. The findings of descriptive statistics provide evidence that the intervention was successful in promoting students' engagement, autonomous learning, convenience, good time management, and the submission of outputs. Based on these statistics, it appears that making use of Google Sites as a learning platform during this period of time of remote learning was a successful strategy. Jusriati et al. (2021) use Google Sites as an e-learning platform to teach English to university students in Indonesia during Covid-19. These students are from Indonesian universities. Students studying English as a foreign language can benefit from using Google Sites, which has been shown to be successful and draw the students' attention.

## CONCLUSION

Google Workspace for Education tools are bringing about an important change in the manner in which educational institutions communicate with one another, collaborate on projects, store information, and access it. By constructing their educational infrastructure on top of the cloud-based technologies offered by Google, educational institutions are able to provide their teaching staff, administrative personnel, and students with the tools and channels of communication that are essential in the modern educational environment. Google Workspace for Education naturally offers solutions that are simple to use and efficient for usage in educational settings.

## References

- Alakurt, T., & Bardakci, S. (2017). Seeing Google Through the Eyes of Turkish Academicians. *Turkish Online Journal of Distance Education*, 18 (3), 105-119. <http://dx.doi.org/10.17718/tojde.328940>
- Asyiqin, N., & Jusmulatif., & Dahnilyah. (2022). Students' Perceptions On The Use Of Google Classroom On Listening Comprehension Subject At English Study Program Of Universitas Riau. *International Journal of Educational Best Practices (IJE BP)*, 6(2). 213-225. DOI: 10.32851/ijebp.v6n2.p213-225



- Aucott, J. (2022). Why you should be using Google Workspace for Education. *Haptic*.  
<https://www.haptic-networks.com/google-workspace/why-google-workspace-for-education/>
- Azhar, K.A. (2018). Effectiveness of Google Classroom: Teachers' perception. *Prizren Social Science Journal*, 2(2), 52-66.
- Al-Tawil, A. (2016). *Exploring How Digital Media Technology Can Foster Saudi EFL Students' English Language Learning*. Paper presented at the International Conferences on Internet Technologies & Society (ITS), Education Technologies (ICEduTECH), and Sustainability, Technology and Education (STE) (Melbourne, Australia, Dec 6-8, 2016)
- Happy2HostEducation. (2022, Feb 10). *4 benefits of Google Workspace for Education*.  
<https://happy2host.education/news/4-benefits-of-google-workspace-for-education/>
- Data, N. H. (2022). Maximum Utilization of Google Sites (MUGS) in Teaching English for Academic and Professional Purposes. *International Journal of Scientific Research and Engineering Development*. 5(2), 398-402.
- Docrat, R. (2022, August 06). *What is Google Workspace for Education?* LinkedIn.  
<https://www.linkedin.com/pulse/what-google-workspace-education-ridwaan-docrat>
- Dourda, K., Bratitsis, T., Griva, E., & Papadopoulou, P. (2014). Content and Language Integrated Learning through an Online Game in Primary School: A Case Study. *Electronic Journal of e-Learning*, 12 (3), 243-258. Retrieved from [www.ejel.org/issue/download.html?idArticle=285](http://www.ejel.org/issue/download.html?idArticle=285)
- Fathi, J., Arabani, A. S., & Mohamadi, P. (2021). The Effect of Collaborative Writing Using Google Docs on EFL Learners' Writing Performance and Writing Self-regulation. *Language Related Research*, 12(5), 333–359. <https://doi.org/10.29252/LRR.12.5.12>
- Google for Education. (n.d.) *Google Workspace for Education Overview*.  
<https://edu.google.com/workspace-for-education/editions/overview/>
- Hussaini, I., Ibrahim, S., Wali, B., Libata, I., & Musa, U. (2020). Effectiveness of Google Classroom as a Digital Tool in Teaching and Learning: 'Students' Perceptions. *International Journal of Research and Innovation in Social Science (IJRISS)*, 4(4), 51-54. <https://www.rsisinternational.org/virtuallibrary/papers/effectiveness-of-google-classroom-as-a-digital-tool-in-teachingand-learning-students-perceptions/>
- Jusriati., Nasriandi., Kurniadi, W., Ratna. (2021). The implementation of Google site as e-learning platform for teaching EFL during covid-19 pandemic. *English Review: Journal of English Education*, 10(1), pp. 129-138. doi: <https://doi.org/10.25134/erjee.v10i1.5363>.
- Kok Wei, L. (2021). The Use of Google Translate in English Language Learning: How Students View It. *International Journal Of Advanced Research In Education And Society*, 3(1), 47-53. Retrieved from <https://myjms.mohe.gov.my/index.php/ijares/article/view/12459>
- Mahmood, N. (2017). Using Google Docs to support collaborative learning among non-native english speaking students. In J. Johnston (Ed.), *Proceedings of EdMedia 2017* (pp. 168-171). Washington, DC: Association for the Advancement of

- Computing in Education (AAACE). Retrieved December 24, 2022 from <https://www.learntechlib.org/primary/p/178319/>.
- Metilia, T., & Fitrawati, F. (2018). Using Google Docs For Collaborative Writing In Teaching Writing Descriptive Text To English Department Students. *Journal of English Language Teaching*, 7(1), 194-200. DOI : <https://doi.org/10.24036/jelt.v7i1.8465>
- Phan, T. T. N., Le, P. T., & Doan, K. T. (2018). Using ‘E-portfolio’ on Google Sites to help Students develop their autonomy in the credit-based training system. *Journal of Science of Ho Chi Minh City Open University*, 13(1), 14-28. DOI:10.46223/HCMCOUJS.soci.vi.13.1.885.2018
- Nguyen, T. H. N., & Nguyen, T. T. H. (2022). Use of Google Docs in Teaching and Learning English Online to Improve Students’ Writing Performance. *International Journal of TESOL & Education*, 2(2), 186–200. <https://doi.org/10.54855/ijte.222210>
- Octaviani, D. & Agustina, D. (2022). University Students’ Perspectives in Using Google Classroom for Learning during Covid-19, *Proceedings of English Linguistics and Literature*, Vol.3 (2022), 114-120.
- Rahayu, E. S. (2016). Using Google Docs on collaborative writing technique for teaching English to non-English department students. *Proceedings of ISELT FBS Universitas Negeri Padang*, 4(1), 226–236.
- Rogers, B. (2021, April 23). *Key Benefits of Google Workspace for Education (Formerly G Suite)*. *AdEPT*. <https://www.adept.co.uk/key-benefits-of-google-workspace-for-education-formerly-g-suite/>
- SriRahayu, E. (2016). “Using Google Docs on Collaborative Writing Technique for Teaching English to Non-English Department Students”. *Proceedings of the Fourth International Seminar on English Language and Teaching (ISELT-4)*.
- Suwantarathip, O., & Wichadee, S. (2014). The Effects of Collaborative Writing Activity Using Google Docs on Students' Writing Abilities. *The Turkish Online Journal of Educational Technology*, 13(2), 148–156.
- Yeskel, Z. (2020, April 09). New Meet features to improve distance learning. *Google*. <https://blog.google/outreach-initiatives/education/meet-for-edu/>

## PAPER

# University Students' Perceptions of Google Tools in Learning English Courses Online

Pham Duc Thuan<sup>1</sup>(✉),  
Nguyen Thi Hong Hanh<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Hoa Lu University, Ninh  
Binh, Vietnam

<sup>2</sup>National Economics  
University, Hanoi, Vietnam

[pdthuan@hluv.edu.vn](mailto:pdthuan@hluv.edu.vn)

## ABSTRACT

The disruptions caused by the COVID-19 pandemic stimulated the utility of the technological tools for online language learning at the tertiary level in Vietnam. Many universities chose Google digital tools as a technological solution for online instruction. However, there is still a scarcity of studies on university students' perceptions of using Google tools in the context of online English learning. This study aims to explore university students' perceptions of the efficacy of using Google tools (namely, Google Classroom, Google Forms, Google Meet, and Google Sites) as a combined technological solution for online English learning in the last phase of the pandemic at a university in northern Vietnam. The research was carried out in the academic year 2021–2022, with 128 non-English majors taking General English courses online. A Likert-scale questionnaire created by Google Forms was distributed to gather feedback from the students, and semi-structured interviews were conducted with eleven students to gain more in-depth data. The results overall demonstrated that the students favorably perceived the applied Google tools as effective tools to support online English learning. It was also found that females had higher perceptions than males regarding the ease of the tools. Furthermore, first-year students agreed more than second-year students on the effectiveness of the tools in increasing engagement in learning.

## KEYWORDS

Google tools, online English learning, technological solution, university students' perceptions

## 1 INTRODUCTION

Since the discovery of the first case of the novel coronavirus of the COVID-19 pandemic in Vietnam at the end of January 2020, the government has firmly decided to temporarily close educational institutions. As a responsive strategy, schools and universities have implemented online learning for official courses and curriculums. Traditional face-to-face language instruction at the tertiary level was affected, and an emergency switch to online teaching and learning mode was instituted [1], [2]. Therefore, online language learning became a dominant alternative replacing the

Thuan, P.D., Hanh, N.T.H. (2023). University Students' Perceptions of Google Tools in Learning English Courses Online. *International Journal of Emerging Technologies in Learning (iJET)*, 18(13), pp. 45–61. <https://doi.org/10.3991/ijet.v18i13.39857>

Article submitted 2023-03-17. Resubmitted 2023-04-20. Final acceptance 2023-04-21. Final version published as submitted by the authors.

© 2023 by the authors of this article. Published under CC-BY.

traditional learning [3]. Universities sought emerging technologies that supported online language learning in order to deal with the disruptions caused by the pandemic. For this course, technological tools played an integral part in assisting educators and learners to maintain the teaching and learning schedule and succeed in achieving the educational goals [4].

Google is the dominant provider of digital cloud-based tools since it is the most widely used platform for public and educational purposes [5]. It is commonly agreed that Google products possess beneficial features for online education including promotion of communication, information sharing, effectiveness, and teamwork [6]; creating fun in learning [7]; ease, simplicity, flexibility, creativity, and collaboration [8–10]. Google tools are essential for meeting the challenges of twenty-first-century educational goals, and a fundamental shift must be directed toward the tools' applicability in teaching, research, learning, and management [11].

During the disruptive time caused by the pandemic, Google tools emerged as effective in supporting online learning. Numerous studies on students' perceptions of using various Google tools in online English learning were found in the literature. The findings of these studies generally revealed that students highly welcomed the opportunity to make use of the tools in class, and that they strongly perceived the efficacy of Google digital tools in online learning.

The effectiveness of using technology in language learning has long been acknowledged to be evident in different aspects. Technology integration has been shown to improve motivation, autonomous learning, engagement, and learning performance [12], [13]. And many studies on students' perceptions of technology use in language learning show that using technological tools to support learning is positively accepted among students [14], [15]. However, there are still debates of effectiveness of online learning technology in terms of students' perceptions [3].

Researching student perceptions on the use of technologies in online learning is crucial as it helps gather insights on how effective the technologies are in enhancing the overall learning experiences of students and increase the student retention [3]. Also, by understanding the students' perceptions on the use of technology, teachers and educators can design courses that are more effective and help make improvements to the teaching [16].

This study aims to find out what university students think about using a combination of Google tools (specifically, Google Classroom, Google Forms, Google Meet, and Google Sites) as a technological solution for online general English courses. During the last period of the COVID-19 pandemic, the application of the tools served the teaching and learning needs of 128 first- and second-year students at a university in northern Vietnam during the academic year 2021–2022. The study investigates the overall perceptions of students regarding the Google tools used and identifies differences in perceptions between male and female students, first-year students with no experience using the Google tools, and second-year students with some experience using the tools in previous courses. Theoretically, it is anticipated that the results of this study will contribute to the literature on university students' perceptions of technology in online language learning by providing evidence from the context of online English learning at the tertiary level in Vietnam. The COVID-19 pandemic forced many schools and universities to shift to online learning, which posed challenges for students and teachers alike. Understanding students' perceptions on the use of the Google tool in this new environment can help educators adapt and improve their teaching approaches. Hence, practically, the findings of the study provided students and educators with an expanded selection of digital tools for online teaching and learning, including Google tools.

## 2 LITERATURE REVIEW

### 2.1 Effectiveness of using technology in language learning

The effectiveness of using technology in language learning has been widely acknowledged to be evident in different aspects. The use of technology in the learning process is approved to result in enhancement of motivation, autonomous learning, engagement, and learning performance.

It is noticed that increase in motivation is the most agreed effect of implementing technology in the process of learning a language [12], [17–22]. The scholars all share that technology itself carries the motivational elements that help to stimulate language learners. Arndt [18] states that thanks to the beneficial features of technology, the learning can be diversified, and students can be motivated to pursue the learning activities. Van et al. [12] finds that using technology in English learning students brings students joy in learning. Cutter [22] stresses newly developed technologies afford students a range of chances for learning which leads to motivation enhancement.

Academics also indicate that technology applications in language learning can lead to improvement of learning performance [20], [23]. Ahmadi [23] notices that educational technology tools stimulate language learning results. Ilter [20] states that the use of technological devices and tools in English training may increase student motivation and yield more profitable outcomes. However, the scholar stresses that each course must be founded on strong pedagogical concepts and competent technical execution. Reinforcement of language learning skills is also accentuated by many authors [12], [13], [17], [19], [24]. Richards [19] specifies that the use of technology allows language learner expose to more learning resources. As a result, their language learning skills can be boosted. By applying technology in the English language teaching, Van et al. [12] finds that improvement among the students is witnessed in all four learning skills: listening, speaking, reading, and writing.

Many academics state that autonomous learning is evident in the context of language learning with the use of technology [13], [17], [19], [25]. Reinders [25] argues that technology can also be used to explicitly support the growth of learner autonomy. Both Alsulami [17] and Pradana et al. [13] asserts that the utilization of cloud-based resources helps students become aware of the learning process and take better control of their learning.

Beside autonomy enhancement and learning outcome improvement, engagement is commonly found effects of applying technology in language learning [13], [18], [19], [23]. According to Arndt [18], technology helps to create more interactive and engaging activities than conventional learning. And by that way, learners naturally get involved in the learning process. Ahmadi [23] believes that educational technology owns its potential to boost students' active engagement because of unrestricted access to resources and chances for working in teams.

### 2.2 Differences in perceptions of technologies for learning regarding gender and prior experience

In a number of studies on students' perceptions of using technologies for learning, gender differences were discovered. Male students had more positive perceptions than female students regarding the use of a digital library [26]. Males' perceptions of usefulness, ease of use, and behavioral intention to use e-learning were all higher

than females' [27]. Male students were also found to have a better understanding of the benefits of educational technologies [28]. Male students have more confidence in using technology for learning than do female students [29]. However, the findings in [30] and [31] appeared to counter previous findings. In terms of frequency of computer use, perceived ICT skills, and attitudes toward computers, females had higher perceptions [30]. In comparison to males, females reported higher levels of perceptions of using mobile-assisted tools such as Classdojo, Kahoot!, and Socrative in learning English [31]. Other studies found that there were no significant gender differences in perceptions of e-learning use [32], [33] and online technologies [34]. Male and female students showed the same degree of perspective in their recognition of the online learning platform [35], in using mobile maps as navigation aids [36] and mobile-assisted learning devices [31], and in using Google Classroom in different English courses [37].

Many studies have also revealed differences in students' perceptions of utilizing technologies for learning based on their prior experiences. Students with prior online learning experience were found to be more satisfied and to have had a positive learning experience [38]. Likewise, Shen et al. [39] found that students who participated in more distance education courses had a higher likelihood of possessing greater online learning self-efficacy. Students with more computer and Internet experience had significantly higher scores on all subscales of the online technology self-efficacy scale, according to the findings of [34]'s study. Similarly, students with prior experience with Google Classroom had a more positive perception of its use than first-time users [37].

### 2.3 Google Workspace for Education tools

Google Workspace for Education (previously referred to as G Suite for Education or Google Apps for Education) was introduced in 2021 in order to continue the mission of helping anyone in the world learn anything and anywhere in the world [40]. There are four editions: Fundamentals, Standard, Teaching and Learning Upgrade, and Education Plus including core tools such as Classroom, Forms, Meet, Sites, Drive, Gmail, Calendar, Docs, Sheets, and Slides. The products are served to facilitate collaboration, stimulate productivity, simplify classroom procedures, diversify teaching and learning activities, improve educational experience, adapt to the evolving demands of educators and learners, and guarantee a risk-free learning environment [41].

As Yeskel [28] states, there is an increase in usage of Google Workspace for Education among educators and learners worldwide for the need of teaching and learning online with safe, secure, collaborative, optional, flexible and effective tools. As of February 2021, more than 170 million educators and learners in the world use Google Workspace for Education [40].

### 2.4 Previous studies on students' perceptions of Google tools in learning English online

Numerous studies on students' perceptions of Google tools in English learning online have been identified, which were conducted either with separate Google applications such as Google Classroom [35], [37], [42]; Google Forms [43], [44]; Google Meet [45]; Google Sites [46], [47]; Google Docs [48], [49], and Google Translate [5], [50],

or with a combination of several tools such as two tools of Google Docs and Google Classroom [51], or four tools of Google Classroom, Google Meet, Google Docs, and Google Forms [52]. Overall, the findings in the studies revealed that students positively perceived the tools as effective aids in the learning process.

Studies on students' perceptions of Google Classroom showed that most students agreed that Google Classroom was easy to use and performs well because it lets students save and submit teacher-provided files and materials [42]. Students liked using Google Classroom to learn English, and male and female students had the same perceptions [37]. Mixed results were also found in [35] that students had a positive perception of Google Classroom as an online learning medium with a mean score of 2.64, but negative perceptions in its use in English skills lessons with a mean score of 2.47 and low level of motivation. As for Google Forms, it was found that students liked using the tool for listening comprehension tests [44], and students were positive about using it for online assessments [43]. Findings in [45] on students' perception of Google Meet revealed that students were content, safe, self-assured, brave, and confident psychologically, and that there were no barriers during the Google Meet video conferencing during the English-speaking class. Studies [46], [47] on students' perceptions of Google Sites shared similar results. Students perceived Google Sites as a quite helpful, interesting, interactive, and easy tool to use [46], and learning with Google Sites was efficient, fun, and motivating [47]. Regarding Google Docs, most students who wrote using Google Docs felt that it helped them improve their teamwork and discussion abilities [48]. In addition, the students felt that it was simpler to communicate and interact with the lecturer than in a traditional classroom setting. The results in [49] pointed out that students recognized Google Docs as an effective online cloud-based collaborative writing tool for their learning, and they appreciated the platform's accessibility and interactivity, as well as their experience exchanging online feedback on their writings via Google Docs. Both studies [5] and [50] examined how students perceived Google Translate and found identical results. It was found that students were generally positive towards the use of Google Translate in their language learning, while being aware of the limitations of Google Translate in translating longer sentences, paragraphs, and texts [5] and useful features such as multilanguage translation, time savings, ease of use, and improving pronunciation [50].

In two different contexts, Khalil [51] and Chiablaem [52] investigated how students felt about a combination of Google tools. In Palestine, Khalil [51] combined Google Classroom and Google Docs to teach English as a second language in flipped mode. Chiablaem [52] used Google Classroom, Google Meet, Google Docs, and Google Forms in a COVID-19 online English class for Thai students. Students thought they made learning more collaborative [51], and the majority of those who participated preferred to use the tools when learning online [51], [52]. The findings also revealed that the tools helped all of the students improve their English vocabulary, grammar, pronunciation, ability to learn English, and digital literacy [52].

### 3 METHODOLOGY

#### 3.1 Context and participants

The university where the research was conducted is a university in northern Vietnam. English is a compulsory subject for all university students regardless of major. For the first and second academic years, there are three consecutive General

English courses: General English 1 (GE1), General English 2 (GE2), and General English 3 (GE3). The courses are scheduled on a weekly basis and last with a semester of 15 weeks. GE1 and GE2 are in the first year, GE3 is in the first semester of the second academic year. Four computer laboratories with 40 desktop computers and internet access are available to support English teaching and learning at the university. Oxford University Press's Smart Choice 1, 2, and 3 (third edition) course books were used for the courses.

The university started using Google Workspace for Education Fundamentals Edition 2018. Teachers, students, and staff across the institution were given a Google account to serve the teaching and learning, communication, and management. During the first semester of the academic year 2021–2022, the COVID-19 pandemic in northern Vietnam was still having an impact.

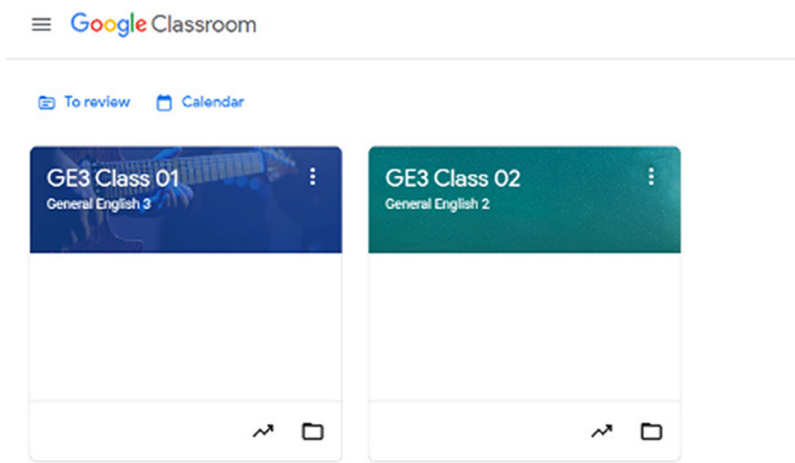


Fig. 1. Classes in Google Classrooms



Fig. 2. Tasks using Google Forms

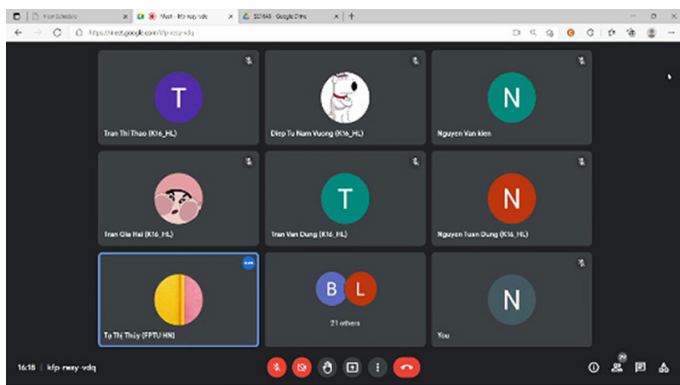


Fig. 3. Meetings in Google Meet

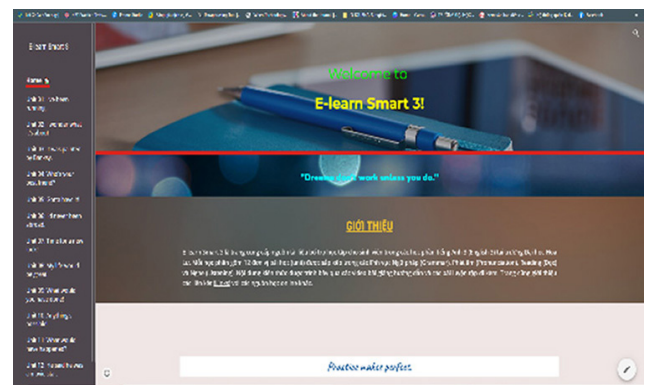


Fig. 4. GE3 page using Google Sites

Google Classroom, Google Forms, Google Meet, and Google Sites provided in the registered Google Workspace for Education Fundamentals Edition were employed by teachers and students at the university for online teaching and learning General English courses. Google Classroom, a learning management system, was used to deliver and schedule teaching and learning materials. Teachers created General English classes in Google Classroom (as in Figure 1), and students were invited in the classes with their given accounts. Assignments, quizzes, practices, and learning tasks were created using Google Forms (as in Figure 2). Google Meet was used as a



video conferencing platform for online education and instruction (as in Figure 3). The main contents of the students' textbooks as well as additional practice materials were digitized and included on a website created with Google Sites (as in Figure 4).

Participants in this study included 128 university students in General English courses in the first semester of their second academic year, in which there are 74 males and 54 females, 63 first year students and 65 second year students. They come from different departments. They pursue degrees in different majors including primary teacher education, accounting, and tourism. The first-year students learned GE1 in the first semester of the first academic year 2021–2022. The second-year students who completed GE1 and GE2 in the year before continued learning English online in GE3 in the first semester of the second academic year. At the time when the study was carried out, the first-year students had no prior experience of learning English online with the Google tools, and the second-year students had more experience of using the Google tool in online English learning in the previous English courses GE1 and GE2.

### 3.2 Research question

The paper will address the following research questions:

1. What are the students' overall perceptions of the Google tools used in online English learning?
2. Is there a significant difference in perceptions between male and female students in online English learning?
3. Is there a significant difference in perceptions between second year students having prior experience in using the Google tools in online English learning and first year students having no experience?

### 3.3 Data collection tools and analysis

To serve the purpose of collecting data for this exploratory mixed-method study, two tools were employed: a questionnaire and semi-structured interviews.

The questionnaire consists of seven Linkert-scaled items that were created using Google Forms, described as 1 for "Strongly Disagree" and 5 for "Strongly Agree". The questionnaire was designed and based on the usability of the Google tools for online learning and the effectiveness of using technology in language learning which included ease (item 1), user-friendliness (item 2), simplicity (item 3), motivation enhancement (item 4), autonomy development (item 5), learning performance development (item 6), and increase in engagement (item 7). The questionnaire was delivered online to the participants at the end of the academic year 2021–2022.

Semi-structured interviews with the students were conducted with eleven students to collect more in-depth data for the research question 1 regarding the overall perceptions of the students. The students volunteered to participate in the interviews conducted through video calls in Google Meet which lasted for about 20 minutes each. The videos were recorded, and contents were transcribed. During the interviews, the participants were encouraged to answer the question: What do you think about the Google tools used in your online English learning?

A descriptive statistical analysis of the questionnaire was performed using version 20 of the Statistical Package for the Social Sciences (SPSS). Responses to each survey question were imported into SPSS from Google Forms, and complete data from 128 respondents was plotted on the SPSS interface for each question. A Descriptive Statistics Test with means and standard deviations was used to measure the students' overall perceptions, and independent samples t-Tests were used to compare groups regarding gender and year. The acceptable statistical significance level was set at  $< 0.05$ . And the interview data was subjected to content analysis in which data are gathered and interpreted according to similar concepts and themes [53]. Quantitative data may be statistically analyzed to gain an understanding of the patterns and frequency of this issue, whereas qualitative data from interviews can provide in-depth insights [54].

## 4 FINDINGS

### 4.1 Findings from the questionnaire

**Research question 1: What are the students' overall perceptions of the Google tools used in online English learning?** Table 1 displays the results of the Linkert-scaled items in the questionnaire that were measured by a descriptive statistics test. The overall mean score of 3.93 showed the students had favorable perceptions of the Google tools used.

**Table 1.** Mean and standard deviation (SD) of perceptions of the Google tools

Item	N	Mean	SD
1. The Google tools are easy to use.	128	4.30	.609
2. The Google tools are user friendly.	128	4.45	.514
3. The Google tools are simple to use.	128	4.35	.838
4. The use of the Google tools motivated me to learn English.	128	3.49	.851
5. The use of the Google tools assisted me to be autonomous in learning.	128	3.78	.904
6. The use of the Google tools improved my learning performance.	128	3.27	.707
7. The use of the Google tools increased my engagement in the learning.	128	4.12	.759
<b>Overall</b>	128	<b>3.93</b>	.740

It was noticeable that the item with the highest mean score (4.45) was Item 2. User-friendliness is the feature that was most appreciated by the students. The second place, with a mean score of 4.35, was Item 3, indicating that for the students, the use of the Google tools is simple. The third item had a mean score of 4.30, which pointed out that the students highly agreed that the Google tools were an easy technology tool for supporting their online English learning. In fourth place was Item 7, with a mean score of 4.12, meaning that the students strongly believed that using the Google tools engaged them in the learning process. The next items in the table are Item 5 (mean score of 3.78), Item 4 (mean score of 3.49), and Item 6 (mean score of 3.27).

**Research question 2: Is there a significant difference in perceptions between male and female students in online English learning?** Table 2 shows the comparison of perceptions of the Google tools by gender for all seven items. The results were measured by an independent-samples t-test. Overall, the findings in most items indicated that there was no significant difference in perceptions between male and female students toward the Google tools used in learning English courses online. However, in details, it was found that in Item 1 ( $p < .05$ ) there was a significant difference in students' perceptions on the ease of the Google tools, according to which female students (mean score of 4.35) had higher perceptions than male students (mean score of 4.27). The findings revealed there was no significant difference in perceptions between male and female students in the other items. It could be noticed that there were contradictory results from the students' perspectives in the remaining items. Females seemed to express greater levels of agreement on the user-friendliness (item 2) and the simplicity of the Google tools (item 3). Meanwhile, males appeared to have higher perceptions than females in the items on the effectiveness of the use of the Google tools for motivation enhancements (item 4), autonomy development (item 5), learning performance improvement (item 6), and engagement increase (item 7).

**Table 2.** Comparison of perceptions of the Google tools by gender

Item	Gender	N	Mean	SD	Sig.
1. The Google tools are easy to use.	male	74	4.27	.556	.017
	female	54	4.35	.677	
2. The Google tools are user friendly.	male	74	4.42	.497	.100
	female	54	4.48	.540	
3. The Google tools are simple to use.	male	74	4.27	.764	.475
	female	54	4.46	.926	
4. The use of the Google tools motivated me to learn English.	male	74	3.55	.878	.227
	female	54	3.41	.813	
5. The use of the Google tools assisted me to be autonomous in learning.	male	74	3.88	.859	.056
	female	54	3.65	.955	
6. The use of the Google tools improved my learning performance.	male	74	3.30	.735	.245
	female	54	3.24	.671	
7. The use of the Google tools increased my engagement in the learning.	male	74	4.16	.722	.327
	female	54	4.06	.811	

**Research question 3: Is there a significant difference in perceptions between second year students having prior experience in using the Google tools in online English learning and first year students having no experience?** Table 3 displays the opinions of first- and second-year students regarding the use of Google tools in online General English classes. The results revealed that first-year and second-year students differed significantly in Item 7 ( $p < .05$ ) regarding the effectiveness of Google tools in enhancing student engagement in learning. Specifically, first-year students had a mean score of 4.16 on the perception scale, while second-year students had a mean score of 4.06. The findings failed to reveal

a significant difference in perceptions between the two groups for the remaining six items. However, the results revealed mixed results. First-year students appeared to have greater perceptions of ease (item 1, mean score of 4.32), user-friendliness (item 2, mean score of 4.54), and motivation enhancement (item 4, mean score of 3.54). Second-year students appeared to be more in agreement regarding simplicity (item 3, mean score of 4.43), autonomy development (item 5, mean score of 3.88) and learner performance improvement (item 6, mean score of 3.31).

**Table 3.** Comparison of perceptions of the Google tools by year

Item	Year	N	Mean	SD	Sig.
1. The Google tools are easy to use.	First	63	4.32	.618	.714
	Second	65	4.29	.605	
2. The Google tools are user friendly.	First	63	4.54	.502	.397
	Second	65	4.35	.513	
3. The Google tools are simple to use.	First	63	4.27	.954	.133
	Second	65	4.43	.706	
4. The use of the Google tools motivated me to learn English.	First	63	3.54	.877	.423
	Second	65	3.45	.830	
5. The use of the Google tools assisted me to be autonomous in learning.	First	63	3.68	.947	.169
	Second	65	3.88	.857	
6. The use of the Google tools improved my learning performance.	First	63	3.24	.734	.804
	Second	65	3.31	.683	
7. The use of the Google tools increased my engagement in the learning.	First	63	4.14	.692	.043
	Second	65	4.09	.824	

## 4.2 Findings from the interviews

The findings gained from the interview were categorized in two main themes: (1) the respondents' opinions on the usability of the Google tools and (2) effects of using the tools in the learning process.

**Usability of the Google tools in your English learning.** The interviewed students made it abundantly clear that the utilization of Google products in the process of teaching and learning English is unquestionably doable, as was clearly demonstrated by the students. The opinions of some students are as follows:

*“I think I can do everything almost easily. I can log and log out easily. I get assignments, and do assignments regularly on time, and update results quickly.” (Student 3)*

*“Surely, it is easy to use and quite fast, but the grading is quite strict.” (Student 6)*

*“I think the login and doing the assignments are very fast, easy and accurate.” (Student 8)*

*“I think it is almost not difficult to use the computers and use the applications. I still remember the first days I use the computers. Several times I forgot my passwords. So, it took me longer to log in than my classmates did. However, I decided to note the password down on my course book. Soon after that I met no difficulties.” (Student 9)*

*“I think we have no difficulties in following the instructions and it is very easy to do the learning tasks on computer.” (Student 11)*

These findings seemed to support how the students responded in the first three items of the questionnaire on the ease, the use-friendliness, and the simplicity of the Google tools. This helped the researchers gained more understanding about the use of the Google tools in the general English courses delivered in the online mode.

**Effects of using the Google tools in the learning process.** Many respondents mentioned the positive impacts that the used tools bring about in the learning process. Several interviewees shared about their enjoyable learning experiences when learning English online with the Google. Here are the responses:

*"I think it's very interesting to learning English like this. I feel it's more comfortable than I learn at school. I still remember the first lesson when I was a bit surprised. Then, the more I learn, the more I like it."* (Student 1)

*"I feel that it is lots of fun to learn with technology. I can learn and play with my friends. I like the comfortable learning environment in the class."* (Student 5)

*"In my opinion, it is very interesting. I experienced a new way of learning. And I do not find it difficult. Everything is very modern. I love doing homework on the computer like this."* (Student 7)

*"I think it is enjoyable. I like going to class and learn English like this."* (Student 9)

*"I feel it is interesting. And I feel better when I learn this way."* (Student 10)

*"It's great. I feel excited whenever I open the computer and log in with my account and do my learning tasks."* (Student 11)

The respondents also mentioned the effectiveness that the used tools brought about for their learning. Here are some students' responses:

*"I think I learn English better with the Google tools. I can manage my learning process better. I can see what I learned in the previous week and what I need to prepare for the next week because it displays on the screen on the Google Classroom app. Besides that, I am sure that all of us can type faster and more accurately, and we use computers more skillfully."* (Student 1)

*"I think the applications are good for me. Before, my learning results with English at school were not very good. I used to be very lazy about learning English. Learning with Google's tools helps me be more diligent in my learning. I think I have completed all the exercises. I am happy about that."* (Student 5)

*"I think I have learned more things. I pay more attention to my learning. And I become more careful and make fewer mistakes. Usually, I am careless in my writing and in doing classwork and homework. However, as I learn the technology, I need to concentrate more in order not to make unnecessary mistakes in spelling. Besides that, I use the computer and the internet better."* (Student 6)

The findings obviously revealed that using Google tools to learn English had positive impacts on students. It appeared that their computer skills and learning abilities were more advanced. Student 1 claimed his typing skills were improved, while student 6 reported that she was more proficient with the computer and internet. The findings from the interviews were consistent with the results of the questionnaire items on motivation and autonomy. This was evident in the responses of Students 1, 5, and 6. Student 5 expressed happiness when the tools helped her become more diligent. Student 1 could keep track of the learning process and Student 6 took better control of their learning.

## 5 DISCUSSION

The purpose of this study was to investigate the perceptions of students regarding the use of four Google tools (Google Classroom, Google Forms, Google Sites, and

Google Meet) as a single technological solution to fulfill the demand for online general English courses during the COVID-19 pandemic. There were three research questions concerning the students' overall perceptions, whether males and females had different perceptions, and whether first year and second-year students had different perceptions.

Regarding students' overall perceptions, the findings supported that university students had highly positive perceptions of towards the application of the Google tools for their online English courses learning. These were consistent with the results from [42–52] in which students felt like using the Google tools, and emphatically perceived the tools as helpful, efficient, and interesting learning aids. Also, students made it abundantly clear that the utilization of Google products in the process of teaching and learning English is unquestionably doable, as was clearly demonstrated by the students. This lends credence to the findings obtained from the research conducted by Alsulami [17] which suggests that the use of technological instruments in the process of language acquisition is both possible and beneficial. These findings also echoed those found in research conducted by Chinnery [6] in which usability and the importance and educational value of the Google tools were highlighted.

Although the study mainly focused on exploring students' overall perceptions towards the Google tools, it revealed that the effectiveness of using of the Google tools was evident among the students who demonstrated a high level of motivation in their educational pursuits. These findings appear to be in agreement with the findings that were discovered in the earlier studies that were carried out by [7], [10], [17], [20], [21], [51], and [52] according to which the incorporation of technology into educational settings results in increased levels of enjoyment, positive attitudes toward the process of learning, and higher levels of intrinsic motivation. Besides that, the results indirectly provided practical evidence for the arguments on the benefits of using technology in the language classroom proposed by Reinders [25], Richards [19] and Cutter [22]. Cutter [22] pointed out students' motivational reference to technology over traditional paper learning materials. Richards [19] accentuated the outstanding benefits of applying technology to motivating learners in learning languages. Reinders [25] mentioned the potential benefits of technology in developing learner autonomy for students. The aforementioned findings also illuminated Google's [41] description of the Google tools' feature that improved teaching and learning experiences.

As for the gender differences in perceptions among the students, the findings showed that female students had higher perceptions on the ease of the Google tools in comparison to males in Item 1. The results seemed to support the findings of Hohlfeld et al. [30] and Hou [31] in which females displayed greater degree of perceptions on computer skills and usage frequency [30], and females demonstrated higher levels of perceptions of using mobile-assisted tools [31]. The findings, nonetheless, appeared to be against the findings of [26–28], in which males reported higher agreement on the use of digital library [26], the ease of e-learning [27], benefits of technology [28]. With regard to the findings in the remaining six items, there were no significant differences found between males and female, which was in accordance with the results by Davis and Davis [32], Hung et al. [33], and Tekinarslan [34].

In terms of prior experience of using the Google tools, the findings indicated that second-year students who had more experience of this learning tools had lower mean score in item 7 on the engagement enhancement compared to first-year students who used the tools for the first time. These findings seemed to counter previous studies [34], [37–39]. Tekinarslan [34] obtained students who used computers

and the Internet more often scored significantly higher on all subscales of the online technology self-efficacy scale. Ekahitanond [37] uncovered those students who had used Google Classroom liked it more than those who had not. Jan [38] found that online learners were happier and enjoyed learning more. Shen et al. [39] discovered that students who took more online courses had more confidence in their online learning abilities.

## 6 CONCLUSION

The findings of this study indicate that the students had favorable perceptions of the use of a combination of four Google tools (Google Classroom, Google Forms, Google Meet, and Google Sites) to learn English as a mandatory subject at the university. The students believed the utilization of the tools enhanced their educational experience. They delighted in expanding their knowledge. They developed a heightened awareness of the learning and instructive activities. At the same time, the process of learning for them turned out to be both meaningful and beneficial. According to the findings, it is obvious that the implementation of the Google tools has resulted in a more efficient classroom setting for teaching English as a foreign language within the given context. The students' ways of thinking and their progress in English were both influenced favorably by the tools. These findings provide additional evidence for the benefits and effectiveness of using Google products in English as a foreign language instruction and study within higher education institutions located within Vietnam. The findings also indicate one possible solution to introducing emerging technologies in online English teaching and learning and highlight opportunities for further exploration and research.

## 7 REFERENCES

- [1] G. Maheshwari, "Factors Affecting Students' Intentions to Undertake Online Learning: An Empirical Study in Vietnam," *Education and Information Technologies*, vol. 26, pp. 6629–6649, 2021. <https://doi.org/10.1007/s10639-021-10465-8>
- [2] J. J. Felix, "Higher Education in Times of Instability and Disruption: Rethinking Notions of Values, Value Creation and Instructional Practices in Vietnam and Beyond," *Frontiers in Communication*, vol. 6, no. 2021, pp. 1–5, 2021. <https://doi.org/10.3389/fcomm.2021.647471>
- [3] H. N. Q. Luu, "Learners' Perceptions towards Online Learning during the Covid-19 Pandemic: A Study at a Center of Foreign Languages in Vietnam," *Vietnam Journal of Education*, vol. 5, no. 3, pp. 84–90, 2021. <https://doi.org/10.52296/vje.2021.124>
- [4] M. González-Lloret, L. Canals, and J. E. Pineda, "Role of Technology in Language Teaching and Learning Amid the Crisis Generated by the COVID-19 Pandemic," *Íkala, Revista de Lenguaje y Cultura*, vol. 26, no. 3, pp. 477–482, 2021. <https://doi.org/10.17533/udea.ikala.v26n3a01>
- [5] L. K. Wei, "The Use of Google Translate in English Language Learning: How Students View It," *International Journal of Advanced Research in Education and Society*, vol. 3, no. 1, pp. 47–53, 2021.
- [6] G. Chinnery, "You've got some GALL: Google-Assisted Language Learning," *Language Learning and Technology*, vol. 12, no. 1, pp. 3–11, 2008. <http://dx.doi.org/10125/44126>

- [7] C. Kovalik, K. L. Kuo, M. Cummins, E. Dipzinski, P. Joseph, and S. Laskey, "Implementing Web 2.0 Tools in the Classroom: Four Teachers' Accounts," *TechTrends*, vol. 58, no. 5, pp. 90–94, 2014. <https://doi.org/10.1007/s11528-014-0790-1>
- [8] B. Rogers, "Key Benefits of Google Workspace for Education (Formerly G Suite)," *AdePT*, 23-Apr-2021. [Online]. Available: <https://www.adept.co.uk/key-benefits-of-google-workspace-for-education-formerly-g-suite/>. [Accessed: 23-Feb-2023].
- [9] R. Docrat, "What is Google Workspace for Education?," *LinkedIn*, 06-Aug-2022. [Online]. Available: <https://www.linkedin.com/pulse/what-google-workspace-education-ridwaan-docrat>. [Accessed: 23-Feb-2023].
- [10] E. K. Constantinou, "Teaching in Clouds: Using the G Suite for Education for the Delivery of Two English for Academic Purposes Courses," *Journal of Teaching English for Specific and Academic Purposes*, vol. 6, no. 2, pp. 305–317, 2018. <https://doi.org/10.22190/JTESAP1802305C>
- [11] A. Awwad, A. Hoorani, and A. A. Mokh, "The Impact of Employing Google Apps in Education on Students' Achievement," in *Radical Solutions in Palestinian Higher Education*, D. Burgos and S. Affouneh, Eds. Singapore: Springer Nature, 2022, pp. 75–86. [https://doi.org/10.1007/978-981-19-0101-0\\_7](https://doi.org/10.1007/978-981-19-0101-0_7)
- [12] L. K. Van, T. A. Dang, D. B. T. Pham, T. T. N. Vo, and V. P. H. Pham, "The Effectiveness of Using Technology in Learning English," *AsiaCALL Online Journal*, vol. 12, no. 2, pp. 24–40, 2021.
- [13] M. Pradana, R. Rintaningrum, M. Kosov, T. Bloshenko, T. Rogova, and T. Singer, "Increasing the Effectiveness of Educational Technologies in the Foreign Languages Learning Process by Linguistic Students (Comparative Analysis of Russian, Indonesian and Egyptian Experience)," *Frontiers in Education*, vol. 7, no. 2022, pp. 1–12, 2022. <https://doi.org/10.3389/educ.2022.1011842>
- [14] R. Faizi, R. Chiheb, and A. El Afia, "Students' Perceptions Towards Using Web 2.0 Technologies in Education," *International Journal of Emerging Technologies in Learning*, vol. 10, no. 6, pp. 32–36, 2015. <https://doi.org/10.3991/ijet.v10i6.4858>
- [15] J. B. Peralta and G. I. Lambenicio, "Students' Perception and Challenges on Technology Use in Language Distance Learning," *Psychology and Education: A Multidisciplinary Journal*, pp. 2–8, 2022.
- [16] A. Cohen, T. Soffer and M. Henderson, "Students' Use of Technology and their Perceptions of its Usefulness in Higher Education: International Comparison," *Journal of Computer Assisted Learning*, vol. 38, no. 5, pp. 1321–1331, 2022. <https://doi.org/10.1111/jcal.12678>
- [17] S. Alsulami, "The Effects of Technology on Learning English as a Foreign Language Among Female EFL Students at Effatt College: An Exploratory Study," *Studies in Literature and Language*, vol. 12, no. 4, pp. 1–16, 2016. <http://dx.doi.org/10.3968/7926>
- [18] M. Arndt, "Importance of Technology in Language Education," *Robotel*, 13-Dec-2021. [Online]. Available: <https://blog.robotel.com/importance-of-technology-in-language-education>. [Accessed: 23-Feb-2023].
- [19] J. C. Richards, "Technology in Language Teaching," *Indonesia Journal of English Language Teaching*, vol. 10, no. 1, pp. 18–32, 2015. <https://doi.org/10.25170/ijelt.v10i1.1506>
- [20] B. G. Ilter, "Effect of Technology on Motivation in EFL Classrooms," *Turkish Online Journal of Distance Education*, vol. 10, no. 4, pp. 136–158, 2009.
- [21] A. R. Gustad, "The Impact of Technology Tools on Literacy Motivation on Elementary School English Language Learners: Podcasting in a 4th-Grade EAL Class," *International Schools Journal*, vol. 34, no. 1, pp. 75–84, 2014.
- [22] M. Cutter, "Using Technology with English Language Learners in the Classroom," thesis, St. John Fisher University, 2015.



- [23] M. R. Ahmadi, "The Use of Technology in English Language Learning: A Literature Review," *International Journal of Research in English Education*, vol. 3, no. 2, pp. 115–125, 2018. <https://doi.org/10.29252/ijree.3.2.115>
- [24] M. Altun and H. K. Ahmad, "The Use of Technology in English Language Teaching: A Literature Review," *International Journal of Social Sciences & Educational Studies*, vol. 8, no. 1, pp. 226–232, 2021. <https://doi.org/10.23918/ijsses.v8i1p226>
- [25] H. Reinders, "Technology and autonomy," in *The TESOL encyclopedia of English language teaching*, vol. 13, J. I. Lontas, Ed. Wiley, 2018, pp. 1–5. <https://doi.org/10.1002/9781118784235.eelt0433>
- [26] A. Koohang, "Students' Perceptions towards the Use of the Digital Library in Weekly Web-Based Distance Learning Assignment Portion of a Hybrid Program." *British Journal of Educational Technology*, vol. 35, no. 5, pp. 617–626. 2008. <https://doi.org/10.1111/j.0007-1013.2004.00418.x>
- [27] C. S. Ong and J. Y. Lai, "Gender Differences in Perceptions and Relationships among Dominants of e-Learning Acceptance," *Computers in Human Behavior*, vol. 22, no. 5, pp. 816–829. 2006. <https://doi.org/10.1016/j.chb.2004.03.006>
- [28] Z. Yeskel, "New Meet Features to Improve Distance Learning," Google, 09-Apr-2020. <https://blog.google/outreach-initiatives/education/meet-for-edu/>
- [29] H. K. Yau and A. L. F. Cheng, "Gender Difference of Confidence in using Technology for Learning," *Journal of Technology Studies*, vol. 38, no. 2, pp. 74–79. 2012. <https://doi.org/10.21061/jots.v38i2.a.2>
- [30] T. N. Hohlfeld, A. D. Ritzhaupt, and A. E. Barron, "Are Gender Differences in Perceived and Demonstrated Technology Literacy Significant? It Depends on the Model," *Educational Technology Research and Development*, vol. 61, pp. 639–663. 2013. <https://doi.org/10.1007/s11423-013-9304-7>
- [31] Y. Hou, "Gender Difference in Language Learning with Technology," in *Learning and Collaboration Technologies. Designing Learning Experiences*, vol. 11590, P. Zaphiris and A. Ioannou, Eds. Springer, 2019, pp. 256–265. [https://doi.org/10.1007/978-3-030-21814-0\\_19](https://doi.org/10.1007/978-3-030-21814-0_19)
- [32] J. L. Davis and H. Davis, "Perceptions of Career and Technology and Training and Development Students Regarding Basic Personal Computer Knowledge and Skills," *College Student Journal*, vol. 41, no. 1, pp. 69–79. 2007.
- [33] M. L. Hung, C. Chou, C. H. Chen, and Z. Y. Own, "Learner Readiness for Online Learning: Scale Development and Student Perceptions," *Computer & Education*, vol. 55, no. 4, pp. 1080–1090. 2010. <https://doi.org/10.1016/j.compedu.2010.05.004>
- [34] E. Tekinarslan, "Faculty of Education Students' Self-Efficacy Perceptions toward Online Technologies," *Electronic Journal of Social Sciences*, vol. 10, no. 37, pp. 120–134. 2011.
- [35] E. R. Khrismaninda, "An Analysis of Students' Perception and Motivation in Learning English by Using Google Classroom During Covid-19 Pandemic in The Eleventh Graders at Sma N 1 Kec. Payakumbuh," *Journal of English Language Teaching*, vol. 10, no. 4, pp. 588–598, 2021. <https://doi.org/10.24256/ideas.v10i1.2823>
- [36] D. G. Blasko, H. C. Lum, and J. Campbell, "Gender Differences in Perceptions of Technology, Technology Readiness, and Spatial Cognition," *Proceedings of the Human Factors and Ergonomics Society Annual Meeting*, vol. 64, no. 1, pp. 1395–1399. 2020. <https://doi.org/10.1177/1071181320641333>
- [37] V. Ekahitanond, "Perceived Efficacy of Google Classroom Usage in Varied English Courses", *International Journal of Emerging Technologies in Learning (IJET)*, vol. 17, no. 05, pp. 266–280, 2022. <https://doi.org/10.3991/ijet.v17i05.22403>
- [38] S. K. Jan, "The Relationships between Academic Self-Efficacy, Computer Self-Efficacy, Prior Experience, and Satisfaction with Online Learning," *The American Journal of Distance Education*, vol. 29, no. 1, pp. 30–40, 2015. <https://doi.org/10.1080/08923647.2015.994366>

- [39] D. Shen, M. H. Cho, C. L. Tsai, and R. Marra, "Unpacking Online Learning Experiences: Online Learning Self-Efficacy and Learning Satisfaction," *The Internet and Higher Education*, vol. 10, pp. 10–17, 2013. <https://doi.org/10.1016/j.iheduc.2013.04.001>
- [40] Google, "Introducing Google Workspace for Education. Google Workspace Updates," *Google Blog*, 07-Feb-2021. <http://workspaceupdates.googleblog.com/2021/02/introducing-google-workspace-for-education.html>
- [41] Google, "Learning tools & educational solutions," *Google for Education*, n.d. [Online]. Available: <https://edu.google.com/workspace-for-education/editions/overview/>. [Accessed: 23-Feb-2023].
- [42] G. W. Rukmana, "Students' Perception toward the Use of Google Classroom as Teaching and Learning English Media for EFL Students," *Journal of Educational Study*, vol. 1, no. 3, pp. 191–199, 2021. <https://doi.org/10.36663/joes.v1i3.167>
- [43] S. Jazil, L. A. Manggiasih, K. Firdaus, P. M. Chayani, and S. N. Rahmatika, "Students' attitudes towards the Use of google forms as an online grammar assessment tool," in *Proceedings of the International Conference on English Language Teaching (ICONELT 2019)*, 2020. <https://doi.org/10.2991/assehr.k.200427.033>
- [44] D. Kurniawati and S. Lestari, "Using Google Forms for Online Listening Test: Does It Work?," *English Education: Jurnal Tadris Bahasa Inggris*, vol. 13, no. 2, pp. 136–155, 2020.
- [45] B. M. Nehe, "Students' Perception on Google Meet Video Conferencing Platform During English Speaking Class in Pandemic Era," *English Review: Journal of English Education*, vol. 10, no. 1, pp. 93–104, 2021.
- [46] I. E. Pertiwi and P. Purnawarman, "Google Sites as an E-Learning Module for Online Learning: A Mode of Choice During The Covid-19 Pandemic," *PROJECT (Professional Journal of English Education)*, vol. 6, no. 1, pp. 187–200, 2023.
- [47] A. Ulinuha and T. A. Parnawati, "Students' Perspective on the Use of Google Sites in General English Class at Higher Education," *IDEAS: Journal on English Language Teaching and Learning, Linguistics and Literature*, vol. 10, no. 2, pp. 1806–1815, 2022. <https://doi.org/10.24256/ideas.v10i2.3224>
- [48] F. Hidayat, "Exploring Students' View of using Google Docs in Writing Class," *Journal of English Education and Teaching*, vol. 4, no. 2, pp. 184–194, 2020. <https://doi.org/10.33369/jeet.4.2.184-194>
- [49] K. O. Jeong, "A Study on the Integration of Google Docs as a Web-Based Collaborative Learning Platform in EFL Writing Instruction," *Indian Journal of Science and Technology*, vol. 9, no. 39, pp. 1–7, 2016. <https://doi.org/10.17485/ijst/2016/v9i39/103239>
- [50] A. T. Pham, Y. N. N. Nguyen, L. T. Tran, K. D. Huynh, N. T. K. Le, and P. T. Huynh, "University Students' Perceptions on the Use of Google Translate: Problems and Solutions," *International Journal of Emerging Technologies in Learning (IJET)*, vol. 17, no. 04, pp. 79–94, 2022. <https://doi.org/10.3991/ijet.v17i04.28179>
- [51] Z. M. Khalil, "EFL Students' Perceptions towards using Google Docs and Google Classroom as Online Collaborative Tools in Learning Grammar," *Applied Linguistics Research Journal*, vol. 2, no. 2, pp. 33–48, 2018. <https://doi.org/10.14744/alrj.2018.47955>
- [52] P. Chiablaem, "Enhancing English Communication Skills of Thai University Students through Google Apps for Education (GAPE) in a Digital Era during COVID-19 Pandemic," *Shanlax International Journal of Education*, vol. 9, no. 3, pp. 91–98, 2021. <https://doi.org/10.34293/education.v9i3.3921>
- [53] J. W. Creswell, *Research Design Qualitative, Quantitative and Mixed Methods Approach*, 4th ed. Thousand Oaks, California: SAGE Publications, 2014.
- [54] L. Cohen, L. Manion, and K. Morrison, *Research Methods in Education*, 7th ed. London, UK: Routledge, 2011.

## 8 AUTHORS

**Pham Duc Thuan** is an English lecturer at Department of Foreign Languages and Information Technology, Hoa Lu University, Viet Nam. He received his Ph.D. in TESOL from University of Languages and International Studies, Vietnam National University, Hanoi in 2022. He has more than ten years of experience teaching English at the tertiary level. He is interested in English teaching methodology, learner autonomy, professional development, CALL, and MALL (email: [pdthuan@hluv.edu.vn](mailto:pdthuan@hluv.edu.vn)).

**Nguyen Thi Hong Hanh** is a senior lecturer at National Economics University (NEU) in Hanoi, Vietnam. She has more than fifteen years of experience working at the university with a solid educational background in English Language Teaching as well as Banking and Finance. Her primary responsibilities include teaching General English, Business English, English for Banking and Finance, and Project for English Language Classrooms, participating in research projects at the university and supervising students on their graduation theses. Her research interests cover CALL, MALL, ESP, EMI, English Language Teaching and Learning, and Teachers' Professional Learning Community (email: [honghanh@neu.edu.vn](mailto:honghanh@neu.edu.vn)).